

15 THÁNG 7 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

NGUYỄN VĂN TRUNG *đại-học và phát triển quốc gia* *
NGUYỄN VĂN XUÂN *văn nghệ miền Nam nhìn từ miền
Trung* * HỒ ĐÌNH *chúa Yêsu trước quyền chính-trị* *
NGUYỄN TOẠI *nhân độc "Giai-thoại làng Nho"* * TỪ
TRÌ *thế giới trong những tuần qua* * NGUYỄN HIẾN
LÊ *Ben Goution và công cuộc xây-dựng quốc-gia Do-
Thái* * MINH QUÂN *lá thư Ý quốc* * ĐỖ TIẾN ĐỨC
má hồng * BÙI KIM ĐÌNH *xóm tre* * VŨ HOÀNG
CHƯƠNG *đôi ngả* , CỘNG TRÚC *dáng hạ* ,
SINH HOẠT *thời sự*

văn nghệ . Thoại kịch :

Người giết Tần - Cối .

253





Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



BACH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 253 ngày 15 - 7 - 1967

NGUYỄN VĂN TRUNG <i>đại - học và phát-triển quốc - gia</i>	3
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>văn - nghệ miền Nam nhìn từ niềm Trung</i>	11
HỒ-ĐÌNH (L.M.) <i>chúa Yêsu trước quyền chính-trị</i>	15
NGUYỄN TOẠI <i>nhân đọc «Giai thoại làng Nho» của Lãng-Nhân</i>	23
ĐỖ TIẾN ĐỨC <i>má hồng (truyện dài)</i>	30
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : bỏ và đi</i>	41
MINH QUÂN <i>lá thư Ý quốc</i>	49
BÙI KIM ĐÌNH <i>xóm tre (truyện ngắn)</i>	57
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>ở vào chỗ chết thì tìm ra được lối sống : Ben Gourion và công cuộc xây dựng quốc-gia Do-Thái</i>	69
TỪ TRÌ <i>thế giới, trong những tuần qua</i>	75
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>đôi ngả (thơ)</i>	78
CÔNG TRÚC <i>dáng hạ (thơ)</i>	79
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	80
<i>Người giết Tần cối</i>	82

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 25\$ Công sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Cùng quý bạn đọc Bách-khoa Thời-đại

Từ hơn hai tháng nay quý bạn đã rõ giá giấy báo lại tăng lên lần nữa. Riêng giấy báo khổ lớn 65x100, vẫn in Bách-Khoa, thì biến hẳn trên thị-trường. Vì không muốn đổi ra khổ nhỏ như mấy số tháng 8 tháng 9 năm ngoái, làm xấu cả bộ báo trên 30 tập của quý bạn, nên chúng tôi cố gắng giữ khổ cũ của Bách-Khoa đã có từ trên 10 năm nay và do đó chi phí về giấy báo phải tăng lên quá gấp rưỡi... Mặt khác với giá sinh hoạt hiện nay, chi phí ấn loát cũng tăng lên trên 40% nữa. Bởi vậy chúng tôi buộc lòng phải tăng giá báo mỗi số từ 20\$ lên 25\$.

Thực ra tổn phí về giấy và ấn loát tăng lên gấp rưỡi mà giá báo chỉ tăng lên 5\$ mỗi số thì vẫn chưa bù được sự leo thang của những phí khoản trên, nhưng chúng tôi vẫn hy vọng sau này sẽ có thể mua được loại giấy khổ 65x100 với giá chính thức. Mong quý bạn thông cảm sự cố gắng của chúng tôi mà chấp nhận cho sự tăng giá trên đây cũng như quý bạn đã ủng hộ tạp chí Bách-Khoa từ trên mười năm nay.

Số này cũng như hai số trước đây, vì có sự trục trặc trong công việc ấn-loát, nên kỳ nào cũng ra trễ từ một ngày tới hai ba ngày. Chúng tôi xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn và sẽ cố tìm mọi cách để từ số tới đây báo sẽ phát hành đúng kỳ hẹn như trước.

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

GIÁ BÁO DÀI HẠN

từ số 253 (15-7-1967)

★
Một năm : 520 \$
Sáu tháng : 270 \$

★

Miền Trung và Cao-Nguyên : Thêm cước phí máy bay 30\$
Ngoại Quốc : cước phí tàu thủy 50\$

ĐẠI-HỌC

và phát-triển quốc-gia

● NGUYỄN-VĂN-TRUNG

L.T.S. — Trên đây là đề-tài cuộc nói chuyện của giáo sư Nguyễn-văn-Trung, ngày 30-6-67 vừa qua tại trụ sở Tổng Hội Sinh Viên Saigon. Theo diễn-giả thì trong những năm qua, đã có rất nhiều ý-kiến về cải tổ Đại-học được nêu lên, nhưng tựu trung, những ý-kiến đó chỉ nhằm phê phán từng khía-cạnh của vấn đề. Muốn có một cải tổ hợp lý về Đại-học phải xét lại tự nền tảng chế độ giáo dục, đại-học hiện nay. Mà «nền giáo-dục nói chung, và nền đại-học nói riêng ở miền Nam-Việt-Nam hiện nay, về «căn bản», vẫn chỉ là một thừa hưởng nền học-chính thuộc-địa do thực dân Pháp thành lập». Bởi vậy trước hết ông phê bình nền Đại-học Pháp, một nền Đại học nề bằng cấp trong việc tuyển dụng giáo sư, có một lẽ lối giảng dạy lối thời mà bài giảng giáo trình (Cours Magistral) chỉ là một thứ độc thoại của giáo sư, ngăn chặn đối thoại. Thi cử chỉ nhằm loại bỏ trong khi đáng lẽ chủ yếu phải nhằm kiểm soát, lựa chọn và hướng dẫn. Tỷ số sinh viên rớt ở các chứng chỉ khá cao và sự thất bại của sinh viên chính là sự thất bại của nền Đại học. Cơ cấu Đại học Pháp thường bị phê bình ở ba điểm : Phân chia đại học thành những khoa cách biệt (ngăn chặn sự trao đổi liên lạc giữa những bộ môn học gần gũi nhau) ; Thiếu tự trị trong việc quản trị đại-học (lệ thuộc chính phủ) ; thiếu linh động trong việc phân chia Đại học (trường Đại học nào cũng mở đủ các phân khoa và dạy đủ các môn nên không có một khuôn mặt riêng phù hợp với những đòi hỏi và khả năng địa phương).

Tiếp theo phần trên đây, là phần «phê bình nền đại học ở miền Nam Việt Nam» và phần «Đại học và phát triển» mà chúng tôi xin trích đăng những đoạn chính sau đây

PHÊ BÌNH NỀN ĐẠI-HỌC Ở MIỀN NAM VIỆT-NAM

Tất cả những điểm phê phán nền đại học Pháp ở trên đều áp dụng đúng với nền đại học ở miền Nam Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên những thiếu sót, khuyết điểm của nền đại học Việt Nam còn trầm trọng hơn, phi lý hơn, vì nếu đại học Pháp đã không thích nghi với hoàn cảnh xã hội Pháp ngày nay thì đại học miền Nam Việt Nam, con đẻ của đại học Pháp, còn thua kém tình trạng lối thời của đại-học pháp, càng không thích nghi với hoàn cảnh Việt-Nam hiện nay.

I — Thân phận người sinh viên

Người thanh niên mới đỗ xong tú-tài muốn tiếp tục đại học đứng trước ngưỡng cửa đại học, không có quyền tự do lựa chọn ngành học phù hợp với khả năng của mình, vì chỉ có một số trường nhất định. Trong số trường hạn hẹp nhất định đó, mặc dầu có thể không thích, nhưng vẫn phải lựa chọn, vì những trường đó dù sao cũng còn hứa hẹn một tương lai tương đối bảo đảm. Tuy nhiên, thiết thực, một số đông sẽ bị gạt khỏi những trường đó vì nhu cầu ít, khả năng thu nhận có hạn.

Không thi vào được các trường Cao đẳng kỹ thuật, Đại học sư phạm, đành chạy vào các phân khoa. Nhưng từ khi số sinh viên dồn về các phân khoa quá đông, nhiều phân khoa cũng tổ chức thi vào nhằm ngăn chặn, cũng vì khả năng thu nhận của trường có hạn. Đó là trường hợp Y Dược, Khoa học. Rút cục các sinh viên thi trượt vào các phân khoa trên chỉ còn cách ghi tên vào Văn khoa, Luật khoa mặc dầu đã chuyên về Toán, Lý hóa, Vạn vật... Việc tổ chức thi vào các trường, Y, Dược, Khoa học là một biện pháp hợp lý về phương diện khả năng hiện tại của trường, nhưng phi lý về phương diện giáo dục, bất nhân về phương diện xã hội, vì nó hoàn toàn tiêu cực, chỉ nhằm loại bỏ — một loại bỏ không bao hàm dự liệu lối thoát cho những người bị gạt bỏ.

Sự kiện ở Văn khoa, Luật khoa con số sinh viên tăng lên vùn vụt mỗi năm, từ một hai nghìn, đến hơn một vạn không phải là triệu chứng tiến bộ, mà chính là bằng chứng hùng hồn về [một] sa đọa càng

ngày càng trầm trọng của nền đại học ở miền Nam, vì sự gia tăng chỉ có nghĩa như một vơ vét tất cả những « thừa thãi, loại bỏ » của các phân khoa khác.

Khi vào Đại học, đã không được hướng dẫn, sửa soạn một cách hợp lý; ở trong Đại học, lại gặp rất nhiều khó khăn về học hành.

Thiếu trường sở, giảng đường, thiếu trang bị về thư viện, phòng thí nghiệm.

Chưa quen nghe giảng ở Đại học, nhất là bằng ngoại ngữ, chưa biết ghi bài giảng, sinh viên cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, không được hướng dẫn, chỉ bảo, giải thích, nhất là những sinh viên năm thứ nhất.

Đó là chỉ xét những khó khăn liên quan đến chính việc học hành; chưa nói đến những thiếu thốn về sinh hoạt bên lề đại học, rất cần thiết để nâng đỡ, phụ trợ việc học hành ! Đâu là cư xá sinh viên, quán cơm rẻ tiền sinh viên ? Đâu là nhà thương, nhà dưỡng bệnh (sanatorium) dành cho sinh viên ? Đâu là những sân thể thao, bể bơi, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ sinh viên ?

Không dám so sánh với tình cảnh sinh viên ngoại quốc, chỉ so sánh với tình cảnh sinh viên Việt Nam thời tiền chiến, tình cảnh sinh viên hiện nay cũng đã thua kém đủ mặt.

Với những khó khăn không thể vượt qua như vậy, dĩ nhiên ít sinh viên có may mắn thoát khỏi những kỳ thi. Tỷ lệ đỗ thường rất thấp, đôi khi xuống tới 20%, 30%.

Một lớp dự bị văn khoa gần hai nghìn sinh viên, cuối năm đỗ khoảng trên dưới 500. Vậy còn 1500 kia họ đi đâu ? Một

số nhỏ sẽ học lại hay qua khoa khác. Còn số đông kia họ đi đâu ?

Thật lạ lùng khi nhận thấy những người có trách nhiệm giáo dục và xã hội chỉ nghĩ đến và lo liệu cho những người đổ.

Phải chăng những người trượt là thứ bỏ đi, đồ phế thải, do đó không cần để ý tới ?

Đã hẳn rất dễ thấy những nguyên nhân trượt, y hệt tình cảnh sinh viên Pháp, (Học ngành không phù hợp với khả năng của mình, thiếu điều kiện vật chất, tinh thần ; riêng Việt Nam, còn thêm nguyên nhân : chuyên ngữ). Rất nhiều sinh viên năm I trường Y-Dược trượt, và hằng mấy năm liền chỉ vì không hiểu bài giảng bằng tiếng Pháp do các giáo sư người Việt đảm nhiệm ! Có sinh viên rất giỏi về khoa học nhưng vẫn không qua khỏi dự bị chỉ vì không hiểu, không nói được tiếng Pháp. Có sinh viên dự bị Văn khoa rất giỏi về Việt văn, bị trượt về điểm loại Pháp văn, hoặc rất giỏi về Pháp văn nhưng bị loại về chữ nho, nghĩa là những môn phụ mà họ sẽ không còn để ý tới khi lên chúng chí. Tại sao một sinh viên đầy đủ khả năng về ngành mình định chuyên môn lại bị loại ra khỏi đại học vì không qua được năm dự bị chỉ tại những môn phụ không cần thiết lắm ?

Có lẽ ít giáo sư băn khoăn khi bước ra khỏi phòng Hội đồng về số phận người thi trượt. Hình như giáo sư tin rằng họ trượt là vì *đáng* trượt, nghĩa là tại họ cả. Ít khi giáo sư tự hỏi họ trượt có phải là vì ta và nhìn nhận sự thất bại của họ chính là sự thất bại của mình.

Đối với thiều số có may mắn đỗ, tương lai cũng không đảm bảo gì.

Thiều số này càng ngày càng ít đi khi càng lên lớp trên, nghĩa là có rất nhiều sinh viên bị loại ngay từ năm đầu, năm dự bị, và cũng có rất nhiều sinh viên bị loại trong các năm tiếp theo, và do đó rất ít sinh viên thực sự tốt nghiệp đại học. Số ít đó đi về đâu ?

Trừ những trường cao đẳng và phân khoa nhằm sửa soạn nghề nghiệp rõ rệt như Y, Dược, còn trường Luật, Văn khoa? Đỗ cử nhân Luật, Văn khoa rồi làm gì ?

Chẳng hạn tại Văn khoa, sinh viên tốt nghiệp Văn khoa nhằm được bổ nhiệm đi dạy học ở các trường công, tư. Nhưng số trường công vẫn thế, mà số giáo sư mỗi năm mỗi thêm ; nguyên Đại học sư phạm cũng cung cấp đủ rồi. Chẳng hạn về Triết học. Năm nay Đại học sư phạm cho ra lớp Triết cuối cùng ; kỳ thi vào ban Triết đã bãi bỏ từ 2, 3 năm vì đã quá đủ các giáo sư dạy Triết, một số lớn phải về làm ở Bộ, hay dạy Công dân, Việt văn ; như thế chứng chỉ cử nhân Triết, dù là cử nhân giáo khoa của Đại học Văn khoa cũng không có hy vọng được tuyển dụng !

Đại học Văn khoa cũng không sửa soạn đi làm, vì kiến thức học ở trường rất từ chương, sách vở xa xôi, trong khi các công tư sở đòi hỏi chẳng hạn nói viết thạo sinh ngữ, mà viết, nói thạo tiếng Anh, tiếng Pháp thì đi học ở hội Việt Mỹ hay lớp Pháp văn do Pháp bộ văn hóa Pháp tổ chức hiệu nghiệm và nhanh chóng hơn nhiều.

Còn những bộ môn như chữ Hán, ngữ học, nhân chủng học... lại càng mơ hồ, vì không có những Viện nghiên cứu, những cơ quan thu nhận những người chuyên về các ngành trên.

II.— Quang cảnh Đại-học dưới mắt một giáo sư ngoại - quốc.

Về lẽ lối giảng dạy, tương quan giữa giáo sư và giáo sư, sinh viên với giáo sư tổ chức đại học, cũng tương tự tình cảnh Đại học Pháp, nhưng bi đát hơn:

Đề cho có vẻ khách quan hơn, thiết tưởng có thể dựa vào minh chứng của một giáo sư ngoại quốc đã dạy ở Đại học Việt Nam.

Chẳng hạn dưới đây là những nhận xét của ông Kasptein (1)

A) — Về tổ chức đại học

... « Tôi nhận thấy đại học này theo khuôn mẫu của những đại học Pháp, nhưng không mấy lưu tâm đến điều khuôn mẫu đó có thích hợp với sinh viên Việt Nam không? Đứng đầu Viện Đại học là viện trưởng, đương nhiên giữ trọn quyền hành, chịu trách nhiệm với Bộ trưởng Giáo dục. Dưới ông ta là các vị khoa trưởng, mỗi vị đứng đầu một phân khoa; mỗi phân khoa hầu như hoàn toàn độc lập với những phân khoa khác về phương diện điều hành; mỗi phân khoa cũng ở một trường sở riêng tại một khu khác nhau trong đô thành... »

B — Về quan hệ giáo-sư sinh viên, giáo sư - giáo sư

Tuy nhiên điều ngạc nhiên và bối rối nhứt của tôi là sự thiếu tiếp xúc giữa các vị khoa trưởng và các ban giảng huấn, giữa các vị giáo sư trong các ban giảng huấn, và giữa các vị giáo sư với sinh viên họ dạy, không có những buổi họp của ban giảng huấn, không có cả đến những cuộc tiếp xúc thông thường giữa các giáo sư nữa. Chúng tôi chẳng bao giờ họp nhau để nhận định về những gì chúng tôi đã làm, đề hỏi xem điều chúng tôi làm có đúng không, đề nêu lên

thắc mắc xem những tôn chỉ giáo huấn của chúng tôi như thế nào hay là đề trao đổi ý kiến với nhau...

...Tuy nhiên, điều làm tôi bận tâm hơn hết là giáo sư và sinh viên không hề gặp gỡ nhau ngoài giờ học. Không một dự liệu trù hoạch những buổi gặp gỡ như vậy; không có những phòng giấy cho giáo sư, không có những phòng nhóm, chẳng có một chỗ nào để giáo sư và sinh viên có thể ngồi đàm đạo. Lẽ đương nhiên, người ta không sao có thể hiểu được rằng những cuộc gặp gỡ ấy có thể là một phần của công cuộc giáo huấn.

C — Về lẽ lối giảng dạy: ghi chép máy móc...

...Tôi khám phá ra những sự ghi bài (đủ từng chữ một) là một kiểu giáo dục của trường Đại học, ghi chép những lời của giáo sư một cách hoàn toàn máy móc, mong đợi là sẽ trả lại thầy đúng hệt như vậy trong những kỳ thi cuối năm. Khi tôi nghe lóm vài giờ giảng dạy của các đồng nghiệp Pháp và Việt, tôi mới nhận thức được cái thói quen của sinh viên: các bài giảng đều được xướng lên bằng một giọng đều đều chậm rãi, ngưng lâu giữa đoạn văn và câu văn để những kẻ ghi chép từng chữ một có thể chép kịp.

Tôi được cho hay rằng sự thụ động của sinh viên bắt nguồn từ lòng kính sợ cùng cực đối với bực thầy. Lời của bực thầy được coi như giáo điều khắc trên bia đá... Nếu ông thầy cho phép (chứ không nói tới khuyến khích) sinh viên bàn luận trong lớp học, thì ông sẽ mất sự kính trọng của sinh viên.

(1) Thuộc Đại học Brown, đã dạy ở Đại học Văn khoa Saigon cách đây 7, 9 năm, khi về Mỹ viết một bài nhan đề: «A Saigon Saga» trong tờ «Brown University Alumni Montly» trích Nội san Văn Khoa số 2-1962. Nguyễn-anh-Tuấn dịch.

Lời đáp này làm tôi e ngại mất một thời gian. Rồi, một vài tuần sau khi bắt đầu giảng dạy ở Đại học Saigon, tôi thấy rằng thà để mất sự kính trọng của sinh viên và thực sự dạy cho họ được một đôi điều còn hơn là giữ sự kính trọng ấy mà chẳng dạy họ được gì.

Tôi từ chối không đọc bài giảng của tôi — thực ra thì tôi bỏ bài giảng ở nhà. Tôi nói không kiểu cách và nhanh gọn như ở quê nhà. Tôi cấm sinh viên viết, bắt họ phải nghe. Tôi không ngọt khuyến dụ họ, thúc bách họ, khẩn cầu họ chớ có tin tôi, mà hãy chất vấn tôi và tranh luận với tôi.

Đó là cuộc cách mạng Mỹ. Họ lặng người trước điều tôi thi hành. Họ ngồi đó thất đảm và bối rối vì những điều tôi đã thi hành... và rồi một bữa kia một bàn tay (một bàn tay mà đáng lẽ tôi phải hôn) giơ lên từ dưới cuối lớp. Một giọng ngưng ngưng hỏi tôi một câu và tôi biết rằng đã đạt mục đích. Một ngày vui của tôi.

Từ đó trở đi những lớp học của tôi chẳng khác gì những lớp học ở Brown, những câu hỏi, bàn cãi, tranh luận tự do trình bày và trao đổi ý kiến.

III.— Những nguyên nhân chính của tình trạng Đại học hiện nay

Phải đi vào sâu hơn, đụng tới chính nền tảng của chế độ đại học hiện nay, bằng cách tra hỏi mục đích của nó và quan niệm có tính chất ý-thức-hệ chi phối những thể-chế đại học.

A) Một nền đại-học nhằm sửa soạn địa vị cá nhân cho một thiểu số.

Khi thực dân Pháp lập ra những trường Cao đẳng, Đại học, họ chỉ nhằm, đào tạo một số thư lại, ông quan, tay sai cao cấp phục vụ cho chế độ thuộc địa.

Tầng lớp này cộng tác vào việc thống trị của thực dân và dĩ nhiên được hưởng một phần lợi do thực dân chia cho.

Họ có kiến thức, khả năng chuyên môn, nhưng thiếu ý thức quốc gia và tình thần phục vụ đất nước. Sự thăng tiến cá nhân của họ không những làm cho họ xa rời quần chúng. (không còn thông cảm với thân phận quần chúng) mà còn làm cho họ trở thành đối nghịch, thù địch với quần chúng vì quyền lợi của họ mâu thuẫn với khát vọng của quần chúng.

Sau khi người Pháp ra đi, hệ thống giáo dục, đại học cũ vẫn còn nguyên vẹn, và vẫn nhằm mục đích đào tạo một số thư lại, tay sai cho những thế lực tư bản thực dân cũ, mới, hay cho tư bản mại bản trong nước.

Nói rằng đại học chỉ đào tạo những tai sai, không phải những người lãnh đạo vì thực ra, đất nước ở miền Nam này, từ hơn 10 năm nay, vẫn do những nhà chính trị, những người có thế lực kinh tài lãnh đạo chỉ huy, chứ không phải giáo chức đại học, hoặc những người có bằng cấp đại học.

Vậy nền giáo dục, đại học do thực dân thiết lập, cũng như nền giáo dục, đại học thừa kế của chế độ thực dân, không nhằm mục đích phục vụ dân tộc, quốc gia. Quốc gia dân tộc không phải là những danh từ trừu tượng, nhưng bao gồm những tầng lớp xã hội nhất định, đặc biệt tầng lớp nông dân và lao động thành thị chiếm đại đa số. Một nền giáo dục đại học quốc gia phải nhằm phục vụ mọi tầng lớp xã hội, nhưng chủ yếu tầng lớp nông dân, lao động vì là tầng lớp đông đảo và đã chịu nhiều thiệt thòi, hy sinh hơn cả.

1 —) *Vai trò của nông - dân trong cộng đồng quốc-gia.*

Việt Nam là nước nông nghiệp, 80 0/0 dân chúng sống ở nông thôn. Nông dân chiếm đại đa số. Nhưng tầm quan trọng của nông dân không phải chỉ ở chỗ chiếm đại đa số mà ở chỗ là đại đa số sản xuất, trong khi thiểu số còn lại thường chỉ là dịch vụ (công tư chức, giáo sư, thương gia).

Do đó vai trò của nông dân rất quan trọng :

— a) *Nuôi cả nước (đơn vị sản xuất số một) :*

Thôn quê cung cấp lúa gạo, than củi, cá muối, hoa quả, rau cỏ cho thành thị và cả nước.

— b) *Lập nước.*

Nông dân là thành phần lập nước, mở mang nước. Cuộc Nam tiến trong lịch sử là do bàn tay cần cù của người nông dân khai sơn phá thạch, khẩn hoang, mở rộng bờ cõi, biến thiên-nhiên thành ruộng vườn..

— c) *Giữ nước.*

Bảo vệ đất nước chống ngoại xâm hoặc nội chiến. Tất cả những cuộc chiến tranh trong lịch sử cũng như hiện nay, đặc biệt là chiến tranh du kích đều lấy nông thôn làm chiến trường, và người nông dân vừa là nhân lực chính (lính) vật lực chính, vừa là nạn nhân bị thiệt thòi hơn cả vì chiến tranh.

— d) *Duy trì tình tự dân tộc.*

Xét về phương diện tinh thần, nông dân còn giữ một vai trò quan trọng hơn nữa : cái gì là dân tộc tính chủ yếu đều do nông dân mà ra, đồng thời cũng do nông dân duy trì bảo vệ, chống lại những

ảnh hưởng chi phối ngoại bang, những chính sách đồng hóa của kẻ thống trị về tư tưởng, phong tục, ý thức hệ...

...Trầm trọng hơn cả, là tình trạng bất công rõ rệt giữa những tầng lớp tư sản, trường giả thành thị với đa số quần chúng mà chủ yếu là nông dân. Những chênh lệch xã hội này một phần bắt nguồn từ những điều kiện thăng tiến xã hội ; được ăn học là một điều kiện chính của sự thăng tiến trên. Nhưng khi nhìn vào số trường học lớn nhỏ mở ở nông thôn, thành thị, khi xét tới tỷ-số con cái nhà nghèo được học lên tới đại-học, hay được đi du học, sẽ thấy sự chênh lệch, bất công, và con vua thì lại làm vua, con thầy chùa vẫn quét lá đa. Người nông dân không được ăn học, không có điều kiện thăng-tiến xã-hội để có thể đảm nhiệm-vai trò lãnh đạo quốc gia trên mọi bình diện (quốc hội, chính quyền...) và để có thể tham dự vào những sinh hoạt văn hóa, thể thao (báo chí, tiểu thuyết, bài hát, phim ảnh thường chỉ phản ảnh đời sống thành thị và phục vụ người thành thị). Bất công ở chỗ một tầng lớp đa số, nắm giữ vai trò chủ chốt là sản xuất nhưng lại bị bạc đãi, bỏ rơi, bóc lột.

2 —) *Đại-học và nông-dân.*

Trong viễn - tượng trên, chế độ đại học hiện nay là một bất công xã hội vì nó chỉ tạo điều kiện thăng tiến cho một thiểu số, và tệ hơn nữa, còn cho thiểu số đó, sau khi đã thăng tiến, quay lại bóc lột đa số.

Số sinh viên thuộc thành phần con nhà nghèo (nông dân, lao động) quá ít; nhưng đại học lại có tính cách quốc gia, công lập. Đại học quốc gia là một đầu tư nhân sự của quốc gia, do ngân sách

quốc gia đài thọ; ngân sách này do toàn dân đóng góp lợi tức, nhưng lại chỉ nhằm phục vụ một tầng lớp thiểu số.

Tình trạng phi lý của chế độ đại-học hiện nay là sự mâu thuẫn giữa tính chất công lập về tổ chức, cơ cấu đại-học và tính chất tư riêng về mục đích phục vụ.

Một người sinh viên vào học ở một đại học tư, khi tốt nghiệp, anh có thể được tự do hành nghề vì đã phải tốn kém rất nhiều về học phí (chẳng hạn, Đại-học tư ở Mỹ, phải trả từ 1000 đến 1300 mỹ kim về học phí (1)).

Nhưng nếu anh vào một Đại học công lập, anh không thể được tự do hành nghề khi tốt nghiệp, vì việc học của anh là một món nợ đối với xã hội, quốc gia mà anh có bổn phận phải trả sau khi tốt nghiệp.

Do đó, tính cách bất công của chế độ đại học công lập hiện nay là quốc gia bỏ tiền tiền phí cho một sinh viên ăn học từ 5 đến 7 năm trời, và sau khi tốt nghiệp bác sĩ, dược sĩ, luật sư, nha sĩ, họ được tự do hành nghề, nghĩa là không phải trả nợ trong khi đáng lẽ phải phục vụ quốc gia suốt đời hoặc trong một thời hạn nào đó. Chẳng những họ không trả nợ xã hội, mà còn bóc lột xã hội nhằm phục vụ tư lợi, nhất là khi họ nắm giữ chính quyền.

Sự tự do bất chính về mục đích đào tạo ở đại học tố cáo một chế-độ xã-hội xây dựng trên tự do bất chính về ý-thức-hệ.

Bất chính vì tự do ở đây chỉ lợi cho một thiểu số có điều kiện thăng-tiến hay thao túng, Tự do do học, buôn bán, ngôn luận, kinh doanh mà làm gì nếu không có tiền, có thể lực. Cho nên trong một chế độ chỉ tạo điều kiện tự do cho

một thiểu số bằng cách ngăn chặn đa số, thì giữa những người có phương tiện, điều kiện và không có điều kiện, phương tiện, tự do là áp bức và pháp lý, kỷ luật là giải phóng. (2)

Một chế độ xã hội hợp lý, có khả năng chấm dứt hoặc ít ra giảm bớt những bất công, chênh lệch quá đáng của xã hội miền Nam hiện nay, không thể xây dựng trên ý-thức-hệ tự-do chủ-nghĩa của các nước tư bản tây phương, mà phải thiết lập theo chiều hướng chủ nghĩa xã hội. Đó là một chân lý được hầu hết những người chuyên về những nước chậm tiến tán thành, và gần đây được chính Giáo-Hoàng Phao Lồ thứ 6 tuyên xưng trong Thông điệp «Phát triển thế giới».

Chủ nghĩa xã hội là một ý hướng nhằm thực hiện công bằng xã hội bằng phát triển quốc gia dựa trên một nền kinh tế hoạch-định. Công trình giáo dục và đại học phải được quan niệm và tổ chức như một đơn vị của sự hoạch-định phát-triển quốc-gia trên.

Nói cách khác, phải đặt lại mục đích, vai trò của nền đại-học hiện nay. Mở đại-học để làm gì, nhằm mục đích gì?

Nếu có kế hoạch và không còn chuyện tự do hành nghề, quốc gia sẽ thiết lập những viện bảo chế quốc gia, có thể với quy chế tự trị như viện Pasteur, lúc đó giá các thuốc đắt tiền, như kháng sinh, sẽ giảm xuống rất nhiều, đồng thời tránh được sự nhập cảng bừa bãi nhiều thứ thuốc cùng một công hiệu.

(1) Rogers. Des universités de notre temps, l'enseignement supérieur aux Etats—Unis p. 112.

(2) Nói theo câu của Lacordaire : «Giữa người giàu và người nghèo, giữa người khỏe và yếu, giữa chủ và tớ, thì tự do là áp bức và pháp luật là giải phóng».

Hoặc có phải nhằm đào tạo mỗi năm được trên dưới 100 bác sĩ để có thể hãnh diện về trình độ học-vấn của Y khoa Việt-Nam tương đương với Y khoa Paris ?

Do đó, phải dạy bằng tiếng Pháp, phải thi vào, đề loại bỏ v.v..., trong khi đất nước, nhất là nông thôn cần hàng ngàn y sĩ, hàng vạn y tá ?

Đặt y-khoa vào trong kế hoạch phát triển quốc gia, người ta bắt buộc phải tố cáo sự hãnh diện giả dối thực ra che đậy một chế độ đại học bất công vì nó chỉ nhằm đào tạo địa vị cá nhân và phục vụ cho thiểu số dân chúng thành thị (thử hỏi mỗi tỉnh, mỗi quận có bao nhiêu bác sĩ) đồng thời không ngần ngại hoặc là hạ thấp chương trình (theo kế hoạch, giai đoạn, bắt cần đi đến Paris hay Harvard) hoặc chia năm học thành hai ba đợt (cycle), cấp : cấp I, đào tạo y sĩ, trong 2, 3 năm ; cấp II, đào tạo bác sĩ, cho những y sĩ đã đi phục vụ 3, 4 năm ; cấp III, đào tạo giáo sư y-khoa cho những bác sĩ muốn tiếp tục đi vào con đường nghiên cứu, giảng dạy. Cũng trong viễn tượng kế-hoạch phát-triển quốc gia, phải hạn chế và duyệt lại những

trường hoàn toàn dịch vụ như Văn khoa, Luật khoa, và nhằm mở mang những trường liên-hệ mật thiết đến nhu cầu kinh tế quốc gia của một nước căn bản chỉ là nông-nghiệp, chăn nuôi, ngư nghiệp, lâm mục, tiểu-công-nghệ. Tại sao cứ mở thêm Văn khoa, Luật khoa ở Huế, Đà Lạt, Cần thơ, và có thể Nha Trang (như dự định) trong khi Đại học ở Szigon đã quá thừa, và nhất là trong khi thiếu một trường ngư nghiệp ở Nha Trang, một trường nông nghiệp ở Cần thơ, một trường lâm sản ở Đà Lạt.

Vậy điểm then chốt và cũng là nguyên nhân căn bản của tình trạng hỗn độn, bế-tắc phi lý của chế-độ đại học hiện nay ở miền Nam là *thiếu một chính sách đại-học* ; sở dĩ thiếu một chính sách về đại-học là vì hơn 10 năm nay thiếu một chính quyền thực sự cách mạng, thực sự lo lắng đến vấn đề phát triển quốc gia và quyết tâm thực hiện thực sự sự phát triển đó.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN VĂN TRUNG

Kỳ tới : Một cấp lãnh đạo đại học không được sửa soạn đảm nhận vai trò lãnh đạo-Tự trị Đại học. Đại học và phát triển quốc gia.

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cảm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

(KN SỐ 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI

• NGUYỄN - VĂN - XUÂN

Văn nghệ Miền Nam nhìn từ Miền Trung (1)

Hồi còn nhỏ, nghe ai nói đến văn chương, báo chí Nam kỳ là tôi (2) mỉm cười, cũng như khi nghe hát bộ, cải lương. Vậy mà lạ lùng : tôi vẫn theo người trong vùng, đọc cả đồng truyện Tàu của nhà Tín Đức Thư Xã. Báo chí thì vẫn mượn tạp chí Phụ-nữ Tân-văn và nhật báo Saigon xem cho được. Nhìn rộng ra chung quanh, những nhà khá giả đều có một vài tập Nhị Thiên Đường in những truyện kiếm hiệp như Bạch Yển Nhi, tiểu thuyết phong tục như «Ngọn cỏ gió đùa» của Hồ Biểu Chánh. Còn bình dân thì thích tụng các loại truyện bán hai ba xu, bày đầy hai bên đường đi xuống chợ Hội-An : truyện thơ lục bát như Thạch Sanh Lý Thông, về Mụ Đội, Phạm Công Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn..

Văn chương miền Bắc hình như rất ít thấy bán. Bộ Nam Phong thì riêng các nhà giàu, học thức rộng mới dám mua, xem xong cất vào tủ. Đặc biệt chỉ nhà nào có người đi Hànôì — một hiện tượng hiếm hoi vì người Trung ra chốn người khôn của khó đó làm gì ? — mới đem theo về cùng một bí đao, hột dưa, một mớ những truyện dịch như Tuyết Hồng lệ sử, Vợ tôi, Vợ lẽ yêu của tôi, thơ Á Nam Trần Tuấn Khải và dăm

bảy cuốn tiểu thuyết nhỏ nhoi, hầu hết là ái tình thơ mộng, những quyển tiểu thuyết mà có lẽ ta chỉ còn tìm thấy chứng tích trong một bài báo của Phạm Quỳnh đại loại cho biết phong trào tiểu thuyết rất bành trướng... Đó là những quả mùa Xuân, cộng thêm một cái bánh Chưng xanh nữa thì người ta được hưởng phong vị một cái Tết ở đất Bắc xa xôi, hình như chỉ có trong lịch sử. Nếu tôi nhớ không sai thì cả một vùng rộng mênh mông ở quê tôi, chỉ có vài gia đình có cái điểm phúc ấy vào khoảng năm 1930.

Sau đó mấy năm, trong khi giới bình dân cứ tụng truyện Tàu, truyện lục bát, thì chúng tôi làm quen với Phong Hóa, Tiểu thuyết thứ bảy, Loa, Hànôì báo v.v. Nhưng hình như các loại này chỉ bán chạy ở các đô thị — nhất là Huế — và chỉ dành riêng cho những ai có một học thức mới, Lớn lên, vào Nam, tôi vẫn mang mặc cảm của một người không bao giờ cần biết văn chương miền Nam là gì. Tôi cũng thấy người miền Nam tỏ

(1) Hầu hết những chữ «Miền Trung» trong bài này chỉ khoảng từ Ái-Vân vào đến cuối Miền Trung.

(2) ở Miền Trung.

ra rất khâm phục các văn thi sĩ Trung Bắc. Kề ra cũng có lý do : về phần địa phương Saigon thì những tờ báo có thể lực tinh thần nhất đều là của các nhân vật Miền ngoài như Phan Khôi, Đào Trinh Nhất, Bùi Thế Mỹ, Nguyễn Đức Nhuận .v.v. (Tất nhiên không nói đến báo Tây mà các tay cự phách nếu không phải Pháp thì cũng là người Nam) Đối với các hạng tân học, có xu hướng góp phần vào nền văn - nghệ mới, thiết tưởng chỉ cần đọc câu sau đây của nhà văn Sơn-Nam cũng đủ thấy lòng khâm phục của hạng tân tiến, yêu tiếng Mẹ hồi đó :

« Sách báo cũng thế !

« Quý bạn đọc giả tuổi trên bốn mươi, hẳn còn nhớ lại cái thuở học trò của mình để so sánh với học trò thời nay. « Thuở ấy, sấm viết máy Kao-lo đã là xa xỉ phẩm, tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn, Phổ thông bán nguyệt san, Tiểu thuyết Thứ Bảy, báo Mai, báo Tân Văn, báo Lục tỉnh Tân văn thật khó kiếm. Ở tỉnh lỵ mà trong nhà có Phổ Thông Bán nguyệt san đã là sang trọng lắm rồi, nói chi đến « Nam Phong (1) » Tôi nhớ một lần, hồi tôi viết cho một tạp chí, tờ Văn Lang của bác sĩ Hồ tá Khanh. Thư ký tòa soạn, một người đồng tỉnh, anh Hải Văn (nay là nhà biên khảo kiêm giáo sư Thiên Giang) cho biết tạp chí quy tụ khoảng 40 nhà trí thức « Retour de France » bên cạnh những ông Lê Thọ Xuân, Huỳnh-u-Mai (Phan văn Hùm) Đào duy Anh, Jean Turoiv .v... Rồi anh đề nghị tôi viết một số bài tương đối quan trọng hơn cái tuổi mười chín của tôi nhiều. Tôi có nói với anh : « Sao anh không mời các vị trí thức kia viết cho. Chắc họ phải có nhiều ý kiến đặc sắc hơn tôi chớ ».

Anh mỉm cười : « Họ có nhiều bằng cấp, nhưng một số đông không viết được tiếng Việt. Bài họ phải viết bằng Pháp văn rồi đưa sang đây cho tôi dịch lại. Anh biết một ông đậu những cái bằng rất cao đó đã viết chi không ? « Đàn bà Việt Nam không nên ăn trầu vì ăn trầu dơ lắm ! » Báo hại tôi phí không biết bao nhiêu thì giờ và văn của họ đại loại như thế cả. Nhiều khi dịch gần xong bài, tôi cũng chẳng hiểu họ muốn nói cái gì.

Thành ra, thuở ấy, trong mắt tôi, văn nghệ Miền Nam có hai loại : loại bình dân thì quê mùa, hủ lậu. Loại trí thức thì chỉ biết viết tiếng Tây, nói tiếng Tây như gió dù đó là nhà báo như Nguyễn Phan Long, nhà chính trị « cao cấp » như Nguyễn văn Thịnh, hay chính trị « bình dân » như Tạ-Thu-Thâu. Tôi chỉ ngạc nhiên có hai điểm về giới bình dân : nhiều người phu xe, người đạp xích lô mà cũng nghiêm nhiên mua một tờ nhật báo, ngồi dựa ngửa ngay ngoài đường mà đọc ngon lành. Đọc báo (chứ chưa phải đọc ngoài đường) ở Trung Việt chỉ có hạng học thức mà thường là công chức mới dám, nên xem sự đó như một đặc quyền (riêng giá tờ báo ra đến Trung là 3 xu, mà lương một người nghèo làm thuê, ăn cơm ba bữa chỉ khoảng từ 5 đến 10 xu một ngày. Điều thứ hai là tại các rạp cải lương, người ta chen nhau mua vé dù giá rất đắt, đắt không tưởng tượng được đối với túi tiền Miền Trung. Vậy mà những người lao động vẫn dẫn vợ con đi xem một cách thản nhiên như họ thản nhiên sáng sáng dắt vợ con đi ăn xiu mại, uống cà phê sữa (lần đầu, tôi thấy trẻ con

(1) Đồng Nai, số 7, trang 71.

không phải người Âu Châu uống cà phê sữa).

Như vậy, văn nghệ miền Nam sẽ đi đâu? Cứ xem một sạp báo đầy những tạp chí, sách truyện miền Bắc, tôi yên trí là muôn năm rồi nó sẽ như thế, sẽ cứ bị như đã bị văn chương miền Bắc, miền Trung không chế bằng ấn loát phẩm và bằng chính con người, tức nhà văn, nhà thơ, nhà báo. Thời ấy rất nhiều ký giả Quảng Nam Quảng Ngãi nổi tiếng ở Saigon mà tên tuổi học giả kiêm ký giả Phan Khôi sáng bật như ngôi sao chói lọi.

Tôi không hề chú ý đến văn chương miền Nam và cứ đinh ninh là nó đã và sẽ chẳng đi đến đâu cả.

oOo

Sau này, khi đã trên ba mươi tuổi, tiếp xúc nhiều với dân chúng, đọc nhiều những văn phẩm có quan hệ với văn học sử dân tộc, nhìn kỹ sự vật dưới bộ mặt thực của nó, tôi mới ngạc nhiên là càng ngày càng khám phá ra nhiều điều khác hẳn.

Miền Nam vốn có một địa vị về văn nghệ và có ảnh hưởng sâu rộng trong quảng đại quần chúng lan tràn đến cả Miền Trung lẫn Miền Bắc. Miền Nam đã gây phong trào tiên phong về mọi phương diện văn nghệ: báo, tạp chí, truyện ngắn, truyện dài, truyện dịch các biệt tiểu thuyết Trung Hoa, truyện phóng tác tiểu thuyết Tây, phong trào xuất bản rộng lớn các loại thơ bình dân và rất phồn thịnh, đến nay vẫn còn dẫn đầu về sân khấu.

Văn nghệ Miền Nam phải có quyền được các học giả nghiên cứu sâu rộng. Bộ Văn học sử của Dương Quảng Hàm cũng như các bộ Phê bình văn học của

Vũ Ngọc Phan đều phiến diện. Việc giảng dạy trong các nhà trường không thể tiếp tục như cũ. Không thể quá nặng về Văn học miền Bắc mà lầm tưởng là Văn học Việt Nam vì văn học Việt Nam từ thế kỷ XVII trở lui chính là văn học hai Miền, mà từ 1862 đến 1932 thì Miền Nam đã vọt lên vai tiên phong, hướng dẫn cả mọi phương diện phát triển văn học quốc ngữ mà còn đào tạo những nhà văn nhà báo cho cả hai miền sau một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Ngành sân khấu của Miền Nam cũng không thể bỏ ra ngoài Văn học sử khi nó đã vào Nghệ thuật sử.

Định lại giá trị văn học Miền Nam, chính là trở về sự thật, chính là biết tỏ lòng yêu quý và lo lắng cho đời sống tinh thần của dân miền Nam mà trong hoàn cảnh hiện tại, đó là lực lượng chủ yếu của mọi thắng trận! Không gì vô lý và đau xót bằng khi một học sinh đệ nhị học Đông-dương tạp-chí mà không học Phụ-nữ tân-văn. Nói về mọi phương diện, tạp chí sau này đã vượt xa tạp-chí trước về biên khảo, dịch thuật, bút chiến, phê bình tiểu thuyết. Đối với Nam-Phong tạp chí này có vẻ nhẹ nhàng, linh động, hoạt bát hơn, vừa gần trí thức mà vẫn không xa đại chúng. Chính từ đây là cái «bắc cầu» giữa Nam Phong và Phong Hóa, Ngày nay và trước khi hai tạp-chí của Nguyễn-tường-Tam ra đời, nó có vẻ «hiện đại hóa» hơn hết, nhất là về phương diện tư tưởng. Đã nói Phụ-nữ Tân-văn không thể không nói đến Phan Khôi. Tại sao học Phan Kế Bình, Trần Trọng Kim mà không học Phan Khôi. Chính hai học giả trên chỉ là sao chép lại những tư tưởng Khổng-Mạnh, có hệ thống, chứ khám phá ra những cái hay, cái dở, một cách đích đáng nhất, bằng lương tri và trí-thức

với giọng văn vút bỏ cái lối nặng nề, bác học rề rà của Phạm Quỳnh, đề diễn tả bằng giọng văn sống động, còn ai hơn Phan Khôi? Nêu cái gương can đảm, tiên phong trên văn đàn, còn ai hơn Phan Khôi? Có nhà nho nào có óc hoạt động và sáng kiến cũng như ít thành kiến như ông? Lại cũng không gì mĩa mai hơn là học Phạm Duy Tồn, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Trọng Thuật, cả Hoàng Ngọc Phách nữa, những nhà văn mà chính phê-bình-gia có tiếng là Vũ ngọc Phan nhìn nhận là kém hơn Hồ Biểu Chánh, một cây bút tiêu biểu nhất cho miền Nam, qua các thời kỳ thăng trầm nhất của lịch sử văn học, vẫn đứng vững như thạch trụ? Tại sao nhắc đến tiểu thuyết phôi thai lại không đề tâm nghiên cứu những tác giả miền Nam vào khoảng đầu thế kỷ. Trần Chánh Chiêu, Lý Hoằng Mưu, Tân Dân..., những tác giả đã thành công lớn ở miền Nam khi chính miền Bắc chưa ai biết tiểu thuyết là gì? Không thể nhìn bộ *Chặng Cà Mun* chẳng hạn bằng con mắt của người thời nay mà không thấy đó là sự thành công đáng kể của nền văn học nước nhà nhất là nhìn về phía quần chúng. Cũng như tại sao nhắc đến Nguyễn Văn Vinh mà không nhắc đến các dịch giả truyện Tàu đầu tiên, những người đã có công dẫn khởi cho nền văn nghệ Miền Nam trong buổi ban đầu?

Tuy nhiên, định lại giá trị văn học cũng không có nghĩa là mang cho nó một huy chương cổ điển rồi để nó chết lạnh ở đó, mà chỉ là

mượn sự quảng bá ở học đường để «cổ-điển hóa» những thành công vững chắc của nó, giúp cho nó tự kiên định giúp cho các tác giả trẻ vững niềm tin về di vãng, về hiện tại hòng tìm thêm sinh khí, cảm hứng và dẫn thân hăng hái hơn trên sáng tạo.

Điều quan trọng nhất của một nền văn học là tiến mãi không ngừng. Tiến cùng chính trị, kinh tế. Tiến cùng khoa học, kỹ thuật. Truyền thống văn nghệ Miền Nam bao giờ cũng nằm về phía quảng đại quần chúng cho nên cái triển vọng của nó thật hết sức lớn lao. Nhà văn Miền Nam trong hoàn cảnh đặc biệt này của lịch sử lại có rất nhiều bồn phận, trách nhiệm đối với Miền mà cũng đối với toàn quốc. Cho nên lược qua quá trình phát triển, tìm hiểu chân giá trị cùng nhận định về hướng đi và triển vọng của nó, tôi tưởng đó chính là điều mà chúng ta phải làm.

Không có tài liệu nào ở một cái thành phố vắng bóng văn học, tôi phải dùng những văn kiện rất nghèo nàn, rất thiếu sót và khai thác năng lực của một trí nhớ đã không còn vững vàng, chắc chắn. Nhưng nếu đề lại thì đề đến bao giờ? Và chẳng, tôi chưa có ý định làm một công trình quan trọng nào mà chỉ trình bày mấy ý nghĩ về quá trình phát triển của nền văn nghệ ấy trong khi chờ đợi cơ hội tìm kiếm tài liệu đích đáng hơn.

(Còn tiếp)

NGUYỄN VĂN XUÂN

PHÁT HÀNH THÁNG 7-67

ĐÊM ĐẠ VÀNG

TỪ BĂNG

Chúa Yêsu trước quyền chính-trị

Trong cuộc bầu-cử tổng-thống sắp tới, dù muốn dù không, yếu-tố tôn-giáo vẫn là một trong những yếu-tố chủ-chốt... Và có thể có những người cần đến ảnh-hưởng của những vị tu hành.

Có người cho đây là một dấu-hiệu đáng mừng, vì nó chứng-tỏ tinh-thần tôn-giáo cao-độ trong quê-hương xứ sở của chúng ta, trước họa vô thần. Người khác lại cho đây là một cuộc sa-lầy của tinh-thần tôn-giáo, chìm mình vào bùn như thế-tục, và để mất đi cái gì tinh-túy nhất làm nên tinh-thần tôn-giáo... Trước những nhận-định, những xác-tin trái ngược này, tưởng cũng khó mà phân biệt giới-hạn đâu là lẽ phải, đâu là lạm-dụng. Để khỏi lạc vào mê-hồn trận của luận-lý, — trong đó sau một hồi lẩn-quẩn, người ta lại thường chỉ đi đến những kết-luận mà mình đã thăm-ước, đã chọn trước, theo thành-kiến của mình, — chúng ta thử khách-quan tìm-hiểu thái độ của Chúa Yêsu, (1) vị sáng-lập Kitô-giáo, trước quyền chính-trị. Lời nói và hành động của Ngài có thể giúp cho những người có tinh-thần tôn-giáo cao, cũng như những người thiện-chí, thấy được thế nào là thái-độ của người tu-hành đích-thực trước quyền

chính-trị, và thế nào là quyền chính-trị theo Kitô-giáo. Trong nhân - giới này chúng ta cũng thấy được người công-dân có tinh-thần tôn-giáo phải cộng-tác với chính quyền như thế nào.

Những gán ghép văn-vẻ

Ai mới đọc qua bài giảng trên Núi của Chúa Yêsu, với những lời mới lạ, những đòi hỏi gắt gao, khó thực-hiện, có thể cho Ngài là một nhà mơ mộng vĩ-đại, một nhà cải-cách tôn-giáo xa-lạ hẳn với thế-giới của con người này :

*Phúc-thay những kẻ có trí-y nghèo khó !
Phúc thay cho kẻ đói khát công-chính !
Phúc thay những kẻ có lòng trong sạch !
Phúc thay những kẻ bị bắt bớ vì lẽ công chính !. (Mt. 5, 1-11)*

Ta bảo các ngươi : hãy yêu mến thù-địch và khẩn cầu cho những kẻ bắt bớ các ngươi. (Mt. 5, 44).

Nhưng nếu đọc tiếp giáo-huấn của Ngài thì con người vừa mới cho Ngài là một siêu-nhân viển-vông, lại phải kinh-ngạc nhận ra Ngài có những lời sát kê đời sống, chẳng có gì trong con người và đời người lại có thể kẻ được là xa-lạ với Ngài. Ngài rao-giảng bằng những ví-dụ lấy ra từ đời sống hằng ngày mà

(1) YÊSU : Chúng tôi theo bước linh-mục Nguyễn-Thế-Thuấn, tác-giả một bản-dịch Ta - Ước giá-trị, mà viết Yêsu thay vì Giêsu. Đây là hai trong nhiều lý-do khiến linh-mục Thuấn dùng « Y » thay cho « Gi » :

1) Kiểu đọc các tên riêng như Giê-su, Gio-an, Gia-cô-bê dựa trên chữ J của các tên đó hoặc trong tiếng La-tinh (Jesus, Johannes, Jacobus) hay tiếng Pháp (Jésus, Jean, Jacques), và có thể chúng ta đọc theo tiếng Ý-đại lợi (!) (Giesù, Giovanni, Giacobbe). Nhưng kiểu đọc của ta muốn dựa trên La-tinh một phần nào. Cứ xét về luật phiên âm thì phiên-âm La-tinh mới đúng. Nhưng khi đó thì J có giá-trị như I, và I đồng giá-trị với Y, nó có giá trị như khi chúng ta đọc (yên) trong tiếng « bằng yên ».

2) Lý do cốt-yếu hơn là để người đọc có thể nhận ra : trong tên riêng này có Danh Thiên-Chúa :

Tên người Do-thái thường có kèm thêm Danh Thiên-Chúa. Danh Thiên-Chúa được viết là YHWH, đọc là Ya-vê, viết tắt là « Ya » hay « Yô » hoặc « Y » ví dụ : Elya = Ya (vê) đích thực là El (Thiên-Chúa, thần) ; Jôkhanan (Yo-an) = Yavê thương-xót ; Yôsu = Yêsu (Yêsu) Yavê cứu-thoát.

Chúng tôi cầu-mong độc-giả thông-cảm với kiểu viết tên có tính-cách chú-giải này.

chắc Ngài đã phải quan-sát kỹ lắm. Trong những ví-dụ đó, chúng ta thấy Ngài đã lưu-ý đến đời sống xã-hội, chính-trị trong góc nhỏ bé của Đê-quốc La-mã, nơi Ngài sinh-sống.

Khi dạy môn-đồ phải khôn-ngoan, cân-nhắc kỹ, trước khi quyết-tâm theo Ngài, chứ đừng dửng dăng nửa chừng, Ngài đã dùng đến ví dụ trong đời sống chính trị :

Có vua nào sắp đi giao-chiến cùng vua khác, mà trước hết lại không ngồi mà bàn tính xem với một vạn quân, mình có nghinh chiến cùng vua kia kéo đến với hai vạn không ? Nhược bằng không, thì khi vua kia còn ở xa, ắt đã sai sứ-giả mà cầu hòa. (Lc. 14, 31-32)

Một dịp khác, Ngài cũng trưng ví-dụ lấy trong đời sống xã hội. Đó là ví-dụ người quản lý bất trung. Anh ta sắp bị đuổi, bèn mời các con nợ của chủ mình tới, đề gia ân cho tất cả : người nợ một trăm thùng dầu thì chỉ viết có năm mươi, người nợ một trăm giạ lúa thì chỉ bắt trả có tám mươi. Làm thế để sau này những người kia nhớ ơn anh và giúp đáp lại anh. (Lc, 16, 1.7). Và Ngài than rằng : *con cái thế gian này khôn hơn con cái sự sáng !*

Và có lần để khuyến khích môn-đồ cầu-nguyện, Ngài đã đưa ra một ví dụ về tư-pháp :

Tại thành nọ, có một vị thẩm phán chẳng kính sợ Thiên-Chúa, mà cũng chẳng kiêng nể gì người ta. Trong thành đó lại có một bà góa ; bà đã từng năn-nỉ :

«Xin ông xử vụ tôi cho tôi thoát kẻ thù tôi !» Đã lâu rồi, ông chẳng màng nghe tới. Nhưng sau đó, ông tự nói với mình : «Cho đi là mình không sợ Thiên-Chúa, cũng chẳng kiêng nể gì người ta, nhưng bởi mẹ góa này quấy rầy mình quá, thôi mình xử

quách cho nó, kéo nó cứ đến hoài làm bương đầu bương óc ! » (Lc. 18, 2-5)

Nếu chúa Yêsu đã chú-ý đến chiến tranh và hòa bình, đến đời sống xã hội, đến những kiểu tố-rụng, Ngài đã khách quan nói đến những đen tối trong đời sống xã-hội và chính-trị của thời Ngài. Chắc chắn là Ngài cũng đã phải đụng đầu với những tình trạng mờ ám đó. Nhưng có thể nói được rằng : Ngài đã ban giáo-huấn để cải-thiện đời sống chính trị và xã hội đó không ? Ngoài việc Ngài đã vạch cho mỗi cá nhân một con đường sống Đạo, Ngài có để lại cho chúng ta một học thuyết gì có tính-cách cộng đồng về công-dân học, về xã-hội chính-trị học v.v. là những môn mà chúng ta cho là tối ư cần-thiết cho con người trong thế-giới ngày nay không ?

Theo những văn kiện trong bộ Tân-Uớc của Thánh-kinh, thì e chúng ta phải trả lời là KHÔNG, ít là không trực tiếp. Giáo-thuyết của Ngài không trực-tiếp vạch ra một khoa «chính-trị-học đại-dồng» nào cả. Giáo-thuyết của Ngài không trực-tiếp vạch ra cho đoàn môn-đồ Ngài một đường lối hoạt-động «đại chính-trị» hay «chính-trị công-dân» nào cả..

Những vị giảng-thuyết nổi-hưng, những nhà văn béc đồng, thường tặng cho Ngài những nhân-hiệu rất kêu, mang nặng một ý-nghĩ trần-thế. Có người gọi Ngài là « nhà cách mạng xã hội », vì trong lời giảng-thuyết của Ngài, Ngài có những lời khá mạnh lên án những người trọc-phú, và đề cao dân nghèo. Người khác, theo bước Tolstoi, lại gọi Ngài là « nhà cải-cách xã-hội », vì Ngài đòi-hỏi mọi người phải bỏ việc kết oán trả cừu. Có người cho là Ngài là một « người cộng-sản trước thời », vì Ngài đã mãnh-liệt đòi-hỏi mọi người phải yêu-nhau,

không phân-biệt xa gần, đòi hỏi một tình huynh-đệ rộng lớn, dẫn đến một thế-giới đại-đồng ngày mai. Người khác cho Ngài là « thủy-tổ của chủ nghĩa xã hội quá-khích », vì Ngài dạy bán hết của cải để phân-phát cho người nghèo khó. Ngày nay chắc cũng không thiếu gì người chụp mũ cho Ngài là « Nguy-hòa », vì Ngài dạy phải yêu mến kẻ thù, và không có chuyện « không đội trời chung ». Và nếu muốn đi sâu vào chính-trị hơn nữa, thì cũng có thể gán cho Ngài là « trung-lập phản-bội », vì xem ra Ngài có vẻ lừng khừng, chẳng theo chính-quyền La-Mã và cũng không tha-thiết gì lắm với quyền tự-trị của người Do-Thái. Có người cũng có thể coi Ngài là đã gieo-rắc « những tư-tưởng cấp-tiến nguy-hiêm », vì Ngài có vẻ coi thường Giáo-quyền đời Ngài và còn lộng-hành đả-kích từ Môshê trở xuống. Cuối cùng, vẫn còn rơi rớt đây đó những nhà trí-thức nửa vời, nhìn Ngài với đôi mắt nghi-ky, và liệt Ngài vào « hạng phản khoa-học », vì Ngài đã có những lời lẽ cứng cỏi, lên án các « ký-lục, văn-nhân » thời đó ! ..

Tất cả những lời gán-ghép này chỉ đứng trên bình-diện mỹ-từ pháp, theo kiểu hành-văn quá-thuyết nào đó. Chúng chỉ nói lên được một khía-cạnh hời hợt bên ngoài, không lần vào được chính chủ ý của vị tôn-sư.

Chúa Yêsu, trong tất cả lời giảng cũng như hành-động của Ngài, chỉ muốn chuyển đến nhân-loại một tin-thư tôn-giáo và luân-lý. Ngài không muốn để người ta lôi kéo Ngài vào những công việc chỉ có tầm trần-thế. Thánh-sứ Luca có thuật lại một câu chuyện tiêu-biểu : một người, coi Ngài như một vị tôn-sư đương thời, đã đến xin Ngài ban cho những lời hiền-triết, như các tôn-sư

thường làm, để phân-xử một chuyện lục-đục trong gia-đình, về vấn-đề của cải. Chúa Yêsu đã từ chối : Có người trong đám đông nói với Ngài : « Thưa Thầy, xin Thầy bảo anh tôi chia gia tài cho tôi. ». Ngài bảo người ấy : « Nay anh ! ai đã đặt tôi làm thẩm-phán, hay làm trọng-tài giữa các anh. » Và để nói rõ hơn ý Ngài, vị thánh-sứ còn đặt thêm lời này nữa : Rồi Ngài nói cùng họ : « Hãy coi chừng ! hãy lo giữ mình tránh mọi thứ tham-lam, vì không phải hễ cứ sung-túc, là đời sống người ta được của cải bảo-đảm cho đâu ». (Lc. 12, 13-15). Lời này cho ta thấy Ngài đến trong trần-gian là để lay-tỉnh mọi người, và hướng mọi người về một thực-tại cao cả hơn thế-giới vật-chất đời này.

Chủ ý đích thực của Chúa Yêsu

Nếu thế, Chúa Yêsu có đứng-dưng trước thực-tại thế-trần này không ? Ngài có theo chiều hướng bi-quan, chung cho một số triết-gia yếm-thế và một số chính-khách phòng-trà, mà lắc đầu chán nản trước cái thế-giới mục-nát, vô-phương cứu-chữa, và không đáng cứu-chữa này không ?

Chắc chắn là không phải thế ! Chúa Yêsu đã từng tuyên bố. Ngài đến để cho thế-gian được cứu sống (Yo. 3,17).

Nếu Ngài không muốn dấy mình vào thế-tục, thì đó không phải là chuyện đứng-dưng. Chính vì « theo lương-tâm nghề-nghiệp » của Ngài, Ngài đã nhận-thức rõ : sứ mạng của Ngài không phải là làm những việc đó, mà là mang lại cho thế-trần một cái gì cao cả hơn.

Lập-trường của Ngài đã minh-định rõ-ràng, ngay khi sắp khởi đầu công-vụ. Trong chuyện « Cám-dỗ nơi hoang-địa », thánh-sứ Matthêu đã thuật lại những

xúi-xiêm của tà-thần đề lẻo-lái Ngài đi theo một công cuộc giải-phóng quốc-gia trần-thế, xử-dụng những biện-pháp tâm-lý, chính-trị, dựa vào quyền-lực, giàu sang trần-thế, nhưng Ngài đã từ-chối.

Bây giờ ma quỷ đem Ngài theo nó đến thành thánh và đặt Ngài trên thượng đỉnh Đền Thờ, mà nói với Ngài : « Nếu Ngài là Con Thiên-Chúa thì hãy gieo mình xuống đi, vì đã viết rằng :

Vì ngươi, Người đã ra lệnh cho các thần-sứ Người,

và họ sẽ nâng bổng ngươi trên tay, kéo ngươi vấp chân phải đá.

Yêsu nói với nó : lại còn viết :

Ngươi chớ thử-thách Chúa, Thiên-Chúa Người.

Ma quỷ lại đem Ngài theo nó lên một núi cao chót vót và trở cho Ngài thấy hết các nước thiên-hạ cùng vinh-quang của chúng, mà nói với Ngài : « Tôi hiển cho Ngài hết mọi điều đó, nếu Ngài phục mình xuống bái lạy tôi ». Bây giờ Ngài phán bảo nó : « Satan hãy xéo ngay đi ! Vì đã viết :

Ngươi phải bái lạy Chúa, Thiên-Chúa Người,

và chỉ thờ - phượng một mình Người. » (Mt. 4,5-10)

Việc tà-thần xúi Ngài gieo mình từ thượng-dỉnh Đền-Thờ xuống là cốt ý xúi Ngài đáp lại một ước-vọng của dân Do-Thái thời đó. Họ vẫn tin rằng ngày vị Giải-Phóng thiên-sai đến, Ngài sẽ bắt thần xuất-hiện giữa Đền Thờ. Khi đó, trước tác-phong uy-hùng của Ngài, dân chúng sẽ phấn-khởi ò-ạt theo Ngài, để tiêu diệt quân đế-quốc thống-trị, và dựng cờ lập-nghiệp, đặt nền «thống-trị hòa bình» của Dân-Thánh... từ bờ biển này đến bờ-biển khác. Nếu Chúa Yêsu, với quyền phép của Ngài sẵn có, thực-hiện

được cuộc ra mắt kỳ lạ trước quốc-dân này thì Ngài nắm được dân là cái chắc, và khỏi phải kêu gọi đến các ông cán-bộ thông tin hay một guồng máy chiến-tranh chính-trị nào khác... Nhưng Chúa Yêsu đã từ chối, cũng như Ngài đã từ-chối giàu sang, vinh-hiền, quyền-thế trần-gian. Để hoàn-thành sứ-vụ của Ngài, Ngài nhất-định chọn con đường Cha Ngài đã vạch cho Ngài : con đường cứu thế bằng rao-giảng Sự-Thật, bằng đổi mới tâm-hồn mọi người, con đường khiêm-hạ, khó nghèo, sẽ dẫn Ngài đến cái chết đau thương.

Chúa Yêsu đã quan-tâm nhiều đến việc làm sáng tỏ ý-nghĩa của việc Ngài đến trong trần-gian :

Con Người không đến để được người ta hầu-hạ, nhưng là để hầu-hạ, và thí mạng sống mình làm giá chuộc thay cho nhiều người. (Mc. 10,45)

Quả vậy, Thiên-Chúa đã yêu mến thế-gian đến nỗi đã ban Con Một của Người, ngõ hầu mọi kẻ tin vào Ngài thì không phải hư đi, nhưng được sự sống đời đời; (Yo. 3,16)

Ngài đến không phải để trực-tiếp nhúng tay vào những công-việc trần-thế. Ngài không đến xử-dụng một phép màu nào đó để sắp đặt thế-giới này cho trật-tự hơn. Nhưng Ngài đến để mang lại cho mọi người trong thế-giới này một sự sống mới, một trật-tự mới, cao hơn bình-diện của thế-giới này.

Trung-tin với sứ-mạng của Ngài, Ngài đã từ chối, không để cho đoàn người Galilê cách-mạng suy-tôn Ngài lên làm vua, làm lãnh-tụ một lực-lượng nhân-dân giải-phóng :

Yêsu rõ được là họ chực đến chiếm lậ Ngài cho được mà tôn làm vua, nên Ngài đã trốn lên núi một mình. (Yo. 6,15)

Ngài không bao giờ muốn lợi-dụng dân-chúng để lập đảng, lập khối theo nghĩa trần-gian. Ngài đã thẳng thắn nói với tổng-trấn Philatô :

Nước tôi không thuộc về thế-gian này
(Yo. 18,36)

Chỉ có một lần Ngài đã đề cho dân chúng biểu-tình, hậu-thuần cho việc vào thánh-đô Yêrusalem của Ngài. Nhưng việc vào thành ấy đơn sơ, hiền hòa đến nỗi nó không được nói đến trong chính vụ kiện mà quyền Do-Thái muốn tố-cáo với quyền La-Mã là Ngài vốn nuôi tham-vọng làm vua !

Cũng nên ghi nhớ điều này nữa : không có lần nào Chúa Yêsu đã trình bày giáo-thuyết của Ngài như một sức mạnh làm nòng-cốt cho một cuộc đời mới thế-giới nào trên bình-diện trần-gian. Tuy Ngài dạy phải yêu-thương, phải tận-tình giúp đỡ những người cùng cực, nhưng Ngài không bao giờ nói giới-luật tình yêu của Ngài có thể dùng làm chương-trình hành-động dài-hạn để đẩy đến... một «cuộc cách mạng ôn-hòa», làm biến đổi toàn bộ mặt của thế-giới này... Ngài chỉ nhấn mạnh phải thực-hành yêu thương để được vào Nước Trời, vào Thế-giới của Thiên Chúa.

Việc Ngài không muốn có sự lẫn lộn đạo đời càng đáng lưu ý hơn, nếu chúng ta biết rằng, vào đời Ngài, đất nước Do Thái cũng trải qua một xáo-trộn về chính trị và tôn giáo ghê-gớm, có nhiều điểm giống với tình trạng của đất nước ta ngày nay. Trong thời kỳ đó, trước họa diệt vong của tôn-giáo độc-thần, trước hành-động của Đế-Quốc La-Mã, càng ngày càng thắt chặt gọng kìm kiểm soát của họ trên đất thánh, một nhóm

người quyết-liệt đã đứng ra lập một phong-trào tranh-đấu nửa tôn-giáo, nửa chính trị. Phong-trào này có tên là phong trào *Nhiệt-Thành*. Lãnh-tụ của họ là Yuda, người miền Galilê. Ông bắt đầu hành-động vào năm 6, sau Chúa giáng-sinh. Phong trào tụ-kết những tín-đồ Do Thái quả-cảm, quyết-liệt đi tới cùng con đường phụng-sự lý-tưởng Quốc-Gia thần-quyền, và vinh - dự của dân - tộc thánh. Họ chỉ nhận có Thiên-Chúa (Yavê) là Vua độc nhất của Israel. Họ sẵn-sàng dùng bạo-lực để đẩy xa ách thống-trị của La-Mã, mà họ đồng hóa với thần tằm-tối, trên đất nước họ. Họ từ chối không nộp-thuế thân cho Hoàng-Đế La-Mã, vì cho làm như thế là phạm đến quyền tối thượng của Thiên-Chúa. Họ ngầm ngầm chuẩn bị một cuộc thánh-chiến chống Đế-Quốc... Cuộc thánh chiến này sẽ bùng nổ hết sức kinh-hoàng vào những năm 66 đến 70 và làm cho cả đất nước Do-Thái bị tiêu-diệt trong máu lửa, dân Do-Thái bị lưu đày khắp nơi suốt 20 thế-kỷ...

Trong thời Chúa Yêsu rao-giảng, Phong trào «*Nhiệt-Thành*» còn đang được ngầm ngầm nuôi dưỡng. Thịnh-thoảng lại có một cuộc bạo-động hoặc tàn-sát, nổi dài thêm danh-sách liệt-sĩ. Một trong những nhóm liệt sĩ đó có thể là nhóm người Galilê bị tổng-trấn Philatô giết và đổ máu của họ hòa cùng lễ-tế họ dâng. Chúa Yêsu đã nói tới họ trong một bài giảng của Ngài (Lc.13). Có thể những người muốn tôn Chúa Yêsu làm Vua cũng thuộc về phong-trào này. Trong số môn-đồ của Chúa có ông «Simon, Nhiệt-Thành,» và các ông Yuda Iskariot, Phêrô, Yoan, Yacôbô chịu ít nhiều ảnh hưởng của phong-trào đó. Nhưng Chúa Yêsu luôn từ chối, không chịu hành-động

theo khuynh hướng của họ, để không gì có thể làm suy-giảm sứ-vụ thiêng-liêng liêng đại-đồng của Ngài.

Đề môn-đồ trong thực-tại trần-thế

Tự những điều vừa nêu ra ở trên có thể quả quyết được rằng Tin-thư của chúa Yêsu không có quan-hệ gì với đời sống xã-hội, với đời sống công-dân, với những thực tại thế-trần không? — Quả quyết như thế cũng sai lầm không kém những kiểu hành văn quá thuyết kê trên.

Chúa Yêsu không bao giờ muốn rút tất cả môn đồ của Ngài ra khỏi trần-gian. Ngài cũng không kêu gọi họ, như đoàn người Esséniens thời đó kêu gọi đồng đạo chọn lọc của mình hãy tách rời ra khỏi cộng-đoàn dân-tộc để qui tụ thành những miền tu đóng kín, có luật - lệ và cách sống nghiêm - nhặt riêng biệt. Đoàn người này tự cho mình là « con gái sự sáng » phải tách rời khỏi con cái tăm-tối ở trần gian. Còn chúa Yêsu, Ngài không muốn môn đệ của Ngài nhận ánh sáng rồi dẫu dưới đáy thùng, nhận được vốn sinh lợi rồi đào lỗ chôn sâu dưới đất. Người môn-đệ của Chúa phải tiếp tay cho Ngài trong việc chuyển Sự-Thật, chuyển Tin Mừng về Tình Thương Cứu Sống của Thiên-Chúa đến cho trần gian. Vì thế Chúa Yêsu đã sai các môn đồ của Ngài vào giữa trần gian.

Này tôi sai các ông đi như chiên đến giữa sói ; hãy ở khôn ranh như con rắn, và đôn hậu như chim câu. (Mt. 10,16)

Ngài sai họ đi rao giảng tin-thư của Ngài cho dân Israel và rồi cho mọi dân-tộc. Chính Ngài cũng đã cầu nguyện rõ rệt với Cha Ngài :

Con không xin Cha cắt chúng khỏi thế-gian, nhưng xin gìn giữ chúng khỏi quỉ dữ (Yo. 17 : 15).

Trong bài huấn từ trước khi trao cho họ sứ vụ rao giảng, Chúa Yêsu xem ra không đề cao gì lắm những cơ-cấu hành-chánh và tư-pháp của quyền Do - Thái cũng như quyền La Mã thời bấy giờ :

Hãy coi chừng người đời : họ sẽ nộp các ông cho công-nghị và họ đánh đòn các ông trong các hội-đường của họ. Vì tôi, các ông sẽ bị điệu đến trước quan-quyền và vua chúa, để làm chứng cho họ và cho dân ngoại biết (Mt. 10,17).

Chúa Yêsu không có ý đả động đến giá-trị hay tính cách hợp-pháp của những cơ-cấu hành-chánh và tư pháp trần thế mà Ngài vẫn mặc nhiên nhìn nhận là cần thiết. Ngài chỉ muốn báo trước cho các môn-đồ rõ số-phận đang chờ đợi họ, một khi họ quyết-tâm theo Ngài.

Như thế là dù sao Chúa Yêsu cũng không thể tránh không nói đến quyền lực thế-trần. Cho dù Ngài không muốn bàn luận đến cũng không được. Một đảng vì môn đồ của Ngài thế nào cũng phải đụng chạm với quyền chính-trị, đảng khác, nhiều môn-đồ của Ngài cũng còn ôm nặng mộng đệ-nhất, đệ-nhị phó thủ, tướng trong nước thế trần mà họ tin là Ngài sắp thiết-lập. Họ vẫn kèm nhau để tranh dành ngôi-thứ. Yacôbô với Yoan đã phải nhờ cả mẹ mình đến vận-động với Ngài để xin dành cho mình hai chỗ tả hữu trong nước vinh-quang của Ngài, với bất cứ giá nào. Trước tâm - trạng đó, Chúa Yêsu đã có lần nói thẳng với họ về thực-trạng của quyền-hành trần-thế. Ngài nói rõ cho môn-đệ hiểu là thực trạng đó không phù hợp với tinh-thần của Ngài, không thể có chỗ đứng trong hàng ngũ những người muốn theo Ngài :

Các ông biết : các kẻ được coi là thủ-linh các dân-tộc thì hống-hách trên họ, và những người làm lớn, nơi họ thì lộng-quyền trên đầu họ. Trong hàng các ông thì không được thế ! Nhưng nơi các ông, ai muốn làm lớn, thì hãy hầu-hạ các ông, và ai muốn cầm đầu trong hàng các ông, thì hãy làm tôi tớ cho mọi người. Và chẳng, Con Người không đến để được người ta hầu-hạ, nhưng là để hầu hạ, và thí mạng sống mình làm giá chuộc thay cho nhiều người. (Mc. 10,42-45)

Ngài đã nói lời này để giáo-huấn môn đồ về tinh-thần đích thực những ai muốn theo ngài đều phải có. Ngài nói sau khi đã quan-sát thực-tế, đã kinh-nghiệm trong đời sống chung quanh Ngài, Ngài không có ý phủ nhận hoặc hất bỏ những cơ cấu chính trị đó ra khỏi thế trần. Nhưng Ngài muốn các môn-đồ của Ngài phải đề cao cảnh giác : quyền hành, cũng như của cải, bao giờ cũng mang kèm theo mình một quyền-lực tăm tối, rình mò chiếm-đoạt và chi-phối con người.

Chúa Yêsu không bao giờ khuyên môn đồ, với tư cách là môn-đồ của Ngài, hãy làm một cuộc đảo-chính để dành lại quyền-hành ở tay người hung bạo hay thối nát, hầu dễ xúc-tiến việc truyền đạo và sống đạo. Vì như thế vẫn chỉ là chạy theo quyền-lực thế trần, tùy thuộc vào quyền lực thế trần, đặt [mình dưới ảnh hưởng quyền lực thế trần và để cho quyền lực ấy chi phối. « Hãy xô grom vào vó, vì ai dùng grom, thì sẽ bị hại vì grom (Mt 26, 52). Trong khi mà sức đời mới trần gian do Ngài mang lại thuộc về bình-diện siêu-việt, huyền-nhiệm. Đó là chính quyền lực tự Trời của Ngài âm thầm hoạt-động trong trần-thế qua các môn-đồ của ngài. Và Ngài muốn họ cải cách xã hội tự bên trong bằng đời sống chân chính của họ.

(còn tiếp)

L.M HỒ ĐÌNH

Kỳ tới : Cuộc đối-thoại căn bản về quyền-hành trần-thế

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

THUỐC
MƯỚC ĐƯỜNG **PIPEROL FORT**



TRỪ HẾT GIUN SÁN
THƠM NGON
DỄ UỐNG
KHỎI KIÊNG CỬ



CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THỤY-SĨ

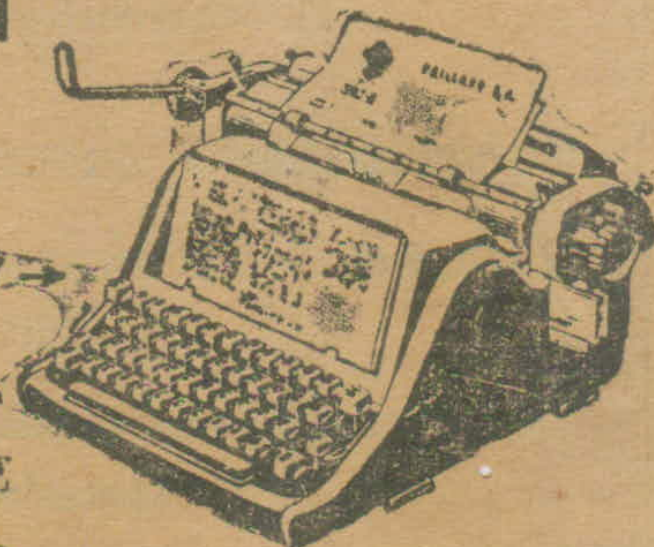
HIỆU



HERMES

HOẠT XÁCH TAY

LOẠI ĐỒ ĐÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTREME-ORIENT

Đường Nguyễn-Hữu-Tôn - 51a - Téléphone 320-821 - SAIGON

Nhân đọc

«Giai thoại làng Nho» của Lãng-Nhân

● NGUYỄN-TOẠI

Đọc quyển «Giai thoại làng Nho» của Lãng-Nhân (Nam Chi từng thư xuất bản, ấn bản 1966) thấy có một vài chi tiết, về sự kiện cũng như về điển cố, cần phải xét lại. Đã hẳn rằng các chuyện được kể ra đều là tục truyền, là dã sử, mà công phu quý báu của tác giả là thu thập lại, kéo mai một đi, khi làng Nho sắp bị thời gian cuốn về dĩ vãng. Công trình sẽ toàn bích nếu không có một vài điểm suyễn mậu, nghi nan. Các chuyện kể ra trong tác phẩm, chuyện gần nhất cũng đã cách đây hai, ba mươi năm, các chuyện ấy, đối với thanh niên của thời đại biến chuyển quá nhanh này, có khi được coi như những kỳ quan. Hơn nữa, vì loạn ly, dấu vết cựu thời bị tiêu diệt quá mau, nên độc giả trẻ tuổi có khi không nhận ra được hình ảnh và phong thái người xưa. Gần đây, đọc trong báo, thấy có một học sinh hỏi nhà báo rằng : « Ghế tréo lọng xanh » trong bài vịnh ông Tiến sĩ của Tam nguyên Yên đồ là đề tả ai, tả quan trường hay tả ông tiến sĩ mới, học sinh ấy không biết đến nghi vệ tời trước mà có lẽ cũng không tưởng tượng ra nổi được. Nếu một quyển sách hữu ích như quyển. Giai thoại này, có công vớt vát phần thừa hương cũ, mà lại đề cho người lớp sau đọc có một ấn - tượng không

đúng về thời trước thì thật đáng tiếc. Không phải muốn làm công việc bới lông tìm vết, vài lời bàn dưới đây chỉ là muốn góp thêm ý kiến đề tỏ cảm tình với tác giả và đề độc giả có thêm tư liệu đề mà nhận xét khi « đọc «Giai thoại làng nho»

oOo

Sách «Giai thoại» trang 41 nói Vua thấy Hứa Tam Tỉnh mặt đẹp, lấy đỗ Trạng Nguyên còn Nguyễn Giản Thanh đáng đỗ Trạng Nguyên, vì mặt xấu, vua đánh xuống Bảng Nhãn. Sự ấy không có. Nguyễn Giản Thanh đậu Trạng Nguyên khoa Mậu Thìn (1508), Hứa Tam Tỉnh đỗ Bảng Nhãn, như Đăng-khoa-lục chép. Có thể vua khen Hứa đẹp, đáng đỗ Trạng Nguyên, vì lời khen ấy mà người ta gọi Hứa là ông Trạng. Cũng như sau này, triều Tự-Đức, vua khen : Bảng nhãn thị Trạng nguyên nên Vũ Duy Thanh, đỗ Bảng Nhãn khoa Cát-sĩ (năm 1851) vẫn được người ta gọi là ông Trạng Kim-Bồng (tên làng). Vua Tự Đức lấy Duy Thanh đỗ Bảng nhãn rồi lại nói thế vì lệ triều Nguyễn không lấy ai đỗ Trạng nguyên.

Cũng về thể-lệ khoa cử, bài nói về Nguyễn Công Hoàn (trang 81) và Lê Quý Đôn (trang 130) đều có những

điền sai sự thật, không thể có bao giờ. Đó là Nguyễn Bá Lân là con làm chủ khảo, cha là Nguyễn Công Hoàn đi thi, cùng là Lê Quý Đôn là cha, làm chủ khảo, con là Lê Quý Kiệt đi đi. Theo phép đi thi thời trước, triều Lê cũng như triều Nguyễn, nếu có người thân thích đi thi, quan trường phải hỏi tị, không hỏi tị sẽ bị tội, tội này có ghi trong luật. Vậy việc cha chấm bài của con hay con chấm bài của cha không có thể xảy ra được. Triều Lê lại còn có lệ ứng điền. Khi có khoa thi, ngày sĩ tử vào trường, các người có khoa mục, ở nhà không làm quan, phải đến trấn lý ứng điền, đề trấn quan điền mục, nếu đang làm quan chức, sẽ do thượng cấp điền mục, như thế để tránh việc đi thi hộ người khác. Giai thoại Nguyễn công Hoàn, sau khi khoa thi kết thúc, mắng con là Bá Lân không biết chấm văn, đến nỗi đánh bóng câu văn hay do chính mình làm ra, có thể xảy ra như thế này. Ông đã dạy học trò bài mẫu trong có câu ấy, khi đi thi, học trò chép đúng nguyên văn vào bài thi, bài thi ấy bị con ông chấm hỏng. Việc tráo bài thi giữa Lê Quý Kiệt và Đinh Thời Trung, bài người nọ đề tên người kia, cốt đề nhường nhau đỗ đầu, việc ấy có thể xảy ra, nhưng khoa ấy quyết không phải do Lê Quý Đôn làm chủ khảo hay làm trường quan. Sách « Giai thoại » dẫn thêm rằng vì việc tráo tên như thế nên Quý Đôn bị cách. Xem ra Quý Đôn có bị cách vào năm 1766, khi làm Đốc đồng Hải Dương, đến năm sau được khai phục chức không mất chức vào năm Ất Vị 1775, năm có con đi thi, vậy sự mất chức không phải là vì tội của con tráo bài với người khác. Nhân tiện xin mách ở đây rằng Quý Kiệt, có tên nữa là Duy

Thanh, qua triều Gia Long, được triệu ra làm Thị Trung trực học-sĩ, tham bố. Lễ bộ sự vụ, Lăng phái hầu.

Bài Trịnh Sâm (trang 142) nói đến việc đặt thêm thuế mới đánh vào trà và muối, vào khoảng 1740. Thật ra thì từ triều Dụ Tôn, Bảo Thái thứ nhất, 1721, đã đánh thuế muối; vài năm sau, lại định giá trà để nhà nước mua dùng, tính tiền thay thuế. Vậy không nên kể lỗi Trịnh Sâm trong cái việc đặt ra thuế này.

Sách có dẫn Nguyễn Văn Thành là tác giả Hoàng Việt luật lệ (trang 237). Cũng nên biết cùng làm luật với Văn Thành, còn có Thị trung học sĩ Vũ Trinh và Đông các học-sĩ Trần Hựu. Bài văn tế Trần vương tướng sĩ, cho đến nay, vẫn theo tục truyền mà cho là của Nguyễn Văn Thành, điều ấy không chắc. Văn Thành có tế tướng sĩ, nhưng bài văn tế không biết của ai, không bắt buộc là của người đứng tế. Không có chứng cứ nào tỏ là Văn Thành là một nhà văn nôm có tài, không có một bài văn nôm nào khác mà Văn Thành là tác giả. Liệt truyện, khi chép về Văn Thành, không ghi là người sành văn nôm; trái lại khi chép về Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, cần thận ghi rõ là có tài về quốc văn. Khi Văn Thành tế tướng sĩ, có nhiều người có thể làm hộ bài văn tế, như Phan Huy Ích. Ông Hoàng Xuân Hãn bảo là bài ta thường thấy, tác giả là Nguyễn Huy Lượng, hộ bộ hữu thị lang, triều Tây Sơn, chứ không phải Nguyễn Văn Thành. Nguyễn Huy Lượng là một tay giỏi văn nôm thời đó, và cũng tùy thời mà làm văn tán tụng: làm Tụng Tây hồ phú để khen triều Tây Sơn; khi vua Gia Long ra Thăng Long, lại dâng ngay Bình Tây khúc, khi vua trở về Phú Xuân, lại

dâng Hồi loan khúc, đều bằng quốc âm, tiếc rằng nay chưa tìm thấy hai bài sau này.

Bài Nguyễn Công Trứ, (trang 267) thuật lại cuộc đối đáp giữa Công Trứ và Hà Tôn Quyền. Hai câu chữ Hán, đối nhau, mà tác giả cho là xuất ra từ miệng hai ông ấy, thật ra là của một người vô danh. Năm Minh Mệnh thứ sáu, tại Quốc Tử giám, Thân Văn Quyền làm Tế Tửu, Nguyễn Công Trứ làm Tư nghiệp. Giám sinh ghét hai quan đầu nhà Giám, nên có kẻ vô danh viết vào cửa Giám câu đối ; « Ý cầm thượng quýnh, quân tử ở kỳ văn chi trứ, Bao Tề ý Tấn, thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền » đều dùng chữ sấu trong sách. Bài ấy lại dẫn việc Tôn Quyền đòi xem thơ của Công Trứ vào lúc Công Trứ về hưu. Nhưng Tôn Quyền chết từ cuối triều Minh Mệnh, không thể gặp Công Trứ lúc về hưu vào đầu triều Tự Đức được.

Khi nói rằng Hoàng Giáp Phạm Văn Nghị có ba học trò đỗ tam nguyên (trang 395), đó là một điều sai. Cả triều Nguyễn chỉ có ba tam nguyên : Trần Bích San (Hi Tăng), Nguyễn Khuyến và Vũ Phạm Hàm, chỉ có hai ông trên là học trò Hoàng giáp Tam Đẳng thôi.

Tác giả cho là bài văn tế hài hước, với những câu : « tóc ông quăn, mũi ông lõ... đề tế một viên quan người Pháp nào đó, là tác phẩm của Yên đồ Nguyễn Khuyến viết ra đề tế Francis Garnier, khi viên này bị quân Cờ đen giết chết. Sự ấy quyết nhiên không thể có. Francis Garnier là kẻ thù của nước, không ai tế y làm gì, nhất là lại bảo là Tổng Đốc Hà Ninh Trần đình Túc tổ chức buổi tế. Làm thế thì tội đối với Triều đình không thể tha được. Bài ấy không chắc có phải của Yên đồ hay không, dù là làm vào một dịp khác đi

nữa. Yên-đồ là một người nghiêm túc, có lúc hài hước thì chỉ hài hước một cách vui vẻ nhưng kín đáo, không bao giờ dùng chữ thô tục, như những chữ chửi rửa cả, như những chữ dẫn ra trong bài văn tế : *đ... mẹ cha nó, chẳng hạn.* Và chẳng, vào năm 1875, sau khi có việc Francis Garnier ở Bắc kỳ, nước Pháp chưa bảo hộ nước Nam, bài văn sao lại dùng được chữ : *ông sang bảo hộ.* Garnier chưa hề đặt chân đến huyện Thụy Anh, đến phủ Thái Bình, sao bài văn lại nói đến các tên đất ấy ? Vậy bài này nên bỏ hẳn ra ngoài các tác phẩm của Yên đồ và cũng phải đặt vào một thời điểm khác. Tiện đây xin mách là trong bài có nói đến tên Đen, có lẽ là Đốc Đen, nổi lên ở phủ Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình, năm 1889, chống lại người Pháp. Đốc Đen giết được viên quản lính khố xanh Crévier, viên này trước có đánh Đốc Đen ở Thụy Anh và Thái Bình. Có lẽ một nhà nho vui tính nào ở Thái Bình đã làm bài văn tế đề đùa chơi khi Crévier bị giết chứ không phải Tam Nguyên Nguyễn Khuyến.

Lại đến truyện Tam Nguyên Trần-Bích-San đối đáp với Linh mục Trần. Trần đây là Trần Lục, tục gọi Cổ Sáu, làm linh mục Phát-diệm. Trần Lục chỉ được phong Lễ bộ thượng thư hàm, Khâm sai Tuyên phủ sứ vào triều Đồng Khánh, không thể gặp Bích San với chức tước ấy vào khoảng 1877. Cũng thời gian ấy, lúc Bích San làm Tuần Phủ Hà nội, Dupré không hề ra Hà thành, làm sao có thể có chuyện Bích San cho đập chết chó của Dupré. Lại nữa, việc cử Toàn quyền đại thần thương thuyết với nước Pháp là việc của Vua nước ta, Dupré không bao giờ có thể đòi triều đình ta cử Bích San vào Sài Gòn

đề Dupré có dịp làm nhục mà trả thù. Và chẳng nếu bảo rằng Dupré đòi cử Bích San làm Chánh Sứ vào qua Saigon đề rồi sang Pháp vào năm 1877 thì việc ấy lại không thể có, vì năm ấy Dupré không còn làm Nguyên súy ở Saigon nữa, y về Pháp từ mấy năm trước rồi.

Nói rằng Bùi Viện rời cửa Thuận An đi Hương Cảng (trang 576) trên một chiếc thuyền gỗ vào năm 1873, e túi thân cho ông ấy. Nên biết rằng ngày ấy, nước ta đã có một vài cái tàu chạy bằng hơi nước : Thuận Tiệp, Đăng Huy, Mẫn Thoả, đó là tên ba chiếc mua ở Hương cảng về, vẫn dùng để đi biển, áp tải thuyền ghe từ Bắc về Kinh. Sứ thần ta đi từ Huế vào Saigon cũng vẫn đi trên chiếc Mẫn Thoả. Lần này, Bùi Viện đi Hương Cảng, không lẽ lại dùng thuyền gỗ ; có thể tin rằng, đề đi đến một nơi đô hội, mọi nước trông vào như Hương Cảng, Bùi Viện chắc đã đi trên một chiếc tàu hơi, mang cờ màu vàng, quốc kỳ của nước ta khi ấy. Vào thời gian ấy, Trung quốc chưa canh tân, mà có lẽ cũng chưa có tư tưởng biển pháp. Sách « Giai thoại » nói lúc ấy (1873) ở Trung quốc đã có tân thư của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, nên người Trung quốc đã biết được lẽ cường nhược của Đông và Tây. Nhưng thật ra vào lúc ấy, ở Trung quốc, chưa có sách nào của Khang Lương cả. Khang (1858-1927) lúc ấy chưa đầy 20 tuổi, Lương (1873-1929) mới sinh ra, đã làm gì có sách ?

Tác giả có chép một bài thơ chữ Hán, cho rằng bài ấy của vua Thành Thái (trang 619) Thật ra đây là một bài thơ của vua Minh Mạng do Thám hoa Phan Thúc Trực (1808-1852) đã chép lại, trong có vài câu khác với bản của tác giả :

*Trung ngoại quần liêu khai cầm bào
Thùy tri thiên hạ dĩ ngao ngao.
Sở bồi mỹ tửu quần sinh huyết,
Bán trấn hòa canh bách tính cao.
Thiên lệ lạc thì, dân lệ lạc
Ca thanh cao xứ, khắp thanh cao.
Quần môn vật vị dao thiên lý
Cổ vọng hoàng ân thị như tào.*

Đề thấy rằng Án sát Phạm Ngọc Quát là một « nho tiểu nhân » xin cải chính là bản án Ngọc Quát xử tử Trần Quý Cáp, không được bộ Hình ở Huế duyệt y. Ngọc Quát, chắc hẳn là vâng lệnh Công sứ người Pháp, cho đem chém ngay. Trong một bài báo viết bằng tiếng Pháp, do Babut đảng xã hội Pháp, đem đăng ở bên Pháp Phan Chu Trinh đã nói đến điểm ấy và phê bình việc xử tội này trái tất cả mọi luật lệ, dù là hình thức luật lệ: Trần đỗ Tiến sĩ, làm quan Giáo thụ, muốn kết tội thường, còn phải cách quan, cách tiến sĩ, muốn kết tội tử hình, lại phải qua nhiều cấp xử mới thành án được. Một ông Tú Tài mới mất gần đây, học trò Trần giáo thụ, kể rằng hôm hành hình, Giáo thụ mặc áo xuyến đen, ra đến pháp trường, quay về hướng Bắc, lạy hai lạy, lạy vọng bà mẹ ở quê nhà, rồi mới chịu hình.

Miếu Trung Liệt ở gần ấp Thái-Hà, ngoại thành Hà nội, Hoàng Cao Khải khi làm Kinh lược, lập nên đề thờ Thái bảo Nguyễn Tri Phương, Tổng đốc Hoàng Diệu, trung quân Đoàn Thọ, Hình Bộ Thượng thư Trương quốc Dụng chứ không có thờ Tán tương Nguyễn Cao. Tán Cao bị bắt vì đã chống lại chính quyền bảo hộ của nước Pháp, bị xử án vào tháng tư năm Đinh Hợi (1887) triều Đồng Khánh, lúc Nguyễn Hữu Độ (chứ chưa phải Hoàng Cao Khải, làm Kinh lược Bắc-kỳ.

Nguyễn Cao, chống lại nhà nước bảo hộ, không thể được thờ ở miếu Trung Liệt, dù người ta có muốn thờ, vì người Pháp và Hoàng cao Khải tất nhiên không cho. Hiệp Thống quân vụ Trương Quốc Dụng tử trận khi đánh giặc Tạ văn Phụng ở Quảng Yên năm 1864. Đoàn Thọ tử trận khi đánh giặc Khách ở Lạng-sơn năm 1870, Nguyễn và Hoàng tội trung của nước, khi nước còn độc lập, tử tiết trong lúc chiến tranh với ngoại bang, nên được thờ mà người Pháp không thể dị nghị, còn tự hào là đề người Việt Nam tự do thờ danh nhân trung nghĩa của nước mình. Sau này, Hoàng Cao Khải đem Nguyễn hữu Độ vào thờ trong miếu ấy, đổi tên là Trung Lương. Sau ngày 9-3-1945, bài vị Nguyễn hữu Độ được bỏ đi và tên miếu lại để lại là Trung-Liệt như cũ.

Sách «Giai thoại» dẫn rằng Tam Nguyên Yên đồ làm câu đối viếng ông nghề Giao Cù Vũ hữu Lợi (trang 538), bản ý đề thống mạ Tổng đốc Nam Định Vũ-người đã bắt ông nghề, làm án chém vì tội chống lại nhà nước bảo hộ. Nhưng có một chi tiết chua cay mà sách không nói ra là Tổng đốc Vũ lại là thông gia của Yên đồ. Lại nữa, Tổng đốc Vũ và em là cử nhân Nghi, vào năm 1889, bị các thủ hạ của Đề đốc Ban, một người chống Pháp, trong số có học trò của Vũ tiến sĩ, về tận làng bắt đi, đem chôn sống, để trả thù cho thầy học của họ.

Đề cho đủ sự kiện hầu để phán đoán về nhân phạm, tưởng cũng nên thêm vào bài Ông Ích-Khiêm (trang 485) rằng Ích Khiêm đã từng cộng tác đặc lực với Nguyễn Văn Tường và Tôn-Thất-Thuyết. Trong việc phế và giết Vua Hiệp-Hòa chính Ích Khiêm theo lệnh Thuyết vào đồ thuốc độc cho vua. Vua hỏi : « Người

cũng là đảng nghịch hay sao? « Ích-Khiêm đáp : « Hoàng Thái Hậu đã giáng chỉ, không nên nhiều lời ». Thật ra Thái hậu chỉ thuận cho phế vua, không thuận cho giết vua. Ích Khiêm cho vua uống mật công, thuốc không đủ liều, vua đi ỵ dựa mà không chết, Ích Khiêm lấy gươm chặn vào họng vua cho mau chết. Khi vua Kiến Phúc lên ngôi, triều đình kể công Ích Khiêm trong việc lập vua mới nên phong cho tước Nam. Xem thế thì thấy câu đối : « Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết, Tứ nguyệt tam vương thậm bất tương » gán cho Ích Khiêm, thật không phải của ông ta, không lẽ ông ấy lại mỉa mai công việc giết và phế vua của chính mình ?

Về thi văn, điền cổ, có vài điểm nên bàn lại. Sách học Quan Hành, danh từ này trong bài « Phú Ông đồ nông » của Yên đồ, được giải thích là Sách Tứ thư Ngũ kinh chép nguyên bài cái (chính văn) không có chú thích, giảng giải; học quan hành thì không tinh nghĩa sách và lơ mơ. Thật ra Quan Hành, đây là muốn nói quan Hành Tham Tụng triều Lê, Bùi Huy Bích. Họ Bùi cho in sách dùng cho học trò đi thi, bài văn tắt cho dễ nhớ, dễ học, quyền nào cũng đề : Bùi thị nguyên bản, học trò gọi là sách quan Hành. Cũng trong bài ấy, có chữ : *chiếu hàm trượng* được thích nghĩa là chiếu cời tốt. Đúng ra thì *hàm trượng* chữ thiên khúc lễ kinh Lễ, có nghĩa là cách nhau một trượng; thầy trò, chủ khách ngồi cách nhau như thế, sau này lấy chữ ấy để chỉ chỗ ngồi của thầy học.

Thầy đồ trong bài phú ấy mặc cả với chủ nhà : « lưỡng nguyệt đồn lại nài nhất đệ, » tác giả thích nghĩa là thầy đòi chủ nhà nuôi

thêm một trò nữa đề hầu trà nước, nhưng nếu thế thì thầy chẳng có lợi gì. Nghĩ phải giải thích : thầy tuy có một mình nhưng nài nhà chủ trả lương tháng như là thầy có một trò nữa, có thế thì thầy mới có lợi. Câu sau : «tiền hương khoa toan bồ đồng môn», không được giải thích. Câu ấy có nghĩa là khi thầy đi thi hương, phí tổn bao nhiêu, thầy lại bỏ cho học trò chịu, nên mới hóa ra : «thu chày thu cối».

Trong bài nói về câu đối của Chu Mạnh Trinh viết cho chủ mảnh xứ Nghệ dán Tết, khi đậu mảnh ở Bắc ăn Tết :

Vọng xuân, xuân khả liên, linh thụ trùng giá thiên lý mục. Bất quy, quy tiện đắc, cô châu nhất hệ cổ viên tâm » (trang 753), phải nó là tất cả các vế ấy đều lấy ở Đường thi. Vọng xuân, xuân khả liên», đoạn này trích ở câu đầu bài « Phụng họa xuân nhật hạnh Vọng xuân cung » của Tô Đình ứng chế «Đông vọng, vọng xuân, xuân khả liên... « Bất quy, quy tiện đắc » đoạn này không phải trích ở sách Chinh Tây như dẫn trong sách Giai thoại, mà trích ở bài « Lữ hoài » của Thôi Đồ : Tự thị bất quy, quy tiện đắc, ngũ hồ yên cảnh hữu thủy tranh.

Ở phần Ngữ vựng, tác giả giảng Biện lý, là chức vụ kiểm soát ở Pháp đình. Đó là nghĩa của chức vụ ấy ngày nay. Triều Nguyễn đặt làm một chức quan ở các bộ, đứng sau Thị lang. Từ triều Khải Định về sau, tránh chữ Biện là chữ húy, đổi là Tá Lý.

Ông huyện Móm Nguyễn Thiện Kế, sau khi thôi quan, về đi buôn trâu bò và đã có khi đi làm giúp nhà doanh nghiệp Bạch Thái Bưởi. Bút giả nhớ được vài bài thơ huyện móm xin chép ra đây, e không chép sẽ mai một mất.

Vịnh An sát Nam Định

Mới nầy nòi ra họ chích chòe
Quan thì An sát, đồ thì nghề.
Ao xiêm khệnh khạng trông ra phết
Cờ bạc lang thang lấu đủ nghề.
Pháp một lần sang chơi sướng chưa ? (1)
Nam hai lần ở, túi đầy phè ? (2)
Nay mai tuần phủ nhiều nơi rước,
Sao phúc rồi đây mới lập loè.

(1) được đi phái bộ sang Pháp.

(2) làm án sát Nam Định hai lần.

Vịnh Tri huyện Duy-Tiên đặc uộc thi thơ.

Chú huyện Duy Tiên khéo dờ trò,
Bồ tiên thi lại lấy văn bồ. (1)
Nghênh ngang xe ngựa nhờ oai sứ. (2)
Âm oẹ văn chương dờ dọng Ngô.
Bồ chứa miệng dân chừng bát cạp (3)
Tiên là ý chú muốn vôi xu (4)
Từ vàng, sao chẳng luôn từ bạc ?
Không khéo mà roi nó phết cho.

(1) Cuộc thi thơ, lấy đầu đề «bồ tiên» (roi cỏ bồ) lấy văn «bồ». Theo điển Lưu Khoan đời Hán, làm Thái-Thú Nam Dương, tính ôn hòa, hay tha thứ, lại và dân có lỗi, dùng roi có bồ mà đánh, để biết nhục thôi, chứ không đau.
(2) Sứ: Công sứ người Pháp. (3) Tác giả gán cho chữ bồ nghĩa là cái bồ, chứa lời chửi rủa. (4) Tiên là roi, đồng âm với tiên là đồng xu.

Vịnh ban tu Thư (1)

Khéo khéo tu thư một lũ mừng.
Cũng đòi chữ nghĩa, ưng văn chương.
Chó già giữ mực, Tâm là xỏ (2)
Tượng gỗ ngồi trơ, Đại cũng lương (3)
Nước bạc cha Thành (4) men chú
Tích (5)

Nụ cười cu Triều (6) khóc anh
Dương (7)

Thêm thằng H (?) dốt, thằng Ngô đại (8)
Khéo để nghìn năm tiếng thối hoẵng.

(1) Đầu triều Duy Tân, đòi phép học
và phép thi, có lập ban Tu thư ở phủ
Thống Sứ Hà nội, đề soạn sách mới, chữ
hán, dạy bậc tiểu học và trung học. (2) Đỗ
Văn Tâm, tiến sĩ, hiệp biện đại học sĩ
(3) Ông Đại (?) không làm gì mà vẫn

lĩnh lương. (4) Bùi Hương Thành cử
nhân, tuần phủ, thích đánh bạc. (5) Ông
Nguyễn Tái Tích, phó bảng, đốc học,
thích uống rượu (6) Đoàn Triều, cử nhân,
tuần phủ, người vui vẻ. (7.) Dương Lâm,
giải nguyên, hiệp biện trí sĩ, khóc khi
nghe vua Thành Thái bị phế. (8) Ngô
Giáp Đậu, cử nhân, đốc học, có làm
sách Nam sử, nên Tú Xương mới có
câu : Sử để theo sách quan Ngô-Giáp.

NGUYỄN - TOẠI

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12

LABOHADZER

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO _ MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG
VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY
THÈ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

MÁ HỒNG

7 Tôi hất mạnh tay lái, chiếc xe quẹo chồm lên lề đường. Rồi đạp mạnh vào bàn thắng, luồng ánh sáng của hai chiếc đèn pha bùng lóa trên hai tấm cánh cửa đóng kín. Chiếc khóa nhỏ đen thui bám vào hai lỗ danh khuy giống hệt một con dơi đu trên xà nhà buổi sáng. Bỗng tôi chợt thấy thấp thoáng ở ngoài vùng bóng tối một bóng người. Huyền. Huyền chưa ngủ ?

Sự xuất hiện của Huyền khiến tôi sao xuyên. Hình như mùi tóc Chi, mùi dịu êm của hương ngọc lan còn phảng phất trên mặt tôi, và suốt ngực áo, suốt hai ống quần hiện âm hơi sượng và lá cỏ bị nghiền nát, hay cũng có gì của Chi vẫn vương. Quái lạ, vừa rồi mình rõ rệt không nhớ gì, một chút nào về Chi, sao giờ lại bị ám ảnh nhiều thế. Viên kẹo chanh quá trơn ban nãy đã trôi xuống cuống họng làm chút nước chua không kịp thấm vào chân răng, lúc này lại bập bênh trong miệng...

Tôi tới bên Huyền, ngồi bệt xuống nền xi măng, đối diện nhau. Huyền hỏi thật nhẹ, chú đi đâu mà về khuya thế. Tôi đáp chú ra trại tạm trú của đồng bào tị nạn. Tiếng Huyền vẫn êm như hơi gió, chú ra đây thăm chị Chi, phải không ? Giọng nói ấy đã lao vào tâm hồn tôi như chiếc xuồng máy phóng trên một con rạch. Những làn sóng loang loang mỗi lúc một rộng và xa, làm những ý nghĩ của tôi dập dềnh lắc lư. Tại sao Huyền lại nói câu ấy ? Bất giác, tôi chụm mười đầu ngón tay, đưa lên trước miệng, để mũi ngửi lại xem có còn gì của Chi chưa tan hết. Rồi tôi nói sang chuyện khác :

Ngồi nghĩ gì một mình mà quên đi ngủ ?

Huyền cúi đầu. Những ngón tay lơ đãng gỡ rối những sợi tóc trước trán :

— Ban nãy chú không có nhà mà xem gia đình cháu diễn kịch. Loạn như sân khấu lúc sắp buông màn. Ông cụ chửi anh Long có gì lại tình nguyện đi lính. Tại sao không nhờ chú vận động về chỗ yên ổn. Bà cụ chửi ông cụ có gì lại đi đánh bạc. Sau cả hai quay sang chửi cháu có gì lại cứ đi chơi lang thang khiến thiên hạ đồn là đi làm tiền...

— Rồi kết luận ?

— Kết luận là cháu lại bỏ nhà đi lang thang như mọi khi. Vừa về đây trước chút ít phút. Cháu chưa muốn vô ngủ. Ban nãy có gặp ông Tỉnh trưởng, nhưng ông ấy không nhìn thấy cháu.

Tôi nhìn Huyền. Đôi mắt mở lớn nhưng vẫn không tìm được nét nào hằn lên trong màu đêm. Khuôn mặt Huyền mờ mờ, mông lung xa xôi như hồn người hiện về qua màn sương. Thốt nhiên, một chút gì se sắt, tựa như cơn gió chớm đông đang hiu hắt thổi qua lòng tôi Huyền đang nghĩ gì lúc này? Và tôi, tôi đang nghĩ gì lúc này? Nghĩ gì à? Nghĩ tới trái lựu đạn nổ tung lên. Đề cả hai đứa cùng được chấm dứt mọi chuyện thật mau thật đẹp, thật thoải mái. Và biết đâu khi ngỏm rồi, hồn hai đứa lại không thành đôi bạn thân thiết, và lấy nhau chưa biết chừng. Chứ cứ mỗi cái điệu sống day dứt này mãi thì chịu làm sao nổi. Mỗi một lăm. Có cái đề chờ đợi đâu?

Những ngón tay tôi không để lại dấu vết nào của Chi. Như vậy là trước và sau khi xảy ra vụ lộn xộn này, đời cũng chẳng có gì ghê gớm, cũng chẳng có gì hơn, cũng chẳng có gì khác. Nhưng riêng cái phiền phức thì chắc là không thoát. Ngày mai em sẽ đòi về quận. Ngày mai em sẽ ra vào căn nhà này tự do. Ngày mai em sẽ, em sẽ cả trăm thứ đề bắt mình giải quyết. Tôi thở hắt một hơi. Miệng nhạt tanh. Giá được hùng hổ chửi thề một hơi thì sướng biết mấy.

Huyền chợt đặng hắng. Tôi vội nhìn lên đợi câu nói:

— Chú giới thiệu cho cháu một công việc gì đủ sống ở Sài Gòn để cháu được đi khỏi đây, né chú.

Tôi chậm chậm hỏi lại:

— Huyền bỏ học?

— Vâng.

— Huyền không nghĩ tới tương lai nữa?

Hình như Huyền bật cười:

— Tương lai? Nhiều lần cháu đã nói với chú, tương lai của cháu sẽ là bà chuẩn úy, bà thiếu úy nào đó, vậy có gì phải nghĩ thêm? Cháu cần phải đi khỏi thành phố này. Nơi đây đã không bao dung cháu nữa rồi.

— Huyền.

— Trước đây, cháu đến nhờ chú ký thị thực giấy tờ để lấy tiền của mấy đứa bạn, chú có nghĩ là cháu làm tiền chú không.

— Huyền.

Tiếng Huyền thốt ra từ cuống họng, đơn độc bay lên thình không, Huyền lại im lặng cúi đầu xuống giữa hai đầu gối thu tròn. Tấm thân bé bỏng, mềm mại yếu đuối như cô gái bán diêm trong đêm giáng sinh ở một thành phố âu tây nào. Tôi muốn ngồi sát vào Huyền. Muốn ôm lấy cái cơ thể giá lạnh ấy mà ru những điệu

buồn ca dao. Nhưng, sau đó, sau đó sẽ là gì? Có lẽ cũng chẳng là cái gì. Cuối cùng thì cũng lại như với Chi vừa rồi. Tôi bâng khuâng, thò tay vào túi bao thuốc, moi một điếu gài lên môi, mùi thuốc chưa có lửa, thơm ngai ngái quyến rũ êm ái như mùi hoa rừng. Khi que diêm xòe sáng, Huyền ngược nhìn tôi. Đôi mắt không như mảnh chai. Đôi mắt như tìm thấy bên bờ suối khi có ánh đèn trên nón người thợ săn.

Tôi cố rít mạnh và liên tiếp những hơi thuốc để ánh sáng đỏ rực lên lam tới chỗ Huyền ngồi. Nhưng đóm lửa nhỏ nhoi quá. Như con đom đóm lập lòe. Tâm hồn tôi vì thế cũng chợt hoang vu nhưng xao động như những hạt cát bay lăn tăn trên bãi biển đập vào cò chân còn ướt nước. Tôi nhìn Huyền thật lâu. Rồi đứng dậy. Huyền cầm lấy điếu thuốc, hút xem có vui không. Xong tôi về trước cửa nắm lấy chiếc khóa và gục đầu vào cánh tay.

Sáng hôm sau, tới quận, tôi vội gọi điện thoại cho Tân. Mời cụ tới đây đi ăn sáng đoạn ra phi trường xem Air Việt Nam lên xuống. Tân cười khảnh khách bộ định điếu tôi hả? Lát sau đã nghe tiếng còi xe của Tân ở ngoài cổng quận. Tôi bỏ lại đồng giấy tờ trên bàn, đi với Tân. Chiếc xe như con ngựa quen đường, chạy thẳng tới quán Hương giang. Tân nói tình hình dạo này bê bối quá. Chỗ nào cũng có tụi nó. Đêm qua mới vỡ được một con bự lắm. Đọc tài liệu về nó, mình tưởng, ít nhất nó cũng phải ba đầu sáu tay, mặt mũi thế nọ thế kia, ai ngờ khi tóm được, nhìn nó mình chán đến độ không thèm dơ tay đập một cái lấy le như thường lệ. Tôi nói lời Tân bằng câu chuyện đêm qua, diễn biến của trận pháo kích vào trại tạm trú của đồng bào tị nạn. Tân bảo nhân viên của moa báo cáo về ba người bị chết và chín người bị thương.

Câu chuyện bỗng nhiên gây cho tôi cảm giác mỗi một. Sự mỗi một mỗi lúc một rã rượi tay chân. Bởi vậy, khi xe chạy ra quốc lộ, tôi nói với Tân, cậu lái xe đề tở ra băng sau làm một giắc, nhé.

Tân không nói gì. Riêng chiếc xe từ từ giảm bứt tốc lực. Tôi leo qua chiếc ghế, xuống băng sau. Băng ghế này quá nhỏ, quá ngắn đối với thân thể tôi khi nãy. Tuy thế tôi vẫn dúm thân người tôi xuống, hai chân gác lên khung mũi xe. Tân nói đêm qua moa lại chạm trán với Côn Cho. Xếp bắt moa dừng xe, rồi hỏi sao chịu khó đi tuần thế? Giọng nói có vẻ cảm động mới chết chứ. Im lặng. Gió lùa qua khe cửa và người Tân phe phẩy trên mặt tôi. Tân cất tiếng cười. Máy xe nổ trầm ấm. Những nhịp xóc đều đặn. Trong khung cảnh đó, tôi thiếp đi trong tiếng cười của Tân.

Và tôi ốm luôn từ đấy. Suốt hai ngày không ăn một hột cơm. Tôi không lê nổi tới tiệm. Đạt thì đi hành quân miết. Chỉ nằm uống nước mưa hạ thổ với bánh mì và thuốc cảm cúm, nóng lạnh. Một mình, một bóng. Nghe được cả tiếng thở của mình. Thêm từ làn hơi bốc lên từ ly nước trà nóng. Thêm từ miếng dầu củ là con hồ bôi vào rốn những khi bụng quận đau. Những lúc đó, tôi đã khóc như một đứa trẻ khi mẹ không cho đi theo ra phố.

Rồi một buổi sáng tinh dậy, tôi chợt thấy Huyền ngồi lặng lẽ bên đầu giường. Màu trắng mát từ chiếc mũ tròn, từ khúc đùi căng cứng bó trong làn vải đập vào mắt tôi. Huyền ngồi cách tôi không quá một gang tay. Nếu mình không ốm, có lẽ đã ngửi thấy mùi thơm từ da thịt Huyền rồi. Huyền đang học bài. Trang vở lật gấp lại phía tôi đầy những vết bút chì xanh đỏ. Bây giờ mới được thấy nét chữ của Huyền. Chữ g dài quá, vòng rộng giống hình lưỡi dao bầu. Chữ t gần thành dấu thánh giá. Chiếc áo Huyền mặc màu mỡ gà, nhưng tôi biết ngay lúc trước nó màu trắng, một chiếc áo dài nội hóa. Ở nách, ở cánh tay rải rác những chỗ mạng, những chỗ khâu riu lại, những chỗ sợi vải đã mòn sần mỏng, thấy cả màu da. Người con gái này thật đáng thương, đáng thương hơn cả cái thân phận chó má của mình nhiều. Bao nhiêu tai tiếng, bao nhiêu chịu đựng sự nghèo túng... Thốt nhiên, nước mắt tôi ứa ra. Nhưng có phải mình đang khóc không? Mình thương Huyền thật sao? Chú ơi chiều nay chú có đi xem niềm vui tỉnh nhỏ với cháu không? Những chỗ mạng trên tấm áo cánh phá may lại từ chiếc áo dài cũ. Màu vải trắng đã thành màu đục như tờ giấy in ronéo, như bản nghị định tổng cổ mình ra đây. Mắt tôi nhìn đã không thấy mặt vải bó kín bắp đùi Huyền nữa. Nước mắt đã rơi xuống và đang chạy vòng vèo trong những đường rãnh trong vành tai.

Bây giờ nếu Huyền thấy mình khóc thì sao đây? Huyền sẽ òa khóc theo rồi cúi xuống hôn lên mắt mình? Mình sẽ bá cổ Huyền, nói anh yêu em như với Thủy, hay không cần nói gì như với Chi? Đầu tôi bỗng phát nóng. Hai lỗ mũi tắc nghẹt, hơi thở phì phò ran ran.

Giữa lúc đó, chợt có những tiếng đập cửa cộc cộc mạnh và vội vã. Huyền vụt ngừng đầu nhìn ra. Tay đặt cuốn vở xuống giường, sát ngay má tôi. Đoạn ngáp ngừng đi ra. Tiếng đàn ông, giọng nam, anh Đạm có nhà không, cô? Quế. Anh chàng tới mình có việc gì? Huyền đặng háng, đáp dạ thưa ông ấy đang ngủ à. Quế nhắc lại, ngủ à? Giờ này mà ngủ sao? Dạ thưa ông ấy đau. Đau à? Thời buổi này mà đau sao? Đâu, cô cho phép tôi vào thăm ông ấy một chút. Dạ thưa ông ấy mê sảng cả đêm qua, bây giờ mới chớp mắt, nếu được xin ông để ông ấy ngủ một chút cho lại sức. Ồ, không được, tôi phải gặp ông ấy vì có chuyện cần lắm. Lát nữa tôi về Sài Gòn tôi đổi vào trong ấy rồi, cô không biết sao? Dạ thưa ông...

Bước chân Quế nặng như người lính đi cơ bản thao diễn, tiến lại phía tôi. Ở phía sau sẽ sẽ rít tiếng cọ sát của cánh cửa với sàn nhà khi khép lại. Tôi vội nhắm mắt, quay úp mặt vào gối. Bàn tay Quế mát lạnh đặt lên trán tôi, cảm soàng thối mà có chi. Ê, Đạm, Đạm, moa tới thăm cậu nè.

Tôi giả vờ uể oải soay người lại rồi chớp chớp một hồi trước khi nói:

— Giáo sư. Có chuyện gì đấy, anh Quế?

— Chiều nay moa về Saigon rồi, phải tới giả biệt cậu chứ. Anh em mình cả mà. Hồi trước hoạt động cho cái phong trào học đường ấy là để giải trí lãng

những với các em nữ sinh, ai ngờ bây giờ thành trứng số độc đắc. Bà cụ moa tìm nơi chạy tiền mà chưa nổi, ấy thế mà moa mới năn nỉ vài lần là ô kê. Cho nên bây giờ cầm giấy trong tay mà nhiều khi cứ sợ sai tên, phải lòi ra coi lại hoài.

Tôi mỉm cười đáp lời Quế. Rồi cố gượng ngóc đầu lên nhìn ra ngoài, xin lỗi anh, tôi ở mình nên không có nước mời anh dùng. Không sao, không sao, anh em cả mà. Câu nói của Quế khiến tôi mỉm cười. Rõ thôi, người ta nói cho qua chuyện, thực ra là cốt tìm Huyền, chứ nước non gì. Huyền đã đi khỏi. Căn phòng như tối xảm lại, Thế là anh chàng này hại mình. Đã vậy còn hơn hờ mang cái tin ngàn vàng ấy ra khoe nữa. Tôi nhìn Quế, thấy khuôn mặt thật xa lạ. Tôi hỏi hơi to tiếng :

— Thế anh đã sang cái chức quý báu ấy cho ai chưa ?

— Rồi. Cả trường tranh nhau, xô mả. Cái phong trào ấy bỗng phát triển vùn vụt.

Tôi bật cười. Quế cũng bật cười theo. Tiếng cười của Quế rộ lên và kéo dài thật dễ dãi và cởi mở. Đôi gò má anh hây hây đỏ, gò lên một cục căng mỗ như trái doi chín trên cành. Đôi mắt anh sáng nhìn lảo liên khắp mọi vật xung quanh, nhưng tôi biết anh không chú ý đến gì. Bởi có lúc thấy anh như suy tư, trầm ngâm nhìn xác con muỗi bẹp dí trên tường đã khô, giống mảnh bụi. Tôi mỗi mết thêm. Cánh tay trần lên trán rõ ràng sự bất lực không chèn ép được những cơn rậm rứt trong óc. Tiếng nói của tôi thều thào, mấy hôm nay tôi đau quá, mê man chẳng biết gì. Quế nheo mắt cười, đầu hơi cúi xuống cậu ở đây thì còn ốm nhiều. Anh em tới thăm đều cho cậu là anh chàng thư sinh nào đó trong truyện liêu trai. Ban này moa không xông xáo thì đâu có được vào thăm cậu. Em cảm hết, có lẽ cậu dặn em làm thế chẳng? Tôi mở mắt nhìn Quế, nhìn thấy mỗi nụ cười rộng rãi tươi tắn. Thế ra Huyền vẫn săn sóc mình mấy hôm nay? Huyền. Huyền. Mắt tôi từ từ khép lại. Anh bỗng thương em hơn cả thương cái thân anh bệnh hoạn, em biết không. Chú ơi, cháu ao ước có một người chú y như chú mà không được, chú biết không?

Những phút tiếp theo, Quế nói những ý nghĩ của anh về tương lai, tôi chỉ nghe mơ hồ như gió thoảng. Tâm hồn sôi bỏng vì cơn sốt của tôi lại còn càng sôi bỏng thêm vì hình ảnh Huyền. Thôi, cậu mau mau về cho con nhờ chứ. Nếu anh Quế về, mình sẽ nằm một mình rồi mặc cho muốn khóc thế nào thì khóc. Và Huyền sẽ sang, hỏi tại sao chú lại khóc.

Tưởng chỉ thêu dệt thế thôi, không ngờ sau khi Quế về, tôi đã khóc thật. Nhưng không biết khóc vì có gì. Ngay cả khi nước nở, nghẹn ngào và nghe thấy giòng nước mắt ấm bõ buồn trên má. Trí óc tôi thật tỉnh táo, thanh thoát. Tôi mơ hồ nghĩ tới pha diễn xuất trước máy thu hình và những giàn đèn pha. Riêng Huyền, vẫn không thấy bóng dáng và tiếng đặng hắng nhè nhẹ, lúc nào cũng như sợ làm phiền người khác. Vào giờ này, có lẽ Huyền đã đi chợ rồi. Sao có một cái gì chán

nản lạ thường khiến chân tay bải hoải rã rượi. Một mái nhà, một gia đình, lẫn quần có một mình với người đẹp khóa thân suốt tháng năm không khoeo trên tấm lịch. Không biết bao giờ em mới là Giáng tiên ?

Câu nói ấy, ban đầu chỉ là lời nói đùa với bạn bè, nhưng sau bỗng trở thành một ước ao, thèm khát. Và tôi đã nói thầm nhiều lần. Căn nhà trống hoang không có gì để so sánh mỗi lần muốn bước ra khỏi cửa. Cuộc đời do đó mãi mãi chòng chành như con thuyền không có một cây neo. Tôi khép mắt lại, lười biếng nghĩ tới cái chết lòng không xúc cảm.

Cho đến khi bóng tối bắt đầu dâng lên thì trời đổ mưa. Những ánh chớp lòe sáng ngoài cửa sổ. Những hạt nước nhẹ như bụi lất phất bay vào trong phòng, toát ra cái lạnh lẽo, đìu hiu xa vắng. Chi đã tới bên tôi lúc đó. Tiếng gọi của Chi dịu dàng, anh Dạm, dội vào tâm hồn tôi như tiếng hú trước hang núi trùng trùng điệp điệp. Chi ngồi sụp xuống chân giường, bàn tay luồn vào trong chăn tìm kiếm kiếm bàn tay tôi. Rồi sờ soạng, nắn nắn những ngón tay, những đốt xương. Tôi nằm lặng, tê liệt không nói được một câu, không phát họa được một cử chỉ. Trong ánh sáng mờ của ngọn đèn ống quay ra phía ngoài, đôi mắt Chi long lanh rạo rức. Tôi chợt xúc động nhớ tới ánh mắt của đêm pháo kích, xanh dờn một thoáng như đom đóm bay. Nếu lúc này Huyền sang thì chết. Buổi chiều không thấy đầu, tới tối thế nào lại không gặp. Tôi vội bảo Chi :

— Ra tắt đèn đi, mau lên.

Bàn tay Chi rút khỏi lớp chăn. Chi nhìn tôi lặng im tới khi tôi ngược lên mới từ từ cúi xuống, nói thật khẽ :

— Anh còn đau mà.

Tôi bật cười :

— Anh có nói anh khỏe đâu mà em lo.

— Thế thì tại sao tại tắt đèn ?

— Anh thích thế. Em ra tắt ngay đi.

Chi đứng lên, bước tới cây đèn, đặt ngón tay chỗ lên chiếc nút đỏ nhưng không ấn xuống. Hình như có sự suy tư nào vừa nảy sinh trong óc Chi. Tôi thấy Chi ngoái cổ nhìn tôi. Rồi mỉm cười. Nét mặt chan chứa sự nhẫn nhục. Lúc đó ánh sáng mới bay vụt ra khỏi căn phòng. Ngoài trời vẫn mưa. Khuôn cửa sổ trắng nhạt như miếng vải xô treo trên vách. Những giọt mưa gieo xuống sân, xuống chậu nhôm, cái nhỏ rửa mặt cái hay lớn giặt quần áo, xuống vại nước tí tách tí tách thánh thót. Bóng dáng Chi ngồi gھếch bên giường nhòa nhạt, phảng phất hình ảnh Huyền đêm nào ngoài hiên Chú ra thăm chị Chi, phải không ? Tiếng Chi :

— Anh không muốn nhìn mặt em, phải không ?

— Mình đã nhìn nhau ba tháng rồi, sao nay mới hỏi ?

— Thế sao anh bắt tắt đèn ?

— Với bóng tối anh có cảm tưởng được hưởng hạnh phúc hơn.

Nói xong, tôi mở miệng cười, rúc mặt vào cánh tay đang gối dưới đầu. Liệu em có biết mình sao không? Ờ nhưng mà mình nói dối hay nói thật? Cũng không biết nữa, nhưng có điều chắc chắn là sau khi tắt đèn, mình đỡ hồi hộp sợ Huyền sang bất chợt. Bàn tay Chi úp trên bờ vai tôi, lại nắn nắn. Chiếc xương quai xanh chưa bao giờ nhô ra cùng với các mẫu xương khác một cách lộ liễu bằng lúc này. Một tia chớp chớp lóe sáng trong khoảnh khắc không kịp nhận rõ màu áo Chi. Giọng Chi trầm trầm :

— Em nghe tin anh ốm, em lo quá. Không biết làm cách nào để gặp được anh, em chỉ còn cách ăn chay, cầu cho anh chóng khỏi để đi làm. Thế anh có giận em không ?

— Anh độ cảm không cho em tới thăm anh, chứ gì.

Hai ngón tay Chi véo tai tôi, soáy nhẹ như bứt một chiếc lá :

— Nghĩ nhầm rồi nhé. Tại em sợ người ta cười, ai đời nữ nhân viên lại đến thăm ông xếp độc thân bao giờ.

Sau vài giây, giọng nói xuống thật thấp :

— Người ta đâu có biết tình của anh với em.

Những câu nói của Chi thấm vào cơ thể tôi thật mau, như mũi thuốc calcium đang bơm vào mạch máu. Nhiều lúc tôi đã quên mất cơn đau liệt bại. Tôi ôm cánh tay Chi, vuốt ve để hợp lấy cái mát dưới của khối da thịt mỡ màng. Nhưng nếu lúc này Huyền sang ? Ý nghĩ ấy thoáng qua cũng làm máu trong tim tôi dội ngược lên.

— Nằm xuống bên anh, em.

Hình như Chi hứ nhẹ, rồi nũng nịu :

— Thôi, kéo nhau áo em.

— Thì em cởi áo ra.

Lần này tôi nghe rõ tiếng hứ liền với lúc cái mũi bị bóp nhẹ bằng đầu hai ngón tay :

— Lại nghĩ nhầm rồi, anh. Anh Đạm ơi, anh có thương yêu em nhiều không, anh nói thật đi.

Tôi nói không ngập ngừng :

— Em có những thắc mắc lạ nhỉ. Không yêu em mà anh lại có những cử chỉ

đối với em như đêm ngoài trại ư ? Anh đâu phải là con heo.

Tự nhiên Chi vội đặt mình xuống giường, hai chân co chống và kéo chiếc chăn đặt làm ranh giữa hai người. Tôi bắt đầu ngửi thấy mùi thơm của những sợi tóc mới gội phảng phất, ấm áp gần gũi. Chi nói, tiếng nói siết trên môi như tiếng gió.

— Những ngày ở quận, em để ý thấy anh lãnh đạm với em lắm cơ mà.

— Chẳng nhẽ anh lại phê vào công văn rằng, cô Chi, tôi yêu cô, hay s'ò ? Hàng ngày ngồi tần mần viết mòn vài cây nguyên tử trên những tờ giấy, chỉ có tên em, anh nghĩ, liệu trên đời này hồ đã có mấy ai si tình bằng anh. Suốt cuộc đời em, đã có ai viết tên em không biết mỗi như anh chưa ?

Chi lại hứ, tiếng hứ phát xuất từ cuống họng :

— Tai em làm phần hành công văn nên anh phải phê như thế chứ bộ. Anh nói vợ vào hay lắm. Người ta gọi những lời nói đó là lời chót lưỡi đầu môi, anh biết không ?

Tôi cười áp mặt vào vai Chi :

— Tiếc rằng anh ốm, nếu không em đã được biết chót lưỡi đầu môi rồi. Có thể anh cũng tưởng anh nói vu vợ tán tỉnh, nhưng với hai mươi bốn giờ một ngày, trừ mười hai giờ của đêm, còn mười hai giờ để sống, anh đã sống với em tám giờ, em chưa cho là đủ sao ?

Không thấy Chi trả lời. Nếu Chi nói, em xin anh nốt những giờ còn lại, có phải tình không. Tôi thấy hối tiếc, vì thiếu lời đáp ấy. Tôi nhìn nghiêng trông rõ đường trán, sống mũi, nét môi mím, bóng chiếc cằm hơi hếch trước khi thong xuống cổ, thành một hình đen in lên khuôn cửa sổ trắng nhạt. Những ngón tay Chi hồ hững buông lỏng trên thân thể tôi, không một cử chỉ bám víu, bắt giữ. Phút giây im lặng như thế từ từ trôi đi khá lâu trong bóng tối. Ở ngoài, trời vẫn mưa rả rích. Tôi sờ soạn trên ngực Chi thư thái hưởng thụ sự tinh khiết căng chín. Lời anh nói là lời chót lưỡi đầu môi. Mơ hồ như có ai hát theo bài ca thời trang, chớ nói tình yêu bằng chót lưỡi đầu môi, xa xa gần gần.

Chừng một giờ sau, Chi nói thôi cho em về, khuya rồi. Tôi đứng dậy theo Chi, và trong khi Chi chải lại mái tóc, tôi vội bước tới mở cửa, thật nhẹ cho không có tiếng động. Rồi thò đầu ra ngoài, xem có ai lảng vảng không. Mọi cánh cửa đã đóng kín. Cây trướng cá lù lù che hết ánh đèn từ trên đỉnh cột cao khiến nơi cửa càng đọng nhiều bóng tối. Tôi quay lại nói với Chi, đêm mai nhớ tới với anh, nhé. Chi gật đầu vâng, anh có muốn ăn gì không để em mua. Tôi vung tay ôm chầm lấy tấm thân đã bó kín trong chiếc áo mưa, anh chỉ thêm một thứ mà em đã có sẵn, em cho anh chứ. Giọng Chi bùi ngùi, em đã cho anh hết cả rồi thôi. Câu nói ấy khiến tôi cảm động, xao xuyến. Tôi ghì chặt hai cánh tay, hôn lên má Chi tàn bạo với ý thăm anh yêu em thật rồi, anh yêu em thật rồi,

Rồi Chi đi. Tôi đứng nhìn theo chiếc bóng lờ lững trong mưa gió và bóng đêm cho tới khi khuất nẻo mới quay vào. Chi ơi, có thể nào chúng mình thành vợ chồng không nhỉ. Mùi thơm của da thịt em còn êm ái đọng trên những đầu ngón tay anh, khi nào mới tan ?

Sự thực, ngay lúc cánh cửa đóng lại, tôi đã chợt thấy không còn chút nào hương yêu tạm bợ vừa qua. Tình của Chi giống chiếc áo và đã rời khỏi người. Bóng tối trong phòng lại nhầy nhụa vây hãm tôi. Bóng tối lại tiết ra những chất quạnh hiu, lạnh lẽo thấm thía. Ngoài trời, những hạt mưa vẫn đều đều rắc những âm thanh trên mái ngói rào rào ròn rã. Y như giọt buồn dầm dứť rơi trên thân thể tôi, mà thân thể tôi là chiếc lá già nằm bên bờ con rạch giữa rừng. Dù sao căn nhà này cũng phải có thêm một người, Một người đàn bà, như Chi, như Huyền, như Thủy, như Vân hay như ai cũng được. Có một người để được biết thế nào là bữa ăn khi tan sở, biết mùi vị của ly nước trà nóng khi uống thuốc, biết thú tâm sự cho qua đêm ồn ào tiếng đại bác bắn đi yểm trợ.

Cái đau mỗi của căn bệnh không có tưa lại trở về gặm nhấm những đốt xương, những miếng thịt buồn tê rời rã. Lỗ mũi bắt đầu nghẹt cứng, chỉ còn những hơi thở vụn vặt và nóng hổi. Tôi muốn có ánh sáng trong phòng. Tôi muốn biết lúc này là mấy giờ. Nhưng cây đèn đèn xa quá. Như chiếc đồng hồ đã chết vì không lên giây từ nhiều hôm nay. Với trạng thái đó, tôi thiếp đi.

Cho đến lúc tỉnh dậy, trong phòng có ánh sáng trắng nhẽ nhạt như giòng sữa. Huyền đã ngồi bên giường, thân hơi xiên về phía tay chống nơi đầu tôi. Hình như một chiếc khăn nhỏ đang lau suôi trên trán xuống má. Chú uống thuốc nhé. Chú nóng quá. Chú nói mê sảng hoai. Tôi chỉ loáng thoáng nghe qua đôi môi mấp máy và đôi mắt chớp chớp. Huyền đưa cho tôi ống thuốc và một ly nước. Chú lấy thuốc uống đi, kéo ngụội, chú.

Ly nước chè nóng thấm vào miệng tôi, khiến tôi nhớ lại những ao ước vừa rồi. Tôi nhìn Huyền. Hai mắt loang lạng. Mái tóc rối lòa xòa. Làn má mịn chụm gần mặt tôi. Trái tim tôi nhói đập và thái dương giật giật. Mình chưa có thể chết được, phải sống chứ. Tôi hỏi Huyền :

— Mấy giờ rồi, Huyền.

— Cháu không biết nhưng có lẽ khuya lắm.

— Huyền lấy cái đồng hồ ở bàn, lên giây hộ chú.

Huyền đứng dậy, bước đi khoan thai. Chiếc áo cánh nhàu nát làm nổi bật bộ ngực không có áo lót, rung động những đường nét khêu gợi. Bỗng nhiên, một nỗi xót xa lại nhen nhúm, trời ơi, em còn đầy dáng đẹp của một nữ sinh, và hiện như một người vợ mới cưới thế này mà lại lưu lạc thật ư ? Tôi gục mặt vào gối, không dám nghĩ tiếp, sợ những khuôn mặt của Đạt, của Trọng, của Trai lại hiện ra với những hàm răng cắn cỏi, trơ chất xương. Nhưng Huyền đã lại chỗ cũ, đặt vào

lòng bàn tay tôi chiếc đồng hồ, cháu đã hồi sinh nó rồi đây chú. Kia, chú lại đau à ? Tôi lắc đầu. Huyền tiếp :

— Chú uống thuốc ngủ, nhé. Cháu có sẵn ở nhà, để cháu về lấy.

— Uống thuốc ngủ có ngủ luôn được không ?

— Nếu chú muốn thì cháu cũng còn đủ thuốc, nhưng tội gì mà chết. Còn phải mở mắt xem đời đời trắng thay đen đến thế nào đã chứ.

— Vậy thôi, cảm ơn Huyền. Chú hết đau rồi.

— Ban nãy, chú làm cháu sợ muốn hết hồn. Cái gì khiến chú khóc đấy, chú lại cười đấy, gọi tên một người để xin cứu giúp rồi lại mỉa mai chửi rủa người ta tức khắc ? Sao vậy.

Tôi hốt hoảng vùng dậy ?

— Chú gọi tên ai ?

— Chị Dung. Chị Dung là chị của chú à ?

Đầu tôi đồ vật xuống gối, mắt không gượng mở nổi nữa. Chị Dung. Chị Dung. Ca sĩ Kim Dung. Tại sao anh Thắng tình nguyện đi đơn vị chiến đấu ? Tại sao anh Thắng chết ? Chị Dung. Ca sĩ Kim Dung. Tiếng Huyền ngọt ngào, bây giờ chị Dung ở Saigon, hả Chú. Cháu không thể hiểu nổi chị ấy như thế nào để chú vừa thương yêu vừa kinh ghét, để chú u uất chỉ khi mê sảng mới thốt ra. Chú có thể kể cho cháu nghe không.

Tôi cố mở mắt, nhìn Huyền :

— Chị ruột của chú đấy. Đầu óc chú không được Chúa hay Phật khai thông nên ngu muội, không biết người chị ấy tính nết ra sao nữa. Chị ấy đáng khinh hay đáng thương ? Chị ấy là nạn nhân của thời đại hay chị ấy đóng góp sự tan vỡ cho thời đại ?

— Thôi, bây giờ chú ngủ đi. Lặn độn một mình một bóng thì đáng can đảm, tự lo cho mình chứ biết làm sao hơn. Ngày trước anh là sống lủi thủi, như chú, nhưng thấy giản dị hơn chú, kể cả cái chết của anh ấy. Còn chú, chú suy tư quá. Cái óc, trời sinh ra để bắt con người phải chịu cái khổ qua những ý nghĩ, những kỷ niệm. Sách vạn vật không dạy, nhưng cháu nghĩ có lẽ ai óc càng lớn, thì người ấy càng khổ.

Chị Dung. Chị Dung ơi. Lời mẹ êm ái như đồng lúa chiều rì rào. Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng mẹ yêu .. Từ lúc đó, tôi cảm thấy biết cái rõ cái đau ốm, có tên bệnh, có ngọn nguồn. Trí óc tôi rần rật nóng, mồ hôi toát ra lấm chấm xung quanh miệng. Tôi nằm im, tâm hồn nghĩ ngợi tịch mịch như bóng tối. Không lâu, tôi đã nghe thấy nhiều tiếng động, mở đầu thêm một ngày mới. Rõ ràng tiếng con Phượng lầu bầu, hết thuốc đánh răng rồi mẹ. Tiếng bà Phước, mày để ống thuốc xuống sàn rồi lấy sòng dao miết dồn lại xem, liệu lại không dùng được năm ngày nữa ấy chứ. Tiếng Huyền, chỉ có con mới hiểu ý mẹ, có phải mẹ mua ống thuốc này, trước là lấy thuốc đánh răng sau là lấy đồ cho ba con cạo râu, phải không ? Sao lại cạo râu bằng ống thuốc ? Tại mẹ bảo miết ống để lấy thuốc, thì vỏ ống sẽ mỏng thành dao cạo, mấy hồi.

(Còn tiếp)

ĐỒ TIẾN ĐỨC

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122



SUCCURSALE DE HONGKONG :

*Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG*

Téléphones : 24 — 6081 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent Sham Shui Po :

90 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau Periodique «Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

Tél. 245.127

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 228)

ĐOÀN-THÊM

L.T.S.— Loạt bài « NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN » của Ô. Đoàn-Thêm khởi đăng trên Bách-Khoa từ số 228 (1-7-1966), tạm ngưng sau số 240 (1-1-67), nay lại được tiếp đăng bắt đầu từ số này.

BỎ VÀ ĐI

Văn cảnh đào, chậu cúc, bánh trưng, và lạch tạch đường này phố khác vài ba tràng pháo... Dân Hà-Nội ăn tết Giáp Ngọ theo lệ thường.

Song đó chỉ là bề ngoài, một bề ngoài mà người ta cố giữ, có lẽ để tự dối và quên bớt nhiều nỗi lo âu.

Tâm trạng này, thực ra cũng khó nén. Trong dịp thảnh viếng đầu năm, sau vài câu sáo chúc mừng phát tài phát lộc, nhiều người hỏi nhau : Thế nào ? Liệu có yên không ? Xem chừng khó-khăn lắm thì phải...

Khó thật đấy ! Mặc dầu hàng ngày có những thông-cáo lạc quan, nhiều tin đồn đã lan tràn rất chóng về sự triệt thoái căn cứ Pháp tại trung-du và thượng-du Bắc-Việt. Điện-Biên-Phủ bị bao vây, và chỉ hai tuần sau Tết, các cuộc tấn công bắt đầu ồ ạt. Theo những giới được coi như am hiểu thời thế, Pháp với Hồ đương điều đình ngầm với nhau...

— Ấy, lâu lâu lại phao đồn như vậy, rồi có gì đâu ? Pháp còn mạnh lắm.

Ông Ba Xuân trả lời như vậy cho vợ, không phải để trấn an, nhưng để bà thuận cho ông mua một cửa tiệm buôn ở Hàng Đào : ông Thường muốn bán rẻ vì mắc bệnh đau gan không trông nom được.

Bà Xuân còn ngần ngại : chắc ông Thường lo về tình thế, muốn kiếm tiền chạy loạn; và nếu không xảy ra chuyện gì bất thường, thì cũng còn khối nơi gọi bán, như ở dốc Hàng kèn, có hai biệt thự của Pháp-kiều, chỉ độ hai chục vạn mà thôi, tội gì bỏ ra triệu-hai ở Hàng Đào ? Bà có buôn bán đâu mà cần ở đó ? Ông là công chức, đi các tỉnh vài năm rồi được dời về Hà-Nội, kiếm nôi chút vốn, chỉ mong tậu ngôi nhà đủ tiện nghi.

Hai vợ chồng bàn cãi mãi chưa đi tới thỏa hiệp, bèn dẫn nhau xuống Ô chợ Dừa hỏi thầy bói loa đề nhờ thầy soi sáng.

— Quê tốt lắm. Phòng-lôi-hỏa biến thành Xuân-vũ-thủy, nhà Hàng Đào gần mạch nước hồ Gươm, tuổi Hợi hợp Thủy. Còn tin đồn thì như sấm, sấm tan ngay mà, cứ tậu.

Vậy thì tậu. Giấy tờ xong xuôi, gia-đình ông Xuân tới nhận nhà, dọn dẹp, sửa chữa... Ông bận rộn vài tuần nên không để ý đến việc khác.

Rồi mọi sự quanh ông biến chuyển dồn dập. Quốc Trưởng bỏ đi Pháp, nói là đi thúc giục Pháp trả hết chủ-quyền! Hội nghị Genève sắp nhóm họp để bàn về sự đình chiến tại VN; Pháp định rút khỏi miền Bắc, chỉ giữ lại từ Thanh-Hoá hay Nha-Trang trở vào mà thôi..

Bà con bạn bè hỏi nhau mà không ai trả lời được dứt khoát: chạy đâu? Họ về thì làm sao bây giờ; hay là cứ vô Sài-gòn rồi liệu sau...

Nhiều người hoang mang như hồi cuối 1946, khi chánh-quyền VM buộc rời thủ-đô để chuẩn bị kháng chiến: Ở lại, thì lo bị trừng trị, báo thù, ra đi là chấp nhận một cuộc phiêu lưu, và đảng nào cũng sẽ bị phá sản.

Khổ nhất là ông Ba Xuân, vì ông còn bị bà đay nghiến: Đã thấy chưa? nó khôn nên trút nhà cho mình, lấy của rồi mang vợ con chuồn trước, còn mình bây giờ với hai bàn tay trắng, nếu phải chạy thì lấy gì giắt lưng?

— Bà trách gì tôi, bà nghe thầy bói mới thuận mua nhà, chẳng qua là số đến ngày xui thì ma dẫn lối thầy bói đưa đường, thôi thì mặc kệ chúng, tôi cứ ỉ ra đây, đứn nào có giỏi cứ về mà cắt cổ tôi!

Cờ ông bị cắt chắc cũng không sao, nhưng đầu bà còn xanh, và tội nghiệp nhất là đàn con thơ dại. Bà bèn hớt hải đi thăm bạn bè, và cậy rao bán rẻ nhà, lấy có là ông lại phải thuyên chuyển đi tỉnh làm việc. Bị lừa, bà không ngần ngại nói dối kẻ khác.

Nhưng kẻ khác cũng không đến nỗi khờ như bà tưởng. Họ nhượng đồ đạc, bán vội các lô hàng còn trữ, đòi nốt những món tiền cho vay, khát lần những số nợ chưa trả, gả chồng cấp-tốc cho con gái, niềm-nở mời bà con nghèo trong họ tới ở chung để rồi trông nom hộ ngôi nhà không kịp bán... Hà-Nội xôn xao như tổ ong vỡ.

Trong khi đó, tin bi-quan mỗi ngày lan tràn như nước lụt. Nhiều đồn Điện-Biên-Phủ bị thất thủ. Pháp cầu cứu những đồng-minh cũ. Tại Hội-Nghị Genève, phe Cộng sản lớn tiếng yêu sách, và Pháp đã nhượng bộ khá nhiều. Việc xẻ đôi đất nước có thể thành sự thật.

Rồi Điện-Biên-Phủ mất hẳn. Quân đội Liên - Hiệp - Pháp rục - rịch rút khỏi nhiều thị-trấn miền duyên-hải, viện cơ tập trung lực-lượng và phòng vệ các địa-điểm then chốt. Nhưng mọi giải thích đều thừa... trụ-sở Hàng-Không V.N. tại đường Gia-Long suốt ngày đông đặc những lớp người chen chúc lấy vé đưa gia đình vô Sài-gòn.

— Vô đó mà yên à? Đã đi thì đi hẳn cho rồi!

Đó là ý kiến của ông Thân, một thân hào đã biến ra chủ-tịch Ủy Ban Hành Kháng hồi 1946-47, về thành nhà buôn tạp-hóa Âu từ 1950. Ông tin như trên, sau khi thăm dò vài bạn Pháp-kiều của ông. Họ khuyên ông nên di - cư sang cựu mẫu-quốc.

Ông bèn đem gia đình vô Sài-gòn rồi từ đó cùng vợ con đáp tàu thủy qua Marseille. Vài bạn cũ, công-chức và thương-gia, cũng ngờ ý muốn theo chân ông, nhưng phản nản rằng chẳng có phương-tiện.

— Hẳn chịu khó lắm, sửa soạn lâu rồi. Chơi thân với nhiều Pháp, nhờ họ giúp đỡ, chuyên ngân được vốn liếng, nghe nói có sẵn cơ-sở làm ăn ở Paris, tiệm giặt tiệm phở chi đó...

Chẳng sẵn cơ sở, thì cũng cứ đi : với văn-bằng kỹ-sư, đi đâu chẳng sinh nhai được? Nên ông Tiến rời bỏ Hà-Nội. Trước khi lên đường sang Ba-Lê, ông cho biết : Về nước từ 1949, tưởng rằng có dịp phục vụ, nay lại phải xa anh em, nghĩ cũng buồn, nhưng có ở lại cũng chẳng ai bảo vệ nôi hộ tự-do ; đừng ai tưởng ông thiết tha với Pháp, nhưng ông cần lánh đi một thời gian, ở nhà trong lúc tan rã cũng không ích gì, rồi ra mọi người sẽ hiểu ông là hạng người thế nào (Qui vivra, verra).

Những lời biện bạch của ông cũng giống như của một số người khác lần lượt rời xứ sở theo ông : trong giai-đoạn này, có ai đáng trách đâu, ai cũng có quyền mưu sinh, duy những lý-do mà người ta thường viện dẫn để giải - thích hành-động, ít khi là lý-do chính-yếu.

Ông Tiến vốn có nhiều thiện - chí, và đã có lần ông chống đối Pháp ngay trên đất Pháp. Nhưng bi đát và mỉa mai nhất, là ở bước đường cùng, ông lại phải tìm chốn nương thân giữa những kẻ mà ông đã chống.

Như thế, phải chăng Pháp đối với ông chỉ là kẻ thù số 3 hay số 5 mà thôi? Tôi là đồng-bào kiêm đồng-học của ông, mà không « bảo vệ nôi hộ tự-do » cho ông, khiến ông phải lưu vong, thì kể ra tôi cũng có phần khiếm khuyết? Khi chia tay, tôi không phản nản là phải, vì đâu phải chỉ có một mình ông? Từ ngày đó, còn bao người quen thuộc trong bao dịp khác, hết người này đến người kia bỏ tôi ở tại xứ nhà...

Một bạn nữa, ông Quế, đến từ biệt tôi và cắt nghĩa chuyến đi Tây bằng nỗi lo bị ngược-đãi, vì ông đã ly khai kháng-chiến về đây, và từ dạo trở lại vùng quốc-gia, đã gây khá nhiều thù oán do hoạt động chánh - trị, nên có vô Nam, chưa chắc ông đã được yên thân. Tôi cũng thông cảm với ông, và còn ngờ ý băn-khoăn rằng ông ra ngoài thì biết lấv gì đủ sống, với vợ cùng bốn con nhỏ?

Song bạn khác bảo tôi khỏi lo hộ, vì đã có Tây lo ; Ông Quế đi vì được người hân có thể lực ở Bộ Liên-quốc, xoay sở cho khoản bồi-thường chiến-tranh bằng vài triệu bạc, hàng chục triệu quan... Tây đi tảo-thanh năm 1952 đã đốt mất ngô

nhà sắp sụp đổ và bụi tre già ở đồn điền cỏ mọc do nhạc-phụ ông để lại cho vợ chồng ông. Bạn còn thở dài mà than rằng : nhà mình còn tốt mà Tây chẳng đốt cho để được đèn bời ? Biết đâu khoan bời-thường đáng kể như trên, chẳng là động lực đưa gia đình ông Quế lên máy bay Air France ? thì cứ nói thật đã sao ?

oOo

Thủ Tướng Bửu Lộc từ chức. Có tin ông Ngô-Đình-Diệm lên thay. Theo báo chí, Pháp và V.M. đã thỏa hiệp về nhiều điểm ở Genève. Đối với mọi người, sự chia đôi Việt-Nam chỉ còn là vấn đề ngày tháng.

Ô. Nguyễn hữu Trí, Thủ-Hiến Bắc-Việt, chép miệng và lắc đầu :

— Giữa lúc này, mà Quốc-Trưởng cứ ở Pháp, Thủ Tướng cũ ở Pháp, Thủ-tướng mới ở Pháp, nhà thì sắp cháy, dân chỉ lo chạy, về sự mất còn, ai gánh trách-nhiệm bây giờ !

Ông bèn gửi một mật-điện khá dài sang Quốc-trưởng, trình bày về tình hình nguy-khốn của đất Bắc khi quân-đội Viễn-chinh triệt-thoái hấp tấp. Ông xin quyết định về vấn đề giữ hay bỏ Bắc-Việt. Ở trường hợp cố thủ, xin Quốc - Trưởng về lãnh đạo trực-tiếp tại Hà-Nội. Nếu phải rút vô Nam, xin cho sửa soạn đưa cả phủ Thủ-hiến và cơ-quan thuộc quyền, cùng với dân-chúng vào Nha-Trang để lên thẳng Cao-Nguyên ; rồi nếu xét ra có thể hay cần đưa phần nào vô Nam-Việt, thì sẽ liệu sau, vì còn phải cân nhắc lợi hại về mọi phương-diện chánh-trị và sinh-hoạt. Đưa lên Di-Linh, Dalat, Ban-Mê-Thuột, Kontum v.v... thì miền Hoàng-Triều Cương-thổ mới đủ phương-tiện tổ-chức và đủ nhân-công khai - khẩn một địa-phương rộng lớn khả-di đền bù lại được sự mất đồng bằng Bắc-Việt.

Song nếu vội đưa ngay vô Nam-Việt theo đề nghị của một số người, thì e rằng khó tránh nhiều sự đáng tiếc, như sự đụng chạm với đồng bào địa phương khi dư luận chưa được chuẩn-bị. Sinh nhai ở miền Nam tương-đối dễ dàng, thì rồi ra ít người chịu lên lập nghiệp ở Cao Nguyên. Trái lại, đương lúc chỉ cần xa nơi nguy hiểm, thì muốn đưa đi đâu, dân cũng đi hèn. Công chức sẽ được tạm thời thuyên chuyển lên các tỉnh Cao-nguyên, rồi các Bộ nào cần sẽ gọi dần về, còn nếu quy tụ ở Sài-gòn cả, thì rồi ra khó lòng điều động đi Darlac hay Kontum.

Điện-văn này chỉ được trả lời vắn tắt : Tân thủ-tướng sẽ quyết định tại chỗ.

Cách đó ít lâu, ông Ngô-Đình-Diệm ra Hà-Nội và được tiếp đón trọng-thề. Nhiều người đã nghe nói nhiều về ông, tò mò kéo đến chờ xem mặt tại vườn hoa Con Cóc trước cửa phủ Thủ-Hiến. Nhiều giới đợi ông tuyên bố, xem có biện-pháp gì cứu vãn thời cuộc.

Song ông ra vội-vàng, tiếp xúc với rất ít người, nghe ông Thủ-Hiến trình về mọi sự biến-chuyển, rồi lặng lẽ trở về Sài-gòn.

Được hỏi về kế-hoạch chương-trình của Thủ-tướng mới, ông Nguyễn-Hữu-Trí giơ hai tay lên trời :

— Chương-trình kế-hoạch gì ? Ông ấy bảo sẽ có quyết định sau về số-phận Bắc-Việt.

— Nhưng đã có nhiều cuộc thảo luận dài với ông Thủ-Hiến ? Dự luận nóng sốt chờ xem phải rút hay ở lại...

— Ông ấy ít nói lắm, chỉ ngồi yên rồi thủng-thẳng trả lời : Đề coi.

— Chắc thấy việc khó quá, còn phải bàn tính kỹ; nghe nói ông ấy là người trầm-ngộ lắm...

— Hay là không có ý-kiến chi cả thì đúng hơn.

Ông Trí vừa nói vừa nhăn đuôi mắt, cười ranh-mãnh :

— Dân mình chỉ hay tưởng tượng và đồn đại...

Đồn đại, thì khá nhiều : Thủ-tướng bụng phệ nhưng đi rất nhanh, 53 mà tóc còn đen lánh, và ăn rất khỏe, mỗi bữa 5 bát cơm cộng 3 bát cháo hoa . . . thế mà không lấy vợ thì cũng kỳ thật !

Đó chỉ là vài lời bàn-tán giữa khi tình-thế ngửa nghiêng. Và ít ai biết gì hơn về người được cử ra cầm vận-mệnh chung . . .

oOo

Đột-nhiên được lệnh triệu vào giúp việc tại phủ Thủ-Tướng Sai-gòn, ngày 8-7, tôi trình điện-văn lãnh ý ông Thủ-Hiến.

Ông Trí trầm ngâm giây lát, rồi bảo:

— Thôi, ông nên đi. Chắc ông cũng rõ, Bắc-Việt chẳng còn bao lâu sẽ mất. Tôi cũng sắp rời khỏi ghế này.

— Ông Ngô-Đình-Diệm là người thế nào?

— Khó nói lắm. Khó hiểu lắm. Từ lâu người ta đồn rằng ông ấy có đức-độ cao, thanh-liêm cương-trực, vì thẳng tính mà bị Pháp cho về hồi 1932. Song đối với tôi, cả thành tích của ông ấy chỉ có sự triệt-hồi đó mà thôi. Còn như con người ông ấy thì kín quá, như lặn cả vào trong, có lẽ thâm lắm.

Rồi ông Trí cười :

— Ở xứ mình, hãy biết là chưa mắc tiếng xấu gì, thế đã là nhiều. Còn thì biết chọn ai ? Và chẳng, ông là công-chức . . .

Thấy tôi nghi ngại, và chắc tôi có lộ vẻ gì lúc đó, ông Trí thở dài :

— Nào ruột lắm, ông thấy không ? Từ 1948 đến nay, chúng ta ngày đêm nhức đầu óc với việc quê-hương. Bao nhiêu khó-khăn, rồi tồ-chức, cải-tồ, thúc đẩy phá đi làm lại, một kẻ làm ba kẻ chơi, năm kẻ gây hại, thiên hạ vẫn trách-móc và bôi nhọ, cố gắng rồi cũng đã-tràng xe cát. Bao nhiêu lần tôi đã trình Ngài, chỉ có

Ngài đích-thân xông pha mới lôi cuốn được dân, nhưng Ngài cứ làm thịnh. Thú thật là tôi cũng không hiểu nổi Ngài, tuy hay được gần gũi. Tôi chẳng lay động được Ngài, mà nay chết đuối lại vô phải...

— Ông Diệm được toàn-quyền hành động. Quốc-Trưởng như vậy trút hết trách-nhiệm, và nếu cần can thiệp thì sao ?

— Ông Diệm khác ông Hữu. Ông Hữu muốn có toàn-quyền, Ngài không cho. Ngài đã chỉ cho tự-do quyết định về các biện-pháp an-ninh và trong hạn 6 tháng một. Còn ông Diệm là người Đạo gốc, lại mấy đời thờ nhà Nguyễn, chắc chắn là tôn-quân, bảo-hoàng, và hết lòng với Ngài. Tài-cán của ông Diệm thì tôi cũng như ông, chưa ai rõ. Nhưng trung-thành với Ngài, thì tôi có thể tin.

— Ông ấy đối với ông Thủ-Hiến ra sao ?

— Cũng lại khó biết. Đối với ai, ông ấy cũng lạnh như tiền. Duy tôi cảm thấy giữa ông ấy và tôi, có sự dị biệt quá nhiều, khó lòng cộng-tác. Ông ấy như một nhà tu hành, vốn xa đời, lúc nào cũng như nghĩ đến cái gì cao vời... Còn tôi, thì như ông vẫn biết, hai với hai là bốn, đối với mọi việc phải có phản-ứng tức-khắc. Tôi còn nhận rằng nhiều người thân cận của ông ấy không ưa tôi, có người trách tôi thiên về đảng phái và lại đặt cho tôi một câu hỏi như của ông Trần văn Hữu, ông Nguyễn văn Tâm : có phải hễ không thuộc đảng Đại-Việt, thì không được giữ chức vụ gì quan-trọng ở Bắc-Việt ? Tôi nói xin miễn trả lời, vì không đáng trả lời, cứ đến hỏi từng người cao cấp ở quanh tôi. Sẵn thành kiến như vậy, thì sao khỏi lệch lạc ? Lại có ông chê là chánh-quyền ở Bắc bị mắc tiếng là nhiều thói nát. Tôi có cho biết gặp làm bậy thì trừ ngay, cố sắp đặt để tránh làm bậy, chỉ biết thế thôi, còn nếu ai mách được cái gì hơn thì cứ cho biết, ai làm được hơn thì ra mà làm. Nhảy ra cầm quyền, đừng ai vội chê ai trước, để rồi xem. Rồi tôi ngỏ ý từ-chức luôn.

— Sự chia đôi Việt-Nam liệu có chắc không ? Ở Cao-Ly, việc nghị-hòa tại Bàn-Môn Điểm kéo dài một năm. Làm sao hội-nghị Genève có thể kết liễu vào cuối tháng này ?

— Bên cạnh những giảng co ầm ĩ bề ngoài, bao giờ chẳng có những sự mặc cả ngầm mà ta không thấy đó thôi. Chính cuộc điều đình trong bóng mới quan trọng. Theo chỗ tôi biết, mình bị cắt đứt rồi, chỉ còn điềm chưa chắc, là từ vi-tuyến nào mà thôi. Mà cũng không lâu như ở Cao-Ly, vì ở đây, thực ra chỉ có Pháp với Hồ, không có đến 16 quốc gia tham chiến như ở Cao-Ly. Pháp sốt ruột về tình hình Bắc Phi, Hồ tuy thắng ở Điện Biên Phủ nhưng cũng mệt mỏi rồi, hai bên đều muốn dừng tay.

— Nhưng về phía V.N, Quốc Trưởng phản đối, phái đoàn Việt phản đối...

— Thì cũng phải cố cho hết nước hết cái. Không ai có thể chấp nhận sự chia xẻ đất nước.

Ông Thủ Hiến im lặng vài giây, rồi lại cười nhạt :

— Nhưng vận mệnh mình đâu có do mình định đoạt ? Có khoẻ mới được nghe. Mà trong 6 năm qua, mình đã lỡ dịp tạo một sức mạnh. Pháp đè nặng quá

Quốc Trưởng xa lánh quá, mình chia rẽ quá, sự đoàn kết lúc nào cũng chỉ là một ước-vọng. Hạng muốn hưởng sâu thì nhiều, người cố gắng thì đếm đốt ngón tay... mọi sự ý vào sức Pháp, thúc cho tiến thì mang oán, ngăn làm bậy thì gây thù...

Ông chấp tay ra sau lưng, đi đi lại lại trong phòng, nét mặt chầy dài, mắt quầng thâm vì thiếu ngủ. Ông dừng chân nhìn tôi :

— Tôi già rồi, thấy mình già hẳn. Nhưng ông chưa già, còn phải chịu đựng và cố lên. Mình nhìn nhận một thực-tế bi đát. Song bi đát chưa phải là bi quan.

Biết tôi vốn hoài nghi, ông chứng tỏ liền :

— Đây nhé : ừ thì mình khờ vì sẽ phải bỏ nhà cửa, bỏ quê hương. Nhưng chia hẳn ra còn hơn là phải chung đụng. Chung thế nào được với họ ? Lập chánh-phủ Liên-Hiệp như hồi 1946 là chết mòn. Thà rằng riêng biệt ra thì còn chốn nương náu mà cái quá đề mong cứu vãn về sau này. Đã xong hẳn đâu mà lo ? Và nếu ông Ngô Đình Diệm biết rút kinh nghiệm từ những sự thất-bại của người ra trước, thì may ra cũng không đến nỗi nào...

oOo

Trước khi rời Hà-Nội, tôi chẳng có thời giờ đi cáo biệt bạn hữu, vì tôi cũng yên trí rằng chẳng bao lâu sẽ tái ngộ... Tôi chỉ dành buổi trưa cuối cùng cho những cảnh vật mà tôi không biết bao giờ thấy lại.

Khi chiến tranh sắp bùng nổ, tháng 12 năm 1946, tôi đã lang thang trên nhiều ngã đường, đề từ giã những hồ, những cây, những bờ rào, những dãy nhà sắp bị bỏ mặc cho khói và lửa. Đến tháng 10 năm 1948, tôi gần rời lệ khi trở về bờ sông Nhị, cầu Long Biên, chợ Đồng Xuân... Bây giờ, một lần nữa, tôi lại viếng, lại buồn, lại thấy những người đi sắm va-li chạy loạn, và lại có cảm-tưởng vô cùng chua-chát là mình không-thề-nào-làm-được-gì-cho-ai-cả.

Trên đê Cồ Ngựa, hoa soan còn đỏ như mặt trời sắp lặn, mặt trời như ánh lửa đương tàn. Nóc trường Bưởi của tôi kia, mới ngày nào tôi học tại đó, và nuôi tại đó những kỳ-vọng về tương-lai mộng mênh và trong sáng như nước Tây-hồ : rồi nay tôi dừng bước chỗ này, chỗ một kẻ thuộc lớp người vô-ích, thất-bại, bất-lực trước một định mệnh mà tôi không sao đoán được chiều hướng. Hình như sự học hỏi của tôi từ ngôi trường kia qua ngôi trường khác, không giúp cho tôi nắm vững cuộc sống, mà chỉ khiến tôi lênh đênh theo các giòng nước trôi xuôi...

Eao nhiều máu lửa đã tràn ngập những cánh đồng và những bụi tre mà tôi không còn được nhận là quê hương nữa, bởi vì tại đấy cảm hồn đã đốt cạn tình thương. Còn ở chốn cố-đô này, sức phá hoại của thời-cuộc đã lôi cuốn cho đổ vỡ mọi cố gắng hàn gắn và xây dựng cũng như mọi lỗi lầm, thêm khát, lục đục, và những quyền lợi riêng được đặt lên trên sự sống còn chung.

Tiếng chuông thu-không còn văng vẳng như ở những thời xa thẳm : nhưng hai chữ Trấn Quốc trước chùa còn nghĩa gì đâu ? Và ở đầu đê kia, ông Quan Thánh đồng đen sừng sừng ngàn cân, liệu còn cố vị mãi không ? Còn thay đổi và sẽ thay đổi hết.

xOx

Sáng hôm 11-7, lúc 9 giờ rưỡi, từ chiếc phi cơ Hàng-Không Việt-Nam, tôi ngó lại lần chót những mái nhà Hà-Nội khuất dần như dĩ-vãng của ông cha và của chính tôi...

Trong tiếng máy âm ù, giữa những bóng hình phơ phất và những cảm-xúc hỗn mang, tôi nhìn lũ con thơ mà tôi mang theo : tôi chợt thấy là tôi đi tìm một quê hương cho chúng.

Ý nghĩ đó rạng tỏ dần như vùng mây man mác, và mọi nỗi u-uất của tôi hình như sắp tiêu tan. Bóng dứa Biên-Hòa đã lộ màu xanh mát. Tôi tự nhủ : không có quyền chán nản.

Vì chắc cuộc này chưa dứt. Chúng ta sẽ còn được một nửa đất nước, và một nửa cũng còn hơn con số không : còn rộng lớn hơn Bỉ, Hòa-Lan, Tân-Tây-Lan v.v... và những xứ này cũng đã thành những quốc-gia thịnh-vượng.

Xưa kia, Nam Bắc phân tranh ngót 200 năm ; Trịnh và Nguyễn đã chia đôi sơn hà ; Gia Long hợp về một mối, rồi Pháp lại chia ba ; đến 1949, hai chữ Thống-Nhất nằm trên giấy tờ Thỏa-ước Elysée, nhưng trong thực-tế, tổng số diện-tích do chánh-quyền quốc-gia kiểm soát và giữ được tương-đối an-ninh, không tới 1/5 lãnh-thổ. Về phương-diện tình-cảm, ta chịu chua xót vì phải lìa quê hương, nhưng về mặt sinh-tồn và tiến-hóa, triển-vọng vẫn còn.

Song cũng vẫn còn bao nhiêu vấn-đề chưa giải quyết, những con người đã trót xấu, nhiều thiện-chí chưa được tận dụng ; những vị phù-thủy chánh-trị, những hoài-bảo viên vông nhưng có ảnh-hưởng đến dư-luận, những cuộc khủng-hoảng lãnh-đạo, một chế-độ thiếu căn-bản pháp-lý dân-chủ, lập trường đối ngoại, sự đoàn-kết chưa từng được thực hiện, việc khai hoang và tìm sinh-kế cho hàng triệu người rời bỏ xóm làng, sự giành lại chủ-quyền kinh-tế, v.v...

Vẫn khó, khó lắm, đủ cho ngày tháng và đầu óc chật lèn. Cần tiền, cần trang-bị, cần tổ-chức, và nhất là cần người. Miền Nam ngày xưa có những Hiền-Vương và có những Đào-Duy-Từ : chẳng biết rồi đây ai làm nổi việc chung ?

Tôi thoáng nhớ câu nhận xét, chưa biết là đúng hay sai, của ông Thủ-Hiến Trí :

—.... Nghe đồn ông ấy có đức-độ cao.... bảo-hoàng, tôn-quân, trung thành với Ngài !....

Đ.T.

Kỳ tới : Quan-tân chế-độ (1954-1963)

Lá thư Ý-Quốc

Em Lê

Khởi thành phố Menton là bắt đầu vào biên giới Ý.

Đây là lần thứ nhất chị qua biên giới bằng đường bộ (mấy bận kia toàn đi xe hỏa hoặc máy bay không vui chi cả) Xe đậu trên cầu biên giới bốn dãy dài nối đuôi nhau, cảnh sát chặn lại thu hết thông hành mọi người vào trạm xét. Kiểm nhận thì không lâu song mất gần hai tiếng đồng hồ mới chạy mau được vì xe đông quá, chiếc nào cũng chạy như rùa bò cả mười mấy cây số ngàn.

Trưa đó ghé vào cửa hiệu bán tạp phẩm gần biên giới mua qua quít vài thứ rồi lên xe ngay. Ăn xong chẳng dám nghỉ ngơi chi, lại lên đường. Đến San-Rémo M. ngáp dài, đành xuống uống cà phê đề cho tỉnh mà lái.

Vào quãng bốn giờ chiều thì đến Sanova, M. đồ xăng xong là đi đến Varazze ngay. Varazze là một thành phố nhỏ của Ý quốc, nhưng cảnh sắc không kém Cannes hay Nice chút nào. Nếu em nhìn bưu thiếp và không nhìn những hàng chữ ghi chú em có thể lầm đó là một trong hai thành phố nổi tiếng của Pháp ; cũng những vườn hoa dọc theo bãi biển, cũng những cây dừa dọc theo các công viên, cũng hàng tá cờ đủ màu phất phới dưới nắng chói chang, chỉ khác một điều là người ở đây nom không thanh lịch bằng thôi.

M. đã nghiên cứu trước, Varazze nhỏ hơn các thị trấn khác nên nhất định có thể dễ tìm phòng và giá cả hẳn rẻ hơn.

Thật vậy, đó là nơi duy nhất trên đất Ý mà M. không phải nhờ đến văn phòng hướng dẫn khách Du lịch tìm chỗ trọ. Khách sạn ở cheo leo trên đồi, giá có hơi rẻ hơn ở Pháp.

Mang hành lý vào khách sạn xong, thì hơn sáu giờ chiều. Ý có nhiều phòng trọ tính luôn tiền ăn sáng trong giá biểu nên dù du khách không ăn cũng phải trả tiền, họ lại còn có thể cho ăn trong ngày nữa, nếu mình không muốn ăn ngoài. M. mệt nhoài nên hai chị em ăn tối tại đó, không kéo chân ra ngoài tìm kiếm như mấy hôm nay.

Món đầu tiên là món cháo loãng, đổ trong chiếc đĩa bàn sâu thay xúp, nhạt nhẽo y như cháo trắng mà lại váng màng mỡ bên trên thật khó ăn, nhưng chẳng dám chê. Món thứ hai là mì sợi rắc lên ít fromage và món cuối cùng là món quái quỷ chi đó, song chị chỉ ăn được bánh mì. Có rượu chát nữa. Hầu hết các thực khách, sau bữa ăn đều đứng lên cùng với chai rượu hay chai nước suối còn lại của mình, mang vào phòng cất, nên M. cũng làm một cách rất tự nhiên.

Xong bữa ăn, hai chị em xuống phố. Người đầu từ các hẻm hóc tuôn ra như suối trên các lễ đường. Họ chuyện trò inh ỏi y như dân chúng Marseille. Dạo mỗi cả chân, càng về khuya càng đông người trên các phố, những cửa hàng bày vô số giày tây mũi nhọn, da láng bóng rất tinh vi. M. nói cho chị biết rằng dân Âu-Châu ưa nhân dịp sang Ý nghỉ hè, du lịch mà mua sắm áo quần, giày dép (của đàn ông) vì nước Ý nổi tiếng về các thứ đó, vừa rẻ, vừa đẹp lại vừa bền.

Lên dốc xuống dốc thế nào, hai chị em lạc mất đường về, phải hỏi đi, hỏi lại đến ba bận mới tìm ra chỗ trọ.

Sáng hôm sau, ăn tại khách sạn rồi tám giờ hơn lại đi. Vẫn cứ dọc theo bờ biển cho đến Genova (Gênes) thì bắt đầu vào xa lộ đi Milan. Xa lộ bên Ý thật đặc biệt. Thế mà ban đầu không hiểu vì thấy trên xa lộ chỉ chia làm ba lối, chị lại chê thắm là thua xứ mình. Đã vậy M. luôn luôn lái xe chồm lên lằn giữa làm chị lo ngay ngáy mà không dám nói ra. Sau mới hiểu ra rằng đó chỉ là lối đi thôi, chiều ngược lại là đường khác, cách biệt hẳn chiều đi, có khi mình trên chiều này thấy chiều ngược lại thấp thoáng đằng phía tay trái, cách độ non trăm thước, có khi không thấy đâu, rồi đôi lúc chụm lại cùng một đường. Những đoạn chụm lại như thế thì chia rõ ba lần qua, ba lần lại, chính giữa luôn luôn được ngăn bằng một thanh sắt hay một hàng cây thẳng tắp.

Luôn luôn trên xa lộ được phu chăm sóc sửa chữa, những người này mặc một thứ sắc phục màu lông trứng đẻ các xe dễ nhìn thấy, hầu tránh gây tai nạn, bóng dáng họ nổi bật trên lễ đường, chói lòa trong nắng sớm, vui cả mắt!

Đi trên xa lộ Ý, các xe phải nộp thuế khá nặng, nên suốt cuộc hành trình hề có thể là M. qua đường nhỏ cho đỡ tốn. Lê xem, chị và M. rất hợp nhau về đức tiết kiệm, phải không nào?

Sắp đến Milan thì trời đổ mưa, những ngọn đèn trong các đường hầm sáng như ban ngày, đường hầm cũng rộng đến độ xe chạy hàng tư thông thả, chính giữa một dãy đèn điện gắn vào những lằn mức, chưa bao giờ chị thấy những con đường đặc biệt thế.

Mưa liên tiếp không ngừng cho đến khi M. lái xe vào trung tâm thành phố Milan. Milan to lớn ngoài sức tưởng tượng của chị: trong Galerie Victor Emmanuel ngẩng nhìn lên ta ngộp đi vì chiều cao của nó và chị có cảm tưởng hàng ngàn người đi lại trong đó vẫn không đụng nhau.

Mấy bác cảnh sát thư thả dạo qua, dạo lại, bị những hàng cột cự đại ngoài hiên nuốt mất, anh nào cũng trắng lôm lốp, cũng tỏ ra rất lịch thiệp sẵn sàng giúp đỡ cho du khách từ phương xa đến, nhưng đang lúc cắt nghĩa nọ kia cho M. mà thoáng thấy một bóng hồng, lập tức một bác rút lui và ông thứ hai noi gương bạn đuổi theo cô gái, làm M. tức giận chưởi vang lên.

Trưa đó, hai chị em tha thẩn đi Métro chơi, Métro ở Milan vừa sang, vừa lớn, lại đẹp hơn Métro Pháp bội phần, (còn Anh thì đành đứng chót) Chị nghĩ rằng chỉ có Métro ở Lausanne không kém, nhưng Métro tại Lausanne không phải mục đích giao thông mà y như là một món trang hoàng cho thành phố—vì chỉ có một đoạn từ đầu phố đến cuối phố thôi — Tại Milan đường lên, lối xuống Métro đều có thang máy cuốn y như trong ciné Rex, bóng lộn, sáng ngời. Trên mỗi miệng hầm viền bằng những thanh sắt tròn, sơn đỏ chói và hai chữ M M. (Métro-Milan) ngay tầm mắt nên ta không khờ sờ như bên Anh khi tìm, đi lại còn dễ dàng hơn cả Pháp. Đường hầm rộng thênh, bóng ngời, đi ra không đứt.

Đi Métro chán, hai chị em lại dạo trong Galerie V. Emmanuel, đang định tìm bánh mì thì chị liếc thấy hàng chữ « Self-Service » bằng điện ngời lên rực sáng ở tầng hai. Hai chị em mừng quá, vội vã lên đó ngay.

Self Service ở Milan không thua chi ở Lausanne, ngon, nóng, mà lại còn được thêm cái rẻ hơn nữa kia, Lê ạ.

Nhân viên ở đây lễ phép, lịch sự chẳng kém chi ở Lausanne. Một anh bồi bàn đang thu dọn các bàn trống, thấy khách không biết ăn dưa hấu vội vàng đẩy xe chén bát lại gần, chỉ cách cho. Thu ngân viên tươi cười cảm ơn thực khách, còn chúc mình ăn ngon và khi mình đi ra lại ngẩng lên lần nữa chúc mình du lịch vui vẻ và « đừng quên trở lại » !

Ra khỏi self service hai chị em tha thẩn dọc hành lang, thỉnh thoảng nghe tiếng gọi và quay lại thì một bà già hỏi mình từ đâu đến. Bà ta kêu lên :

— Chúa ơi ! làm sao mà xứ anh đánh nhau không chán vậy ?

Và bà ta còn hỏi nhiều câu về nội chiến xứ mình làm M. không biết làm sao trả lời cho suông. M. cầu nhau « Bà này rõ lần thần, bà làm y như mọi người VN. đều biết chuyện chiến tranh xứ mình và trách nhiệm về chuyện đó vậy » Nhưng cầu nhau thì cầu nhau vẫn phải làm mặt vui vẻ hầu chuyện bà ta non mất nửa giờ. Sau lần đó, M. nhất định rằng : lần này có ai hỏi, hai chị em đừng nhận là người VN cho khỏe.

Thật vậy, đi đến đâu cũng « được hỏi han » làm M. cáu lên. Và người nào cũng như có ý trách mình, làm sao M. không tức được ?

Đến Milan, thăm qua vài công trường đồ sộ, nhìn những dãy hành lang cao vợi, những hàng cột vĩ đại, chị thấy ngán rồi. Nhà thờ thì thấy có cáo thị cấm những người ăn mặc lôi thôi, đàn bà mặc áo cụt tay không được vào.

Đi từ phố này sang phố kia xa vắng, phần thì mưa, phần sợ Lutz đợi nên lại lên xe. M. tính với chị là nên đến Lecco ở lại đêm, vì Lecco nhỏ, hẳn cũng dễ tìm chỗ trọ. Nhân thể dạo quanh đó và xem hồ Como, (Pháp gọi là Côme) hồ này dài, dọc theo ven bờ rất nhiều chỗ cắm trại, câu cá, bơi thuyền, săn bắn, chơi các trò thể thao, cảnh khá đẹp.

Thành phố Lecco dọc theo một cái bến (sông hay hồ chi đó chị không rõ lắm) bến tựa tựa như bờ sông Hàn ở Đà Nẵng của mình nhưng đẹp hơn, nước trong vắt, hàng ngàn du khách lũ lượt trên bờ, câu cá trên bến, bơi lội, đua thuyền máy trên nước.

Đồ kỷ niệm ở đây đầy ngập, món nào cũng rẻ, cũng xinh. Tại đây, chị và M. mua bánh mì, nho tươi, fromage, một ít thức ăn nguội rồi chui vào xe ăn, đoạn ra vòi nước máy vắn vào chai, uống, bởi Lecco không có self-service như Milan.

Hôm sau đi Brescia, đến xem lâu đài Sirmione. Lâu đài này nước vây gần hết ba mặt, là một thắng cảnh, người xem đông đến nỗi không có chỗ chen vào đậu xe, dù rằng mỗi chỗ đậu đều phải trả tiền. Muốn vào trong lại phải mở túi tiền, đó là một điều cả chị lẫn M. đều không mấy ai vui lòng nên sau khi bàn qua, tính lại hai chị em lui ra, ngắm nghĩa bên ngoài một lát rồi lên xe.

oOo

Hồ Garda lớn hơn hồ Côme và ở vào một vị trí đẹp nhất vùng này. Cảnh sắc đôi chỗ na ná như đường xuyên Việt của ta quãng Đèo Cả : bên núi cheo leo, bên nước hồ sâu thăm thẳm, xanh rờn và trong vắt, những đường hầm dài, nhìn thông thong từ đầu đến cuối, lạnh rọi và sáng rõ bên trong, những hàng cây cùng giống với loài thông nhưng cành lá tùm lại, suông óng, thẳng tắp, lên đến ngọn [thì nhọn hoắt, sừng sừng như muốn chọc thủng tầng mây, mọc rải rác dọc đường càng làm cho cảnh trí thêm đặc biệt.

Thỉnh thoảng vài chiếc tàu chở du khách nhả khói dọc theo hồ; lướt ngang tầm mắt, động cơ ròn rã lướt sóng, làm nổi lên lớp bọt trắng xóa lấp lánh dưới nắng ấm ban mai, nếu không có lá cờ Ý phất phới trên tàu người ta có thể lầm là mình đang trên đường sang Thụy-sĩ vì hồ đôi chỗ chẳng khác hồ Léman, chỉ thiếu đàn thiên nga rập rờn trên sóng mà thôi.

Cảnh đẹp làm chị mãi mê quên cả ngày giờ, nhưng M. thì không dềnh dàng chi, cứ giữ tốc lực 130 cây số giờ làm chị hơi lo, nhưng được cái xa lộ rộng thênh, thẳng tắp, xe M. là loại xe thể thao, thấp, vững nên chạy nhanh mà không làm mình sợ (ở Sài gòn anh chạy 50 trên xa lộ là chị tưởng như cái xe lao lên vậy)

Năm giờ chiều hôm đó đến Vérone.

— Đề coi, coi tỉnh lớn có gặp mấy bà chủ trọ ăn gian tiền phòng như mấy tỉnh nhỏ không.

M. bảo chị. Nguyên thế này : từ Varazze cho đến tận đây, luôn luôn khách sạn nào trên đường đến Vérone cũng ăn chẹn thêm vài trăm livre ngoài số tiền đã ghi rõ trên giấy tờ, mà luôn luôn M. hỏi thì không bao giờ được trả lời dứt khoát, bà chủ trọ ở Varazze thì nói, nói, nói cả giấy dài ; vừa nói, vừa vuốt ve trên vai M. làm cho M. không đủ can đảm hạch hỏi thêm trước sự thân mật quá trớn của bà ta, đành hậm hực ra xe và chỉ khi nổ xe rồi mới phàn nàn với chị mà thôi.

Các khách sạn Ý quốc còn thêm vào trong những giấy tờ quảng-cáo — những giấy in hình màu rất đẹp — một câu rất là hấp dẫn : « Ở đây sự tiếp đãi và ăn uống rất... gia đình » nên mỗi lần ầm ỨC vì mất tiền phi lý, M. lại không ngọt ngào rửa hai tiếng « gia đình » vô tội.

Đôi lần M. đậu xe lại hỏi han cái gì đó, hay tìm khách sạn, mua thức ăn mà vô ý đồ ngay chỗ một cửa hàng là bị nhà hàng ra xua như xua ruồi; lập tức cậu ta trả đũa bằng những lời lẽ không chút lịch sự nào, làm chị đâm ngạc nhiên vì M. vốn hiền hòa, điềm tĩnh.

Và không phải chỉ cảnh sát mới ưa trêu gái, mà người bán báo; phu khuân vác tại các bến tàu, nhà ga, phu xe lộ, và nói chung tất cả đàn ông đều thế, lúc nào họ cũng sẵn sàng buông lời cợt nhả.

Tại Vérone, hai chị em lại phải đến văn phòng hướng dẫn du khách nhờ tìm giúp chỗ trọ. Có chỗ trọ và đậu xe xong lại thả bộ xuống phố, đường sá ở đây so với Pháp thật. chẳng mùi gì, mấy đại lộ rộng cho đến nỗi xe chạy hàng tám vẫn không đụng nhau. Ai cũng tha hồ đi lại thư thả, vào giờ tan sở đi nữa chắc cũng chẳng bị kẹt xe.

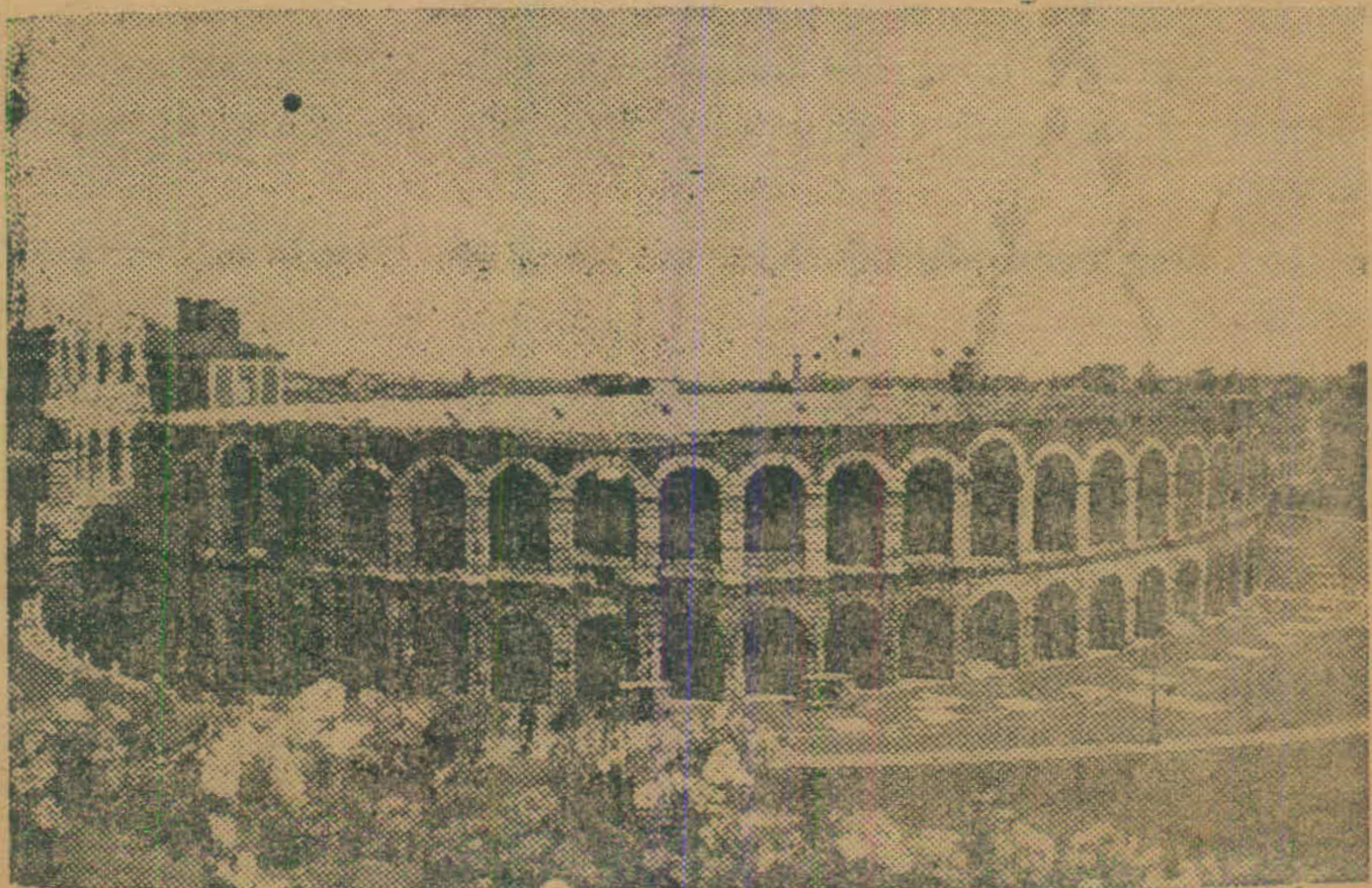
Cầu Victoire như một cách tay khổng lồ, vươn ra, choàng trên giòng nước trong vắt màu lục soi rõ mặt người, xe cộ đi lại trên cầu từ xa trông như những con bọ đủ màu đang di động trên một giải lụa màu gris phẳng phiu, trải rộng...

Từ ngày du lịch đến giờ chị chưa bao giờ dám táo gan bước vào một rạp ciné hay hí viện nào nhưng lần này M. nhất định khuyên chị nên liêu một chuyến: Xem trình diễn ở trong Arène tại Vérone cho biết.

Đề đủ tiền vào đó, lại mua bánh mì và nho lần nữa, chứ không dám cả chuyện tìm vào Self-Service như ở Milan.

Đó là một lối trình diễn rất đặc biệt của xứ Ý mỗi năm du khách khắp Âu Châu đổ xô đến thưởng thức và thế giới đều biết tiếng.

Họ không hát trong một rạp mà trình diễn trong Arène lộ thiên.



Arène
lộ
thiên
tại
Vérone

(Chắc Arène này ngày xưa vua chúa La Mã coi giác đấu) Arène này rộng lớn hơn Arène ở Arles, xây từ thế kỷ thứ nhất. Rộng đủ chỗ cho hai mươi hai nghìn khán giả (22.000) xây theo hình vòng tròn từ thấp lên cao dần bằng những bậc cấp đá trắng.

Đúng chín giờ tối trình diễn nhưng mới sáu giờ thiên hạ lục tục kéo đến chiếm chỗ tốt (vì chỗ ngồi không có số, trừ hạ sang dưới cùng thì ngồi vào những ghế bọc nhung xanh thẫm, đỏ chói, chẳng ai tranh mà vội). Khán giả có thể thuê những nệm nhỏ tại đó để lót ngồi và làm chỗ tựa lưng, nhưng chỉ thấy nhiều khán giả mang theo mình một gói bọc giấy-nệm ngồi đó — không chút ngưng nghỉ nào. Một số người mang theo cả ống nhòm vì xa sân khấu quá.

Mỗi năm họ chỉ trình diễn vào hạ tuần tháng bảy và chấm dứt vào trung tuần tháng tám (dương lịch, dĩ nhiên). Luôn luôn họ nghỉ ngày thứ hai.

Lịch trình diễn được phát trước tại các khách sạn lớn và văn phòng du lịch.

Vào dịp này, dân Verone nhộn nhạo lên như những ngày hội xứ ta, một số người kiếm được ít tiền dẫn túi trong các đêm hát : đó là phu khoán vác được thuê vào để thay «phông» sau mỗi màn, họ mang tượng, nhà cửa, dinh thự xếp lại sau mỗi màn, bày lớp mới ra. Quang cảnh trên sân khấu lớn đến nỗi khán giả có cảm tưởng như chứng kiến một việc thật chứ không phải là trên sân khấu.

Khung cảnh tại nơi này khi chưa hát y như một tờ ong vì đại bị bàn tay nghịch ngợm ném vào viên cuội : nhấp pha, nhấp nhòm, đi lại tới lui, rì rào, âm ý, tiếng cãi cọ đùa bỡn ong óng nhức cả màng tai. Song đặt biệt là khi tắt cả đèn đóm tắt ngấm hết, đoàn hát cất tiếng chào mừng khán giả là mọi người im phăng phắc, yên lặng cho đến nỗi mình nghe rõ hơi thở mạnh của người ngồi cạnh. Sau lời chào, lập tức hàng vạn vạn ngọn nến màu trắng, mỗi cái dài cỡ 7 phân tây, to bằng hai cái tăm, bọc trong giấy, mà mỗi khán giả được tặng lúc mua vé, được mỗi người tự động đốt lên, cùng một lúc hàng nghìn cây pháo bông cháy rực vẽ những vòng hoa ánh sáng trong bầu trời tối mịt, hợp với mấy vạn ngọn nến của khán giả làm cho khung cảnh thêm phần kỳ ảo ... rồi máy ảnh thì nhau bấm lóc lên nghe tanh tách.

Đợi cho những ngọn nến đốt chậm sau cùng đều cháy trọn, bảy giờ xuất hát mới bắt đầu.

Ban nhạc linh trăm người, họ xử dụng đủ thứ nhạc cụ. Diễn viên hầu hết đều có giọng của Mario-Lanza và thân hình nam nữ diễn viên nào càng tốt giọng thì nom họ càng đồ sộ, tuồng như mờ dự một phần quan trọng trong giọng hát. Trong lúc họ hát, không bao giờ có nhạc đệm theo. Nhạc chỉ đệm theo điệu bộ của diễn viên và trôi lên lúc sắp bắt đầu hay lúc cuối màn. Lối trình diễn na ná như hát bộ của ta, khi đánh nhau bị thương chí chết, diễn viên không chết liền đâu, họ gân cổ hát thêm mười lăm phút nữa và bị đuối gấp cũng vẫn nhàu nhả hát chứ không vội vàng chạy trốn bao giờ.

Trừ người Ý, chắc nhiều khán giả cũng gà mờ như chị, chỉ đoán chừng câu chuyện theo điệu bộ diễn viên.

Giọng hát họ thật đặc sắc. Không thấy máy khuếch âm đâu, ca sĩ đứng giữa Arène hát, giọng hát vút lên, lan ra, tỏa rộng khắp các hàng ghế đá đặc nghịt những người ngồi bất động. Ngang đầu lên, ta thấy hàng vạn các vì sao nhấp

nhánh như những hạt kim cương dính trên một tấm dạ sẫm màu ; càng về khuya, tiếng hát càng cao vút, càng như điệu luyện hơn, khung cảnh càng thêm phần diễm ảo.

Rồi, mỗi bên đèn bật sáng, lại ồn ào như chợ vỡ, một quang cảnh rất «Ỗ quốc» rất trái ngược lúc diễn tuồng, trong khi diễn viên lui vào hậu trường, hàng chục công nhân lẳng xẳng, hì hục khuôn vác, dẹp bỏ những cảnh của màn rồi vào một góc và bày biện cho màn tới.

Việc đó làm ngay trước con mắt khán giả chẳng cần che dấu (mà che dấu cách nào, khi họ không có màn để kéo lại như những đoàn hát thường khác).

Cùng lúc ấy các hàng kem dạo, kẹo, bánh nhộn lên, rao hàng ới ới, vừa rao bán vừa đùa cợt, người mua kẻ bán đều ra tuồng thông cảm nhau, giọng rao hàng thì kéo dài, trầm bổng như giọng hát. Cũng là một dịp cho đàn ông Ỗ trở tài, tha hồ các ông, các cậu liết mắt tổng tình, mở lời tán tỉnh làm các nữ du khách người Mỹ và miền Bắc Âu đều há miệng ra như muốn nuốt chửng lấy những lời phong nhã ấy. M. bấm chỉ một cái và chỉ cho chị thấy mấy anh lính Ỗ được một số nữ du khách bao quanh. Hình như có một anh chàng trặc tay hay té xe chi đó được các cô săn sóc cẩn thận, nhường cho chỗ ngồi, lắng tai nghe anh chàng tán vượn tán hựu làm các ông lạnh lặn nhìn cảnh đó bằng con mắt thèm thường ganh tị và như có ý muốn được búng tay như tên lính may mắn ấy. M cười, bảo chị :

— Mấy nhà cô này phải chi qua được Việt Nam thì tha hồ mà săn sóc thương binh.

15 phút trôi qua, đèn tắt lại, nhạc nổi lên, sự yên tĩnh lại bắt đầu. Thảm kịch tiếp tục : bà mẹ hấp hối trên giường bệnh (trên sân khấu), vài nữ du khách ngoại quốc thì thảo khe khẽ liền bị một khán giả người Ỗ quay sang, quắc mắt lên trừng cho một cái, lập tức liền im bật. Các đôi tình nhân chớp nhoáng có rất nhiều lời sắt son để nói với nhau nhưng nom khí sắc của các khán giả khác đành đưa mắt nhìn nhau rồi chỉ trỏ vầng trăng ra ý nhờ Hằng nga chứng chiếu lòng mình, song nàng Trăng như xấu hổ vì nổi vào khoảng đó mặt nàng không tròn đầy và nhan sắc kém thua người đẹp trên sân khấu nên lẩn biệt tăm, không thèm chường mặt.

Xuất hát kéo dài. Vì hai chị em hà tiện không dám thuê nệm, ngồi trên bậc đá cứng, mà tựa lưng vào thành đá lại càng thấy cứng, mỗi ê người.

Nhưng dù sao, khung cảnh đẹp, khoáng dãng lộ thiên, giọng hát hay và những điệu đặc biệt trong đêm đó cũng làm chị hài lòng, không tiếc số tiền lớn đã bỏ ra mua vé (dù là vé hạng chót cùng)

Đó là đêm cuối mùa trình diễn nên trước khi chấm dứt họ lên tiếng chào tạm biệt, lại cầu chúc khán giả hưởng một năm mới hạnh phúc và vui tươi (!) cùng hẹn tái ngộ vào năm sau vào hạ tuần tháng bảy ! (đêm nay là đêm 15-8-65)

Không ai chường mặt ra nói, chỉ nghe tiếng, và họ nói bằng bốn thứ tiếng Anh, Ý Pháp, Đức cũng như lúc sắp mở màn.

Có điều rất dễ chịu là khi ra mình khỏi phải chen lấn, còn lúc vào chị bị chen gần rách áo, chút xíu nữa là lạc mất M. khiếp thôi ! mà cửa vào đâu phải ít, dễ có chục lối vào kia đấy !

Khi hai chị em đứng lên thì đồng hồ tay chỉ đúng một giờ rưỡi, Mọi người tản mát dần, trăng cũng vừa lên, chênh chếch; lừng lơ héo úa soi thứ ánh sáng nhạt nhạt xuống sân khấu vắng người, những nệm ngồi của khán giả thê, vung bừa bãi khắp lối đi trống vắng.

oCo

Sáng 16, hai chị em lại thăm nhà cô Juliette ở đường Cappello. Nhà không lớn mấy nhưng du khách tấp nập vào, ra. Bên trong bày một ít họa phẩm, dây leo chằng chịt bám dày vào các bức tường xanh ngắt, khung cảnh có vẽ thâm nghiêm và u uất giống như mình thấy trong phim, không khác một chi tiết nhỏ. M. định đến thăm nhà mồ cô ấy, nhưng nhà mồ ở đường Luigida Porto hơi xa đó, nên thôi.

Hai chị em bèn lại xem tượng Dante ở công trường Đức Ông và dạo mua vài kỷ vật.

Vérone rất nhiều kỷ vật, tinh vi hơn cả những nơi chị đi qua, diêm còn đẹp hơn những hộp diêm chị sưu tập thời đi Nhật. Rất nhiều đồ sành như lọ hoa, bình nước, cốc, tách có in hình Arène màu lên đó, những dương cầm bằng kim loại hay những hộp đựng nữ trang chạm trổ khéo léo mà giá bán còn rẻ hơn cả bên Anh và Thụy sĩ. Búp bê từng đôi một : Juliette và Roméo đứng hàng hàng !

Bưu thiếp mua không thấy chán, luôn luôn chị bị M. phê bình : «Em xem ra chị tốn tiền cho thứ quái này còn hơn cả tiền ăn» bằng nụ cười nửa miệng,

Place aux herbes chẳng khác chi một cái chợ, nhưng là một cái chợ bán toàn hoa quả và những gian hàng là những chiếc dù vải trắng lớn căng liền nhau, đứng từ xa và cao trông lại y như những tai nấm khổng lồ thẳng hàng chen nhau dưới ánh sáng rực rỡ của mặt trời Vérone.

Ông lão bán dưa hầu thoãn thoắt bồ tư, bồ tám những quả dưa vỏ xanh ngắt ngắt có những sợi gân trắng nổi phồng lên, ruột đỏ thắm và hạt thì đen nhánh, làm M. đứng thềm rỏ dãi ra. Hai chị em tiến lại : có 50 livre mỗi miếng dưa như thế ngọt lịm và mát rượi, ăn không thấy ngán.

Trừ món dưa hầu ra, mua chi chị cũng mặc cả từng đồng, M. lấy làm phục chị ở chỗ chị tài tình như vậy. Ra người Ý với người mình gặp nhau ở điểm đó. Đôi khi chị giả vờ kêu đắt quay đi, tập tức được người bán chạy theo níu lại, gói liền cho «quí khách».

MINH - QUÂN

(Trích ở «Mắt Việt dưới trời Tây» sắp xuất bản)

| X | Ó | M | | T | R | E |

Tòng xốc lại chiếc bao tải trên vai, vừa đi vừa hát. Con đường đất thoang thoang ánh trắng. Hai bên đường những cụm tre mọc chi chít và ở cuối tầm mắt Tòng là khoảng trời trắng đục lớn dần. Từng vòn lá tre cong theo thân cây ngã nghiêng, xào xạc. Tiếng hát của Tòng bị đứt quãng trong lời than dài của côn trùng. Chiếc bao tải trên lưng Tòng cựa quậy chùng xuống. Hắn ngừng bước, xốc xốc thật mạnh chiếc bao. Con vật tụt xuống đáy bao. Chiếc bao tải phồng lên và dán sát vào lưng Tòng. Con vật rên khe khẽ, hít thở đều, nhịp nhàng. Tòng bỗng thấy gợn gợn khó chịu vì hơi nóng từ chiếc bao tải tỏa ra sau lưng hắn.

Tòng ngừng hát khi bắt đầu bước vào nghĩa địa hoang. Bốn bề im vắng, chỉ có tiếng lá tre xào xạc và tiếng côn trùng. Con đường nhiều hố, ngoằn ngoèo, men theo những nắm mồ ngang dọc vô lối. Bóng Tòng nhỏ lên thụt xuống. Sức nặng trên vai làm đầu Tòng hơi cúi xuống nhưng không mất vẻ hăng hái. Ánh trắng vắng vạc soi sáng khắp một vùng. Sương đêm lóng lánh trên cỏ hoang.

Trăng sáng làm Tòng nhớ đến con Nhàn. Một hai lần hắn đã gặp Nhàn ở nghĩa địa này. Hắn có nói vài lời tán tỉnh nhưng con Nhàn không nghe, bỏ chạy. Tòng khá bình tĩnh, chịu đòn rất dai, hai cánh tay hắn phản công rất nhanh và mạnh. Nhưng khi gặp con Nhàn thì tim hắn đập liên hồi và hai tay hắn thì dư thừa, lúng túng như lời nói. Tòng là lính kèn ở một trại lính kể bên xóm tre. Hắn thường xuyên đến xóm này, nhưng hắn chỉ chơi thân với lão Viêm, ba con Nhàn. Tòng biết lão Viêm rất thương hắn. Hôm nay hắn quyết định nói với lão Viêm là hắn muốn xin cưới con Nhàn.

Hắn đi vào xóm tre và ngừng lại trước một căn nhà vách ván. Bàn ghế bên trong đã dẹp lại một góc. Vài con chó nằm giữa những đồ vật bừa bãi khắp đây đó rên nèn xi măng xám. Một chiếc màn dăng thấp, dính màn bằng loại vải dày chùng xuống ở khoảng giữa. Trong ánh sáng mờ mờ từ nhà dưới vọng lên, chiếc màn cũ kỹ màu đen rung rinh. Tòng đứng nép vào khe cửa chăm chú nhìn vô nhà. Trong màn con Nhàn đang nằm ngủ với dáng điệu lơ mơ hờ hênh. Tim Tòng

bồng đập mạnh. Hấn quên đi sức nặng và cái cảm giác gòn gợn khó chịu vì hơi nóng của con vật ở sau lưng. Tòng đứng yên như thế khoảng chừng dăm phút rồi lên tiếng gọi :

— Bác Viêm ơi !

Có tiếng người đàn ông từ nhà trong vọng ra :

— Tòng hả chú ? vô đây.

Tay Tòng gồng lên túm lấy chiếc bao tải, buông thòng xuống đất rồi bước vô nhà. Dáng nằm hờ hênh của đứa con gái vẫn lơ mờ thu vào mắt Tòng, tới khi hấn bước vô nhà trong. Tòng vất chiếc bao tải xuống đất :

— Mới này khá lắm bác à. Chó nhà ông Đại Úy chỉ đớp thịt bò tái. Bác gái đi đâu bác ?

Lão Viêm đang cầm chày đập vào đầu con chó đen mắc tòn ten ở một gốc tre. Đầu con chó chúc xuống nhưng chưa tới đất, miệng nó phì phò thở, nhớt rãi nhễ nhãi chảy xuống. Lão Viêm chỉ thoáng nhìn qua Tòng rồi lại cầm chày đập vào đầu chó. Lão liếc nhìn mái tóc Tòng rồi nói :

— Ê sao tao nghe nói chú bị cạo trọc đầu ?

— Bị hôm đánh bài ở nhà lão Bé rồi ngủ quên không thời kèn đó bác. Nhưng mới dọa thôi chớ chưa cạo. Bác coi con cây tơ này được không ? Chỉ toàn ăn thịt bò.

Nói xong, Tòng cầm chiếc bao tải xốc mạnh. Con chó rơi phịch xuống đất nằm còng queo.

Bốn chân và mõm chó bị buộc kỹ. Cặp mắt nó lơ đờ nhìn lên ngọn tre.

Lão Viêm liếc nhìn rồi lấy chân dận dận lên mình chó.

— Con này được. Không ghê ! Bao nhiêu chú ?

— Bao nhiêu cũng được mà bác. Bác thịt nó nội ngay đêm nay đi. Ông Đại Úy mà biết thì tôi dám ở tù lắm ạ.

Bếp của nhà lão Viêm là một khoảng lộ thiên khá rộng. Chung quanh là một bức vách ván thấp và vài cụm tre. Ánh sáng của ngọn điện làm ánh trắng mờ nhạt. Bên cạnh lão Viêm có nồi nước gần sôi và đồng rơm nhỏ.

Lão Viêm lại cầm chày đập vào đầu chó. Đến khi con chó lơ đờ ngất ngư lão mới xoay đầu con chó ngoẻo qua một bên. Lão nhờ một cụm lông đen ở cổ chó rồi cầm dao vạch một đường dài ở khoảng trắng trên cổ con vật. Lão luồn hai ngón tay theo đường mờ rồi móc sợi gân máu chó lòi ra ngoài. Lão lấy một cái đĩa lớn luồn vào giữa sợi gân máu và cổ chó để thay cho ngón tay. Lão Viêm rút tay ra rồi cầm dao cắt vào gân máu. Máu chó chảy thành vòi xuống chiếc chậu nhỏ. Lão Viêm lấy một nắm muối cho vào chậu rồi nhúng cả bàn tay vào chậu máu lắc đều. Máu

chó chảy vào bàn tay lão rồi gợn gợn nổi bọt. Minh con chó run lên bần bật. Đôi lúc nó rung mình cựa thật mạnh. Nước mắt nó chảy ra làm vài sợi lông ở dưới mắt nó bện vào nhau. Vòi máu nhỏ dần. Con chó ngắc ngoải, cặp mắt lơ lơ dần dần thu nhỏ lại.

Khuôn mặt lão Viêm lăm lẹ. Khi lão cúi xuống, vệt nhăn ở bên mép lão chảy dài ra. Mái tóc lão hớt ngắn lấm lấm tấm bạc. Lão cười trần, những bắp thịt có ngấn khá to nhưng đã nhăn và mềm. Thịnh thoảng lão liếc nhìn Tông và gật gù trả lời những câu của hắn. Tông lảng xảng quanh lão Viêm, giúp lão những việc vặt. Hắn âm-ương nói hết chuyện này chuyện khác không mục đích, nhưng cặp mắt hắn thỉnh thoảng vẫn theo dõi dáng nằm của con Nhàn. Cái ý định nói với Lão Viêm là xin cưới con Nhàn vẫn sôi nổi trong lòng hắn, nhưng mỗi lần cứ định lên tiếng nói là hắn lại chuyển sang chuyện tào lao. Tông quen thân với lão Viêm từ ngày lão bắt đầu mở tiệm bán thịt chó. Sự thân mật tăng dần theo số lượng chó mà hắn đã cung cấp cho lão Viêm với giá đặc biệt. Nhất là từ ngày Tư Đen đến quán lão Viêm nhậu đã rồi còn đòi tiền về xe thì vai trò của Tông càng nổi bật trong gia đình này. Khi lão Viêm bị Tư Đen đánh xiềng liềng thì Tông xuất hiện. Hắn đá một phát mà Tư Đen rụng đến 3 cái răng. Tuy thế mỗi lần Tông tỏ tình là con Nhàn bỏ chạy Tông biết là con Nhàn đã phải lòng cậu Ký chích dạo ở đầu ngõ. Tông đã đón đường đe dọa đập bể ống chích của cậu Ký. Cậu ta cứ thế sống thề chết là không có gì với Nhàn.

Lão Viêm lên tiếng :

— Ủa sao đêm nay chú không đi đánh xi hủ ? Hay hết tiền rồi ? đợi một lát tao đưa cho.

Tông lúng túng, cười gượng :

— Đánh bài hoài cũng chán bác Viêm à. Tôi tu rồi bác.

Một tay lão Viêm cầm con dao sáng loáng, tay kia xách ấm nước sôi, Lão dội dội nước sôi trên mình chó rồi nhanh nhẹn đưa dao lướt nhanh trên mình con vật. Lưỡi dao thẳng đứng đưa tới đâu, mình chó trắng hếu. Thịnh thoảng lưỡi dao nghiêng, loé sáng.

Lão Viêm lên tiếng làm khuôn mặt lão bớt vẻ lạnh lùng :

— Chú tu thiệt sao chú ? Lão bỗng hạ thấp giọng — Ừ mà phải, lo làm ăn đi chó bộ lêu bêu hoài sao ?

Lão Viêm dội nước sôi vào tai chó. Lão buông dao dùng cả bàn tay nắm vào tai chó xoắn mạnh, tuốt lông. Lão vun lông chó thành từng đống nhỏ rồi đắp lên những khoảng trắng trên mình con vật. Trong kẽ tay của lão còn loang lổ máu chó đỏ nhạt.

Lão nhìn Tông cười :

— Liệu chú có tu được không ? Hay lại năm bảy lần thề rồi năm bảy lần xuống núi như con vợ tao. Con mẹ thật chán. Mồm cứ soen soét nói là chữa đánh bài, nhưng cứ tối đến là lại đi tìm «ông cụ».

Vợ chính của lão Viêm chết khi con Nhàn mười tuổi, Lão Viêm lấy người vợ kế, đẻ thêm thằng Nhã. Thằng Nhã ghẻ cùng mình, nói ngọng, lưỡi dài thè lè ra ngoài miệng. Có người bảo vì lão Viêm giết nhiều chó nên thằng Nhã bị như vậy. Bác Viêm gái đã bắc ghế ở trước cửa nhà chửi suốt một ngày vì lời nói vu vơ ấy. Lão Viêm hơn vợ khoảng mười tuổi. Về đêm, bác Viêm gái dành nhiều thì giờ cho con bài hơn là cho chõng. Ít khi bác ta nói cho chõng biết mình bị thua. Bác ta thường phóng đại số tiền được bạc, Mỗi khi được bạc, bác ta lại mua thuốc bồi, rượu để đề ngâm rượu thuốc cho chõng.

Có tiếng trở mình của con Nhàn, Tòng liếc mắt nhìn lên nhà trên, Hăn lơ mơ thấy con Nhàn đang ôm chiếc gối dài, đầu ngả qua một bên, mái tóc tung rối chảy dài che khuất mặt nó. Một con chó lông đen trắng từ gầm giường con Nhàn, bước vào trong bếp rồi ngồi cạnh lão Viêm, Mắt nó nhìn lên ngọn tre, đuôi ve vầy, chân run nhè nhẹ, Lão Viêm lau tay vào bó rơm, vỗ vỗ vào đầu con vật rồi vuốt nhẹ xuống lưng, Lão Viêm nhìn Tòng.

— Chú thấy con Vện đẹp không ? Con cưng của tao đấy. Tao nuôi nó gần hai năm rồi. Chú thấy không, bao giờ tao nhậu cũng có nó, Mẹ ! Xin lỗi chú, nhiều khi chó còn có nghĩa hơn người Cái hôm Tư Đen «bắt địa» tao, con Vện này cũng đớp nó vài miếng.

Giọng nói của Lão Viêm bỗng trầm xuống :

— Cứ nghĩ tới Tư Đen là tao lại thương chú. Hồi còn trẻ, tao còn lêu bêu giang hồ hơn chú. Bây giờ già rồi chỉ còn được mỗi nước nhậu.

Tòng ngồi xuống bên lão Viêm, phụ với lão cầm rơm đốt lửa quanh con chó. Da chó trắng hếu thành màu nâu đen nhạt. Tòng sặc mũi vì mùi khói khét lẹt. Hăn liếc nhìn về phía con Nhàn nằm rồi nói :

— Bác Viêm à, tôi muốn lấy vợ ?

Lão Viêm ngạc nhiên :

— Há ! Chú mà cũng tính lấy vợ ! Ngộ dữ ta ! Lão Viêm cười lên thành tiếng.

Tòng bực mình vì tiếng cười của lão Viêm, nhưng hăn vẫn ôn tồn :

— Thiệt mà bác, tôi tính làm ăn đàng hoàng. Ở đời ai mà chẳng ham lấy vợ phải không bác ?

Lão Viêm nhìn Tòng thật lâu. Cử chỉ của Tòng bắt đầu lúng túng, Hăn ấp úng nói .

— Tôi, tôi muốn xin bác để lấy cô Nhàn.

Lão Viêm vút nắm rơm đang cháy dở xuống đất, chõng chọc nhìn Tòng :

— Há ! Chú muốn lấy con Nhàn hả ? Dỡn hay thiệt đó chú ?

— Tôi nói đùa, thì chó đẻ tôi. Tôi thương cô Nhàn từ lâu rồi.

Lão Viêm đứng dậy lấy khăn lau mặt, lau tay :

— Việc này coi bộ quan trọng lắm ta ! Tao phải có rượu vô mới tính được.

Lão lên nhà trên hì hục một lát rồi bước xuống mang theo chai rượu đế và hai cái ly :

Lão rót rượu vào ly, ực một hơi và nói sau một tiếng khà :

— Xưa nay tao rất thương chú như em tao. Tao đâu có ngờ chú thương con Nhân. Nhậ đi.

Lão Viêm chỉ vào ly rượu của Tòng.

— Nói thiệt với chú tao coi chú như một người bạn thân, ngày không gặp thì đêm tao nhớ. Nhậ đi.

Đợi Tòng uống hết ly rượu, lão Viêm rót rượu vào ly rồi nói :

— Tao không khó với chú làm chi !

Lão ngó ngay vào mặt Tòng thật lâu rồi gật gù tiếp lời :

— Chú thương con Nhân bao nhiêu thì tao thương chú bấy nhiêu — Lão uống một hớp rượu — Đối với ai thế nào tao không biết, nhưng với tao thì chú tốt. Mọi người khinh tao vì nghèo và làm nghề giết chó, nhưng chú thiệt thà thân thiện với tao. Nhậ đi chú ! Tao không kiêu cọ khách sáo chi. Chú muốn làm rề tao thì điều thứ nhất, chú phải nhậ cho thật kỹ. Đời tao bây giờ chẳng còn gì, tao muốn có bạn nhậ, chú nhậ được khá không ?

Tòng ực một hớp hết ly rượu :

— Dạ ! Tôi nhậ được mà bác.

Lão Viêm cười có vẻ khoái trá :

— Điều kiện thứ hai là chú phải bỏ uýnh lộn, cờ bạc. Tao ghét nhứt cờ bạc.

— Tôi xin hứa làm ăn đàng hoàng.

Lão Viêm suy nghĩ một lát rồi nói :

— Điều kiện thứ ba là chú phải phụ với tao khuyếch trương tiệm này cho lớn. Đó, chỉ có ba điều kiện đó thôi. Nếu chú chịu thì tao ô kê.

Tòng bần khoản :

— Nhưng cô Nhân không thương tôi mà thương thằng cha Ký.

— Thằng Ký nào ? Có phải thằng chả chích đạo không — Lão Viêm uống một hớp rượu — Ôi ! thằng chả chích dở ẹt, đau tét đít. Giọng lão Viêm hơi to :

— Yên trí đi. Nhà này tao làm vua. Tao chỉ thua vợ tao mỗi nước đánh bạc. Tao thương chú là con Nhân phải thương chú. Ngày mơi giỗ ông già tao, tao nói cho mẹ con nó hay luôn việc này. Nhậ đi ! À tối mai chú nhớ ghé tao nhậ nghe. Giỗ ông già tao đó chú.

Tòng uống một hớp rượu. Hắn liếc mắt về phía con Nhân, mỉm cười. Con Nhân vẫn trong dáng nằm cũ. Tóc nó vẫn rối tung chảy dài che khuất mặt nó, Tòng bồi hồi nghĩ đến lúc nó được gỡ mái tóc tung rối kia cho con Nhân. Tòng lại đụng với lão Viêm hết ly này đến ly khác. Trong cái chệnh choáng của men rượu, hắn nghĩ tới ngày giỗ ông già lão Viêm. Hắn chợt nhớ tới chai rượu số 7 mà người

bạn đã cho hẳn từ ngày tết. Nhưng Tòng biết lão Viêm không thích rượu tây nên hẳn định bụng sẽ mua vài xị để đồng thời hẳn cũng nhớ đến một tên em út và chuồng gà của bà Tám.

Hai người một già một trẻ vừa uống vừa tâm sự. Đến khi vầng trăng lên ngay đỉnh đầu thì lão Viêm lại làm việc. Tòng lảng xăng quanh lão Viêm. Hẳn chăm chú theo rồi lão Viêm và thỉnh thoảng lên tiếng gọi chuyện. Lão Viêm không còn lảm lì như trước. Lão vừa mồm chó vừa nói cười. Giọng lão nhừa nhựa. Thái độ của lão không mang vẻ thận trọng của một ông bố vợ tương lai trước mặt con rể. Tòng hớn hở tưởng tượng về tương lai giữa hẳn và con Nhàn. Nhưng đôi lúc hẳn cũng quên bẵng đi ý nghĩ này, khi lão Viêm kể một vài mẩu chuyện về đời sống giang hồ của lão trước kia.

Những ngọn tre ngả nghiêng vẽ bóng lá thoang thoảng trên khoảng sân. Ngọn điện mắc tòn ten ở cửa bếp chao đi chao lại vẽ bóng hai người tới lui di động trên nền đất. Lão Viêm lật ngửa con vật, lấy tay vẽ một vòng nhỏ trên bụng chó :

— Đây là miếng « năm », lúc vừa lửa thì ăn dòn sần sật, dùng để đánh tiết canh. Tối mai thế nào cũng có tiết canh và chả chó để đãi bà con lối xóm. Rảnh, chú ghé sớm phụ tôi nghe chú !

Có tiếng con Nhàn cựa mình. Nó xuống bếp, vừa đi vừa ngáp. Bầu không khí đang vui bỗng trầm xuống vì sự có mặt của con Nhàn. Dáng bơ phờ của con Nhàn làm Tòng xốn xang. Hẳn cúi xuống dán mắt vào bàn tay lão Viêm. Khi thấy Tòng, con Nhàn khựng lại một lát rồi vô chạn lấy nước. Khuôn mặt con Nhàn nhăn lại, khó chịu. Mũi nó hơi trề ra. Nó uống nước rồi hối hả lên giường nằm quay mặt vô tường.

Tòng đứng dậy vươn vai, bẻ tay kêu răng rắc. Hẳn giơ tay bứt lá tre ở ngang trên đầu rồi tung vào gió. Mắt hẳn nhìn quanh nhưng hẳn không dấu nổi bản khoăn trong lòng. Lão Viêm nói với hẳn thật nhỏ, nhưng hứa hẹn với hẳn thật nhiều về quyết định gả Nhàn cho hẳn. Khi ra về hẳn không quên nhắc lão Viêm phải « thật » ngay con chó mà hẳn vừa mang lại. Lão Viêm không giữ Tòng. Khi hẳn vừa dợm bước về thì lão Viêm nói :

— Bây giờ chú có ghé nhà lão Bé không ?

Tòng cương quyết :

— Tôi nhất định không đánh bài nữa mà.

— Vẫn biết thế nhưng nếu tiện chú cứ ghé qua xem con vợ tao ăn hay thua. Nếu ăn bộn thì chú nói đại là tao đang trúng gió.

Trong lòng lão Viêm chợt manh nha một quyết định, khi nào việc của Tòng và con Nhàn xong xuôi, lão sẽ cấm vợ lão không được lê la cờ bạc. Lão nhìn theo Tòng khi bóng hẳn khuất sau một cụm tre ở nghĩa địa. Lão bỗng thấy mình quan trọng.

Tòng thông thả bước qua nghĩa địa để trở về lối cũ. Hẳn thành thơi hân hoan. Niềm hy vọng tỏa ra trong ánh trăng dịu dàng, mênh mông. Tiếng hát của hẳn vun vút lên cao. Tòng rất mê ca vọng cổ. Mỗi lần nàng Út ca điệu « lý con sáo » là hẳn nghe nổi gai ốc ở cổ, ở vai. Hẳn có thói quen là đi đâu cũng xách theo một cái transistor nhỏ. Chiếc transistor ấy đã thuộc vào tay lão Bé vì một hôm hẳn thua phản phé, đôi ách, đôi sập mà thua con cầu thứ năm về tay lão Bé. Cô Bảy bán cà phê ở đầu xóm rất khoái Tòng, thường bắt hẳn ca cho cô nghe. Vừa đánh nhau một trận đổ máu mồm hẳn vẫn ca mùi được. Hẳn thường gửi nỗi buồn của người thua bạc vào những bài ca.

Ánh sáng ở trước cửa nhà lão Bé hiu hắt, Vài chiếc quần cụt, áo lót của lão Bé mắc trên giầy bay phất phơ. Tòng nghe tiếng cãi vã từ nhà lão Bé vọng ra. Đến trước cửa nhà lão Bé, Tòng nghe rõ tiếng bác Viêm gái đang gây lộn với giọng người đàn ông. Hẳn đẩy nhẹ cửa rồi lách mình bước vào. Đột chân hẳn lên lối giữa những giầy, dép, guốc ngồn ngang của các con bạc. Trong nhà có hai sòng bài. Trên chiếc đi văng nhỏ ở sát cửa sổ, năm sáu người đang ngồi quanh một cỗ bài xì. Phía dưới năm con bạc đang ngồi quanh một đồng bài vắt tứ tung. Ở giữa chiếu bạc có 3,4 mảnh vỡ của một chiếc đĩa. Vợ lão Bé vừa đỡ đứa con nhỏ hôn trên tay vừa dàn hòa. Bác ta hết nhìn bác Viêm gái lại nhìn người thanh niên có mái tóc xoăn và người thanh niên khác có khuôn mặt xương xẩu. Lão Bé khom mình, nhòai người ra vợ những mảnh đĩa vỡ, vất ra phía sau rồi xếp gọn đồng bài lại. Bác Viêm gái giận dữ, mặt bác ta đánh lại, hẳn học :

— Chú coi quân lưu manh ở đâu về xóm này. Ăn bộn rồi bày đặt nói sóc óc người ta để nghỉ ngang. Cứ mỗi lần thắng nhỏ chia bài thiếu là hẳn lại nói : « Thịt chó, mắt tôm chanh » để đếm năm cây một.

Vài người trên sòng bài xì, nhìn bác Viêm gái cười ồ lên. Người thì nhăn mặt sốt ruột vì sự ồn ào làm canh bạc của họ bị gián đoạn. Người thì im lặng theo dõi cuộc gây lộn một cách thích thú. Thỉnh thoảng họ nói vài câu châm chọc bác Viêm gái rồi quay mặt dấu những nụ cười tinh quái.

Giọng bác Viêm gái to hơn :

— Người ta làm nghề gì thì mặc cha người ta, còn hơn là lưu manh điểm thú.

Người thanh niên tóc loăn xoăn chỉ vào mặt bác Viêm gái.

— Ê ! Coi chừng nghe ! Đây chỉ có uýnh lộn chứ không có lưu manh đâu nghe ! Nói bậy là có chuyện ạ. Đừng tưởng đàn bà rồi muốn nói sao thì nói. Đây chuyên môn bóp tim, sửa cẳng loại đàn bà sồn sồn.

Người thanh niên có khuôn mặt xương xẩu bây giờ mới lên tiếng bênh bạn,

— Bà này ầu ! Người ta đếm « thịt chó, mắt tôm, chanh » thì mặc người ta, mắc mớ chi đến bà mà bà ra miệng. Bộ ở cái xứ này chỉ có mình chồng bà giết chó thôi sao ? Đánh bạc với đàn bà chán thấy mẹ.

Vợ lão Bé lại lên tiếng dàn hòa. Đứa con nhỏ trên lòng bác ta vừa khóc vừa ỉa. Đôi lúc tiếng khóc của đứa nhỏ ré lên át tiếng nói của mẹ nó. Vợ lão Bé vừa si cho con ỉa vừa vạt áo cho con bú. Bác ta có vẻ nôn nóng, bực bời.

Bác Viêm gái coi Tòng là đồng minh nên giọng của bác ta mỗi lúc một thêm gay gắt và tục hơn. Bác ta đứng lên vừa dợm sĩa sới vào mặt người thanh niên tóc xoăn thì hấn vung người dậy, đầy mạnh bác Viêm gái làm bác ta xiềng liềng thối lui. Tòng nhanh nhẹn dặng hai tay ra đỡ bác Viêm gái :

Trong một cái liếc mắt thật nhanh, Tòng bắt gặp nhiều cặp mắt biểu lộ sự đồng ý về hành động của người thanh niên tóc xoăn. Tòng dյ dụng :

— Bác thua hả ? Phải đánh đề gỡ chứ. Đừng nóng. Ê ! Các bồ tiếp tục đi. Tớ đang ham đây !

Tòng đưa tiền cho bác Viêm gái rồi dàn hòa cả hai phe. Lát sau cạnh bác lại tiếp diễn. Tòng không đánh, hấn ngồi cạnh bác Viêm gái để mách nước. Thỉnh thoảng hấn thấy hình bóng con Nhân chen vào con bài. Kế bên chiếu bạc, đứa con trai lớn nhất của lão Bé đang ngồi chia bài. Dáng nó mệt mỏi nhưng mắt nó vẫn mở thao láo.

oOo

Bữa nhậu nhà lão Viêm bắt đầu từ bảy giờ tối. Bàn nhậu có tới trên mười người. Tòng ra từ sớm lạng xẵng giúp lão Viêm đủ việc, mổ gà, giết chó, làm lòng, dẹp bàn ghế. Trên bàn có đủ các thứ món nhậu. Vài xị đế và đôi gà của Tòng mang lại hồi sáng cũng góp phần tham dự cuộc hành trình vào dạ dày thực khách. Có đến 3 chiếc hỏa lò đang bốc lửa trên bàn tiệc. Lão Viêm gắp thịt chó sống, ướp với riêng mẻ, vào hai chiếc vỉ sắt rồi đặt trên chiếc hỏa lò. Lão luôn miệng khoe tài làm thức ăn của mình. Lão bô bô nói, mấy anh Bắc kỳ tưởng chỉ có mình mới biết làm thịt chó ngon. Lão cãi chính với những người có mặt là lão làm thịt chó là do sáng kiến của lão, chứ không phải vì lão lấy vợ người Bắc. Lão nói ra những bí quyết về cách làm thịt chó. Làm thế nào để lòng chó không hôi, chả chó không tanh. Lão cho mọi người biết những giai thoại lý thú về thịt chó. Lão uống một hớp rượu rồi đưa mắt nhìn mọi người. Một vài người gập tia nhìn của lão đều nâng ly cạn chén. Lão Viêm khoái trí cười khà khà. Lão vắt thêm chanh vào mắm tôm, ngoáy cho mắm tôm xúi bọt rồi nói :

— Mấy người có biết thịt chó du nhập xứ mình hồi nào không ?

Không ai lên tiếng, lão giải thích. Giọng lão nhừa nhựa men rượu :

— Không phải từ hồi di cư đâu nghe! Từ ngày Ngài Lê văn Khôi, con nuôi ngài Tả Quân vô đây. Ôô ! Lão Viêm dợ tay mời mọi người — Nhậu đi. Ngài Lê văn Khôi làm cách mạng chống triều đình bị vây khốn, Ngài bèn ngả chó ra sơi. Từ đó Ngài đi đâu cũng tòng teng hai ba cái đùi chó.

Cả bàn tiệc phá lên cười. Thăng Nhã có vẻ khoái trí : Nó đứng trước cửa nhà le với bọn bạn nó. Nó hãnh diện kể tiểu sử từng nhân vật có mặt trong bữa tiệc. Con Nhân thỉnh thoảng ra tiếp món nhậu. Nó không cười nói, không tỏ vẻ vui hay khó chịu. Bác Viêm gái ngồi chễm chệ ở kế bên đám nhậu. Trước mặt bác ta là một rổ đầy các loại rau. Bác ta vừa nhặt rau vừa thái riêng. Thỉnh thoảng bác ta cũng góp chuyện vui với đám người đang nhậu. Con chó vện nằm

dưới chân lão Viêm, thân nhiên ngoạm xương gà khi lão Viêm cười hét thật lớn thì đuôi con chó Vện lại ve vẩy thật mạnh. Lúc nào cặp mắt nó cũng lừ đừ đờ ngầu. Tòng nhậu cầm chừng. Hắn ta vừa nhậu vừa đưa mắt tìm bóng con Nhàn.

Bỗng anh Bảy taxi lên tiếng đề nghị Tòng ca vọng cổ. Lão Viêm có vẻ chột nhớ đến Tòng. Lão nhìn hắn — Ê ta ! Thằng này coi bộ nhậu không được ta.

Cứ gặp tia nhìn của lão Viêm là Tòng lại ợc một hơi hết ly rượu.

Mọi người lại ào ào lên yêu cầu Tòng ca vọng cổ. Hắn ta vừa định từ chối thì lão Viêm lên tiếng gọi Nhàn tiếp món nhậu rồi lão quay sang nhìn Tòng :

— Ê ! Chú Tòng khách sáo quá ta. Trời cho giọng ca thì ca lên cho vui. Bộ chú không thật thà với tui sao ?

Tòng đưa mắt nhìn quanh, ngượng ngùng. Hắn tính nước lên tiếng cười trừ khi bác Viêm gái lên tiếng :

— Thôi mà, chú Tòng không muốn ca thì thôi ! Nhậu đã rồi còn ca gì.

Lão Viêm nhất định buộc Tòng phải ca. Giọng lão kéo dài :

— Đâu được ! Mắc cỡ mẹ gì. Chú không ca tao đe chú luôn. Chú ca rồi tao ca, anh Sáu ca, anh Tư ca. Ai cũng phải ca ráo.

Tòng cúi đầu một lát rồi lên tiếng hát. Khi tiếng ca của Tòng vừa dứt thì bầu không khí bừng bừng sôi động. Tòng chưa say lắm nên cặp mắt của hắn liếc ngang liếc dọc trong cái ồn ào để tìm bóng con Nhàn. Lòng hắn bồi hồi vì hắn thấy con Nhàn thoáng mỉm cười. Nụ cười của con Nhàn làm lòng hắn lâng lâng. Trong một thoáng, hắn như không thấy trước mắt hắn là những khuôn mặt ngất ngư, những cặp mắt vẫn đục màu đỏ.

Thoạt đầu người nọ nhường người kia ca trước. Sau rồi họ tự động đứng lên ca theo đủ các điệu, ca Tây-thí, bình-bán, sảng-sê. Nhiều tiếng vỗ tay làm nhịp cho giọng ca. Đôi lúc nhiều tiếng hát cùng vang lên một lúc. Anh Ba tài xế bỗng đứng dậy lắc-tuýt. Người anh ta mập, to tròn như hột mít, bì bạch lắc lư làm mọi người cười như vỡ chợ. Anh Tám bỏ bỏ kể một truyện tiếu lâm thật tặc tưu. Bác Viêm gái phải dẫu sự ngượng ngùng vào tiếng cười phụ họa.

Đến quá khuya thì mọi người ngất ngưỡng ra về. Bàn nhậu chỉ còn lại Tòng và lão Viêm. Trên mặt bàn là một hũ rượu thuốc đã cạn khô. Vài chai rượu để trống trơn đứng nằm ngả nghiêng giữa những đống xương rải rác khắp nền đất. Con Vện nằm dưới chân lão Viêm lơ đờ, thiêm thiếp ngủ. Thằng Nhã đã đi ngủ. Con Nhàn ngồi tựa lưng vào bức vách ở nhà trong, vẻ mệt mỏi, Lão Viêm tuy đã hơi say nhưng lão vẫn uống hết ly này ly khác. Tòng theo lão được vài ly nữa thì hắn gục mặt xuống bàn.

Lão Viêm cười khà khà :

— Ê ! Chú Tòng muốn làm rề tao thì phải nhậu dô ! Nhậu cho chết luôn ! Ê ! Nhàn má mày đâu ?

Con Nhàn bực mình lắm lắm :

— Nhậu gì mà nhậu quá trời. Nó nói to, giọng bực dọc — Má đi đánh bài rồi.

Lão Viêm tỏ vẻ bực mình về sự vắng mặt của vợ bằng cách sách cả chai rượu để tu từng hơi. Lão dằn mạnh chai rượu xuống bàn rồi lay Tòng.

— Ê say rồi hả ? Chú muốn cưới con Nhàn phải không ?

Tòng ngẩng lên nhìn lão Viêm. Mắt hấn ngẫu đỏ. Mồm hấn đầy nước bọt. Thỉnh thoảng môi hấn bặm lại, mồm hấn phồng lên rồi «bục» hơi một tiếng thật to. Hấn đang chống cự với các buồn nôn nao ở cuống họng.

Lão Viêm lên tiếng gọi con :

— Nhàn ơi ! Vô biểu mày ! Thằng Tòng nó muốn cưới mày. Tao bằng lòng rồi nghe !

Cái ý nghĩ về chiếc Suzuki mới mua của cậu Ký, đang trong lòng con Nhàn phụt tắt. Đứa con gái đang ngồi tự nhiên đá cái chậu lặn đi, kêu loảng xoảng.

Lão Viêm vẫn lên tiếng hỏi con gái. Con Nhàn lắm lắm : « Hôi rình, thương hồng vô». Rồi nó nói to :

— Ba ưng thì ba chịu. Tôi không chịu. Tôi nhất định không chịu.

Tòng ngẩn ngơ, đầu hấn nhè nhẹ gật gù. Đầu hấn vẫn nặng chiu. Hai bên thái dương vẫn nóng bừng bừng. Hấn chống tay lên bàn và tỳ đầu vào bàn tay.

Lão Viêm cầm chai rượu ừng ực tu một hơi. Khoảng mặt bàn trước mắt lão thấp xuống. Chai rượu trên tay lão lăn đè trên đống xương nhỏ. Chỗ rượu còn lại tóe ra mặt bàn. Giọng lão Viêm lè nhè :

— Tao thương chú như thương tao. Nhà tao, vợ tao, con tao, chú muốn cưới ai, tao cho luôn, cho luôn, cho luôn.

Giọng lão ề ề kéo dài như một tiếng rên. Hay tay lão vung ra, Đầu lão gục xuống mặt bàn,

Tòng chống tay vào thành bàn và ngồi như thế khá lâu. Con Nhàn đứng thấp thoáng ở cửa bếp, mặt nó nhăn nhó khó chịu, Tòng không nghe thấy tiếng ngáy của lão Viêm. Thỉnh thoảng hấn làm nhảm lên tiếng. Hấn nói không đâu vào đâu. Có lúc hấn xưng con với lão Viêm. Có lúc hấn dọa đốt cả xóm này nếu hấn không lấy được con Nhàn. Hấn còn kể vài câu chuyện ở trại lính. Hấn cũng không quên nhắc đến thành tích của hấn khi hấn dụ bắt được con chó của nhà ông Đại Ủy. Rồi hấn thấy lão Viêm như một hình thề mầu đen mờ dần trong ánh điện có nhiều tia lửa chói sáng. Con Nhàn bỗng chập chờn mỉm cười với hấn trong vùng sáng đó.

Hấn vỗ vỗ tay vào trán rồi lão đảo đứng lên. Hấn ngắt ngưỡng đi về phía con Nhàn. Đứa con gái đứng nép vào thành tường. Cặp mắt nó nhiu lại khó chịu, xua đuổi.

— Em không thương tôi hả em Nhân? Tôi thương em...

Con Nhân vùng vằng ngắt lời Tòng:

— Mà đều tôi không thương anh. Người gì mà kỳ.

— Nhưng tôi cứ thương. Em không thương tôi nhưng tôi cứ thương. Ba em thương tôi. Tòng lảm nhảm nói một hơi dài. Câu nói không ý nghĩa và giọng nói bị đứt quãng vì những tiếng bực hơi.

Con Nhân cố trấn tĩnh, dịu giọng.

— Thương hay không thương thì mọi sẽ tính. Bây giờ khuya rồi, về đi tôi còn lo dẹp nhà.

Tòng nổi nóng:

— Em đuổi tôi hả? Em không thương tôi thì tôi đập bễ đầu thẳng Ký! Mẹ! thẳng mắt toi.

Bỗng nhiên mắt Tòng ngẫu dỏ một cách kỳ dị. Mặt hăn căng thẳng ra. Hăn phá lên cười. Con Nhân hoảng sợ tia nhìn của Tòng. Nó lựa thế, chầm chậm bước rồi vụt chạy thật nhanh ra cửa. Tòng dơ tay cản và ôm ghì lấy đũa con gái. Con Nhân vùng vẩy kịch liệt. Nó cắn mạnh vào vai Tòng rồi chạy thoát ra ngoài cửa. Lão Viêm vẫn gục đầu xuống mặt bàn. Dáng chừng trong giấc mơ lão đang lên dốc. Tiếng ngáy của lão to hơn tiếng cười hăn học của Tòng.

Tòng chệnh choạng chạy theo đũa con gái. Hăn không thấy con Nhân đang đứng núp ở khe cửa trước hiên nhà. Tòng quanh quẩn tìm Nhân một lát rồi đi về hướng nghĩa địa. Lòng hăn tràn ngập một ham muốn mãnh liệt.

Sương đêm không làm giảm cái ngùn ngụt hăng say của Tòng. Khuôn mặt hăn vẫn căng thẳng. Cặp mắt hăn vẫn ngẫu dỏ. Chung quanh hăn có đến ba, bốn con Nhân đang chập chày, chập chờn. Ba bốn con Nhân quay tròn chọt biển. Bầu trời trước mắt Tòng bỗng có một con Nhân đang rục rỡ và mỉm cười với hăn. Nhưng nụ cười rục rỡ của con Nhân cứ lui dần vào bóng tối. Tòng bỗng cười lên sảng sặc. Hăn thấy một bóng đen đang thấp thoáng trong bóng tối của một cụm tre ở ven nghĩa địa. Bóng đen đi về phía hăn và mỉm cười. Có phải nụ cười của con Nhân? Rồi thật nhanh hăn ôm ghì lấy bóng đen. Hăn lơ mơ nghĩ bóng đen này là Nhân và hăn cũng lơ mơ tưởng rằng người đàn bà đang trong vòng tay hăn là bác Viêm gái.

Người đàn bà đâm thùm thụp vào lưng Tòng:

— Chú Tòng! Ô hay! Chú Tòng buông tôi ra chứ! Chú làm gì kỳ thế này?

Tòng vẫn ôm ghì người đàn bà với thái độ hung hãn. Bác Viêm gái không chống cự kịch liệt bằng con Nhân. Tiếng nói của bác ta đã lạc vào trong gió. Rồi cái cảm giác nôn nao khi ngã vào tay Tòng trong canh bạc ở nhà lão Bé, câu truyện tiểu lâm tục tĩu của anh Tám gồn gợn lại trong lòng người đàn bà.

Bầu trời chùng thấp xuống vì sương đục. Vầng trăng nhạt dần trong một vòng sáng nhỏ. Tòng bò rột đứng dậy. Mồ hôi hắt ướt đầm trên trán, thái dương. Tòng bàng hoàng trong một cảm giác kỳ lạ. Người hắt lạnh toát, mặt dần ra và tia nhìn ngơ ngác thu hẹp lại. Trong một thoáng hắt không biết chung quanh hắt có trăng sáng, sương đêm, những nắm mồ hoang và những vòm tre ngả nghiêng vun vút. Thật nhanh hắt liếc về phía bác Viêm gái. Người đàn bà ngược ngừng rồi vụt chạy. Tòng ngẩn ngơ nhìn theo bóng bác Viêm gái thoang thoang trong bóng tối. Và hắt chợt cảm thấy bóng dáng Nhàn, cũng như tình thân thiện giữa hắt và lão Viêm đã mất hút trong cuộc đời hắt, như bóng dáng người đàn bà đang hun hút chìm trong bóng đêm. Tòng quay lại nhìn gốc tre. Một đống tiền của bác Viêm gái đang bay rải rác. Suy nghĩ một lát rồi hắt lom khom cúi xuống vơ tiền thành một sấp. Bàn tay hắt run run. Hắt nghĩ đến lão Viêm và những hũ rượu thuốc của lão. Hắt cũng không hiểu tại sao là lúc này hắt nghĩ đến lão Viêm nhiều hơn là hắt nghĩ tới con Nhàn. Hắt thấy rõ những đường nhăn, nét hắt trên khuôn mặt lão Viêm. Tòng rút túi lấy khăn mùi xoa lau mồ hôi. Xong, hắt lấy khăn buộc sấp tiền thật kỹ rồi mắc vào một gốc tre.

BÙI KIM ĐÌNH

Tăng cường sinh lực

lãng

CETONIC

VITAMINE C 250mg



• NGUYỄN-HIỂN-LÊ

BEN GOURION

người xây-dựng

quốc-gia Do-Thái

Người phương Tây với Do-Thái

Châu Âu có công lớn với nhân loại mà cũng mang tội lớn với nhân loại. Ít nhất chúng ta cũng kể ra được ba tội :

— Chính sách thực-dân đã kéo dài non hai thế kỷ, mới chấm dứt được khoảng mười năm nay, nhưng hình như đương chuyển qua một hình thức mới, không dùng áp lực của súng đạn nữa mà dùng áp lực của tiền bạc ; cách thức viện trợ ngày nay chỉ là cách thức tranh giành ảnh hưởng.

— Chính sách buôn nô-lệ, đặc biệt là người da đen; chính sách này tuy đã cáo chung từ 1898 nhưng hậu quả của nó vẫn còn tới ngày nay và người Mỹ còn phải trả cái tội kì-thị chủng-tộc ít nhất là cuối thế kỷ này ; và qua thế kỷ sau, dân tộc Mỹ sẽ là dân tộc lai trắng đen vào bậc nhất thế giới.

— Tội thứ ba là tội kỳ thị giống Do Thái đã có từ hai ngàn năm nay và gần

đây mới bắt đầu gây nhiều nỗi khó khăn cho người Âu, nếu không đưa tới thế chiến thứ ba thì cũng làm cho các nhà cầm quyền Âu, Mỹ không lúc nào được yên, ít nhất là trong ba chục năm nữa.

Trong lịch sử nhân loại, không có dân tộc nào số phận điêu đứng như dân tộc Do-Thái mà cũng không có cái mối thù oán nào dai dẳng ghê gớm — gần hai ngàn năm rồi — như mối thù của đại đa số dân chúng Châu Âu với dân tộc Do Thái. Người phương Đông chúng ta đọc lịch sử phương Tây không làm sao hiểu nổi cái tâm-lý đó. Chúng ta cũng vẫn thường chém giết nhau vì quyền lợi, vì danh dự, đôi khi cũng vì tín ngưỡng hay vì gì gì đi nữa, nhưng cơn giận xong rồi thì thôi, Việt - Nam, Trung - Hoa, Nhật-Bồn hay Triều-Tiên... lại «xinh xái», vui vẻ sống chung với nhau, buôn bán với nhau, nhậu nhẹt với nhau, gả con gả cháu cho nhau, làm thơ gởi tặng nhau nữa, có bao giờ mà

thù nhau truyền kiếp như đa số người theo Ki-tô giáo đối với những người theo Do Thái giáo đầu.

Mà hai tôn giáo đó vốn là anh em với nhau chứ ? Thánh Mẫu Marie và Chúa Ki Tô đều là Do-Thái cả. Cả hai đều tuân những luật của Moïse, một vị thánh của Do Thái. Chúa Ki Tô lại giảng đạo trong những giảng đường của Do Thái giáo ; môn đệ của Ngài đều là người Do Thái.

Người ta bảo tại trong vụ xử tội Ngài, các thầy tu và tín đồ Do Thái đứng về phía nhà cầm quyền La Mã mà phản Ngài. Nhưng những thầy tu và tín đồ đó đâu phải là toàn thể dân tộc Do Thái, cũng không phải là toàn thể những người Do Thái có mặt lúc đó nữa. Và lại thời nào, dân tộc nào mà chẳng có những tầng lớp thối nát hoặc sợ sệt hùa theo chính quyền. Chính Chúa Ki Tô trước khi tắt thở còn «xin Cha tha thứ cho họ vì họ không biết họ làm gì ». Thế thì tại sao người ta lại thù oán cả dân tộc Do Thái, thù lây đến cháu chắt của họ cả mấy chục đời sau nữa ?

Năm 70 sau Tây lịch, dân tộc Do Thái bị người La Mã phá Thánh địa Jérusalem, nhưng trong ba thế-kỷ đầu, họ còn tương đối được sống yên ổn ở miền Galilée. Bắt đầu từ năm 400, các tín đồ Ki Tô giáo ngược đãi họ, đời sống của họ mới mỗi ngày thêm điêu đứng.

Xứ sở của họ, Israël, thành một đất bỏ hoang, và họ phải đi ở nhờ các nước khác. Họ thông minh, siêng năng, ở nước nào thì cũng giúp cho nước đó thịnh vượng. Họ chỉ cố giữ truyền thống, tôn giáo của họ thôi, còn thì theo đúng tục lệ trong nước cư ngụ. Tất nhiên là họ không dám bài xích các tôn giáo

khác ; nhưng bản tính của họ cũng vốn khoáng đạt ; họ dịch các tác phẩm triết học của Hi Lạp, giúp cho văn minh phương Tây phát triển ; theo J. Madaule trong *Les Juifs et le monde actuel* (Flammarion-1963), họ có công cả với đạo Hồi-hồi nữa.

Người ta cấm họ có đất rộng, người ta nghi ngờ họ, không cho họ theo nghề võ, có một thời rất lâu, người ta cấm họ làm thợ nữa, thành thử, để sinh nhai họ chỉ có mỗi một nghề là nghề buôn, và nghề cho vay mà đạo Ki Tô cấm ngặt. Tới khi nhờ hai nghề đó mà họ làm giàu thì người ta khinh họ, oán họ, cho họ là «có máu Do Thái», thậm chí đổ tội cho họ là dùng thứ đồng tiền tanh tưởi để thao túng các nhà cầm quyền, mưu đồ phản nghịch.

Mặc dầu bị ngược đãi như vậy họ vẫn nhẫn nhục chịu, chỉ ước ao được chấp nhận làm con dân các nước họ xin ở nhờ. Người ta buộc họ phải từ bỏ tôn giáo của họ đi, theo Ki tô giáo thì mới được nhập tịch. Một số chịu, một số không. Nếu chỉ có vậy thôi thì cũng chưa có vấn đề Do Thái.

Các cuộc tàn sát Do-Thái

Từ hồi viễn chinh của Thập tự quân, thế kỷ thứ XI, cuộc tàn sát Do Thái mới thực sự bắt đầu.

Năm 1096 người ta rủ nhau đi giải thoát mộ của Chúa, và còn có gì hữu lý bằng trước khi làm việc thiêng liêng đó, phải trả thù những kẻ mà non 1.100 năm trước, đã chịu trách nhiệm về cái chết của Chúa, đã giết Chúa... Ở Worms trong hai ngày người ta giết tám trăm người Do Thái; bắt kè là đàn ông, đàn bà, già trẻ, hễ là Do Thái mà không chịu theo đạo Ki Tô là bị chém giết bằng gươm, cẳng giáo, bằng thuồng luồng...

Ở Mayence, cảnh còn rùng rợn hơn nữa vì người Do Thái chống cự lại, rồi như say máu, họ quay lại giết chính người cùng đạo với họ, giết cả vợ con, cha mẹ họ ! Thật là kinh khủng : có những bà mẹ đương cho con bú, cầm ngay lấy dao hay gươm cứa cổ con để cho chúng khỏi chết vì tay những người không theo đạo Do Thái. Bảy trăm người chết trong vụ đó.

Cộng cả hai vụ là một ngàn rưỡi mạng. Một ngàn rưỡi mạng đó đã tạo cho dân tộc Do Thái một tâm hồn mới : họ biết rằng không thể sống chung được nữa, người ta càng bắt họ phải đổi đạo thì họ lại càng cương quyết giữ đạo, giữ truyền thống của họ.

Không khí mỗi thời một thêm căng thẳng, sức phản ứng của họ tăng lên thì sức đàn áp cũng lại tăng lên : người ta bắt họ đeo một hình bánh xe nhỏ, đội một thứ nón nhọn để dễ phân biệt họ ; người ta nhốt họ vào những khu vực riêng — gọi là ghetto — hoặc trục xuất họ từng đám như ở Pháp năm 1394, ở Y Pha Nho năm 1492 ; người ta buộc họ đủ các tội : Tội làm thầy Pháp, tội bỏ thuốc độc xuống giếng, xuống hồ nước,.. Sự đàn áp lan rộng tới nỗi có thời tại những nước ở bên bờ Đại-Tây Dương : Anh, Pháp, Bồ-đào-Nha, Y pha Nho, không còn một bóng Do-Thái nào nữa. Ở Đức và Ý, họ sống điều đứng trong những ghetto. Họ phải di cư qua Ba-Lan, và chỉ trong một thế-kỷ, số Do-Thái ở Ba-Lan tăng lên gấp mười, từ năm vạn tới năm chục vạn. Được sống một thế-kỷ yên ổn ở Ba-Lan rồi họ lại bị đàn áp, lại quay trở về phía Tây : Pháp Đức, Hòa-Lan...

Năm 1517, Thổ-nhĩ-Kỳ chiếm Jérusalem

dựng nên đế-quốc Thổ trong bốn thế kỷ. Thấy khó sống được ở Châu-Âu và thấy vua Thổ khuyến khích người Do-Thái về Palestine (gồm Israël và Juda thời cổ) để khai thác miền đã bao lâu nay hoang vu đó, một số người mới đầu là Do Thái Y-pha-Nho, về cố quốc để làm ruộng. Họ sống yên ổn nhưng rất cực khổ.

Cuối thế kỷ XIX, đời sống của Do-Thái ở Tây-Âu tương đối dễ chịu nhờ những tư tưởng tự-do, bác-ái của cách-mạng Pháp. Nhưng ở Nga, Ba-lan, họ vẫn bị kỳ thị, bị cái họa « pogrom ». Pogrom là một tiếng Nga có nghĩa là bạo động, phá phách. Thịnh thoảng dân Nga hay Ba-Lan vì một chuyện xích-mịch nhỏ gì đó, nổi điên lên, rủ nhau từng đoàn hăng mấy trăm người, cầm dao, búa, gươm, gậy vào những khu Do-Thái mà khủng bố, chém giết, đập phá. Cuộc bạo động lan từ tỉnh này qua tỉnh khác, một vài tháng mới dẹp xuống. Dân Do Thái mỗi lần nghe tin một đợt Pogrom nổi lên, sợ xanh mặt, đóng kín cửa lại, chặn hai ba lớp, không dám lộ mặt ra hồi hộp đợi từng giờ từng phút, luôn trong mấy ngày cho bọn hung thần đi qua Mặc dầu vậy chúng vẫn tông cửa mà xông vào được và ít có gia đình Do Thái nào tránh được họa.

Chaim Weizmann, (1) vị tổng thống đầu tiên của Israël, trong cuốn *Naissance d'Israël* (Gallimard—1957) nhắc lại những nỗi kinh khủng của đồng bào ông trong những vụ pogrom năm 1881 và 1903.

Chính phủ Nga còn xảo trá hạn chế sự giáo dục của người Do Thái, ra một sắc lệnh cho các trường Trung học chỉ được

(1) Ông sanh ở Motel (tỉnh Minsk) trên đất Nga

thu một số học sinh Do Thái bằng, 100% số học sinh theo Ki Tô giáo, mà châu thành nào có người Do Thái thì số dân Do Thái cũng chiếm từ 30 đến 80% tổng số dân vì họ bắt buộc phải sống chung gần như trong những ghetto của Đức.

Chính vì chính sách kỳ thị đó mà đầu thế kỷ XX có nhiều đợt Do Thái di cư qua Palestine, xuất phát từ Nga. Trong những đợt đó có ba thanh niên, hai nam, một nữ, sau này tạo được những công đầu trong việc thành lập quốc gia Israël; cả ba đều gốc ở Nga hoặc Ba Lan :

— Cô Golda Meyerson sau thành bộ trưởng Ngoại-giao.

— Chaim Weizmann, nhà hóa học danh tiếng và Tổng thống đầu tiên của Israël.

— Ben Gourion, Thủ tướng và Bộ trưởng Quốc Phòng.

Công và tội của người Anh

Mới đầu ba người đó chưa có ý thành lập quốc gia Israël...Người đầu tiên có ý đó là Herzl, một người Do Thái đã nhập tịch Áo. Ông viết báo, được tờ Neue Freie Presse phái qua Pháp viết phóng sự về vụ xử đại tá Alfred Dreyfus, bị buộc tội là làm gián điệp cho Đức. Dreyfus đưa đủ chứng cứ ra tỏ mình vô tội nhưng cũng vẫn bị xử, chỉ vì ông ta là sĩ quan Do Thái độc nhất trong quân đội Pháp. Thấy vậy, Herzl nghĩ rằng dân tộc Do Thái nếu không có một quốc gia riêng thì không ở đâu yên ổn được, và đem hết cả tâm lực để viết cuốn «Quốc gia Do Thái» hô hào các đồng bào ông và tất cả các nhà cầm quyền và các nhà có thế lực ở Châu Âu để kiếm một miếng đất nào cho dân tộc Do Thái thành lập một quốc gia.

Năm 1897, Phong trào Sion (1) của Do Thái ra đời, năm 1904 Herzl mất, nhưng năm 1917, khi Thổ-nhĩ-Kỳ thua trận, mất hết thuộc địa, tổ chức Sion vận động để cho Palestine được trả về cho người Do-Thái, và chính phủ Anh, trong bản tuyên bố của Balfour nhận cho họ được trở về Palestine «thành lập ở đó một trung tâm quốc gia Do-Thái» lại hứa «sẽ tận lực giúp họ thực hiện mục tiêu đó».

Năm 1920, các nước đồng minh ủy quyền cho Anh bảo hộ Palestine. Sự ủy quyền đó được Hội Quốc Liên thừa nhận năm 1922. Thế là sau mười chín thế kỷ mất nước, phải lang thang khắp thế giới bây giờ Do-Thái mới được nhận là một dân tộc có quyền thành lập một quốc gia.

Nhưng họ mừng không được lâu. Khi chưa làm chủ Palestine, Anh hứa hẹn rất nhiều; tới khi làm chủ rồi, họ nuốt lần lần các lời hứa, hạn chế các khu vực mà người Do-Thái có thể mua đất, hạn chế cả số người Do-Thái di cư vô nữa, vì quyền lợi của Anh ở miền đó rất lớn và họ phải lấy lòng các dân tộc Ả-Rập. Mỗi ngày họ một thắt chặt thêm và năm 1930 họ cho ra một cuốn *Bạch thư* (Livre blanc) cấm tuyệt người Do-Thái không được mua đất thêm nữa, và kiểm soát số người di cư vô để cho người Do Thái sẽ hoài hoài là một thiểu số ở trong nước.

Trong thế chiến, Adolf Hitler ra lệnh tận diệt một cách khoa học và có hệ thống những người Do-Thái ở Châu Âu. Chỉ trong mấy năm, sáu triệu người Do Thái bị giết. Ở Ba-Lan, Lithuanie không còn một người Do Thái nào sống sót. Ở Hung và Lỗ chỉ một số ít trốn thoát.

(1) Sion là tên đồi, tên đó có thành Jérusalem; do đó Sion cũng trở Jérusalem,

ở Pháp, Hòa-Lan, Ý, Hi-Lạp, họ cũng bị bắt và giao lại cho bọn đồ tề Đức Quốc-xã; chỉ có mỗi vua Đan-Mạch là can đảm dám tiếp thu, giúp đỡ các người Do-Thái trốn khỏi nanh vuốt của Đức. Tình hình thực nguy ngập, họ liền trốn qua Palestine bằng đủ mọi cách. Họ thuê hoặc mua những chiếc tàu cũ, máy móc hư hỏng rồi chen chúc nhau, chông chát nhau, rời những bến như Marseille, Naples, Amsterdam, lênh đênh trên biển nửa tháng mới tới Palestine, tới nơi thì nhà cầm quyền Anh, không cho họ lên bờ. Nhiều chiếc phải trở ra khơi, kiếm hết bến này đến bến khác để ghé mà không được rồi chìm trong một cơn giông — vì vậy mà người ta gọi những tàu đó là «tàu quan-tài»; nhưng cũng có chiếc bắt người Anh phải để cho họ lên bờ, nếu không họ sẽ nhất định tuyệt thực, như chiếc Exodus mà chúng tôi đã kể lại cuộc mạo hiểm trong những số Bách Khoa 123, 124 (15/2 và 1/3, 1962)

Lên bờ được rồi, họ còn phải tranh đấu với cả người Anh lẫn người Ả-Rập. Người Anh, trong thế chiến vừa rồi phải vượt ve các dân tộc Ả-Rập, nhất là khi quân đội của tướng Đức Rommel tiến gần tới biên giới Ai-Cập; vì vậy họ không ưa người Do-Thái, và khi chiến tranh chấm dứt, người Ả-Rập càng được thề eo xách, họ làm chủ nhân những giếng dầu phong phú nhất thế giới mà Anh không lập lại được trật tự ở Palestine, mà hình như cũng không muốn lập lại trật tự.

Tháng 5 năm 1948, mãn hạn được ủy nhiệm bảo hộ Palestine, họ rút quân đi và giao lại năm mươi đồn gọi là đồn cảnh sát, nhưng thực là đồn chiến lược, cho người Ả-Rập.

Ngày 12.5., với cái tinh thần phớt tỉnh truyền thống của họ, họ tuyên bố:

«Ủy-quyền sẽ chính thức mãn hạn vào mười hai giờ một phút trong đêm 14 rạng 15 tháng năm. Tổng Cao-Ủy đại-nhân ngày 14.5 sẽ rời Jérusalem mà đi Haifa rồi xuống dưới tàu H.M.S. Euryalus, chiếc này sẽ nhổ neo mười hai giờ khuya. Các quân đội của ta cũng bắt đầu rút ra khỏi Jérusalem và các miền khác ở Palestine ngày 14 tháng năm.»

Họ rút đi thật, rút về đảo Chypre, tin chắc rằng dân tộc Do-Thái phải quay lưng ra biển mà chiến đấu với Ả-Rập thì không sao chống cự được lâu và sẽ phải cầu cứu họ nữa và lúc đó họ sẽ trở lại, đưa ra một giải pháp có lợi cho họ và bắt Do-Thái phải theo. Vì lúc đó ở Palestine chỉ có 650.000 Do Thái đương đầu với vài ba chục triệu Ả-Rập. Nhưng họ không ngờ mà cả Âu, Mỹ, đều không ngờ rằng đặt dân tộc Do Thái vào con đường chết tức là mở cho Do Thái con đường sống.

Lúc này đây thế giới mới bắt đầu được thấy cái tài và sự cương quyết phi thường của Ben Gourion.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

tìm đọc :

**bán nguyệt - san SINH - VIÊN
tiếng nói của sinh-viên Saigon**

VÂN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie



LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng

với

3 *đặc điểm*

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGỌT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

Thế giới, trong những tuần qua

★ TỪ - TRỊ

Trong những tuần vừa qua tuy chiến tranh đã tạm thời chấm dứt, vấn-đề Trung-Đông vẫn còn sôi động. Tại Hoa-Kỳ, tại Liên-Hiệp-Quốc, người ta không ngớt bàn luận về vấn-đề này để tìm một giải-pháp.

Trung-Đông : Ả-Rập thu thập tàn quân :

Sau khi bại trận, các lãnh-tụ Ả-Rập vẫn chưa chịu thua. Họ tuyên bố là họ chỉ có thua một keo này nên còn có thể bày keo khác ; Họ đang thu thập tàn quân để rửa hận. Để tránh khỏi làm mất lòng dân Ả-Rập, Nga-sô đã gửi nhiều phi cơ Mig và chiến xa sang Ai-Cập. Với viện trợ đều đều của Nga, Ai-Cập đã có thể thay thế được 356 phi cơ và 700 chiến xa bị Do-Thái hạ. Để thay thế 15.000 lính bị giết, bị thương hay bị Do Thái bắt làm tù binh, Nasser gọi 15.000 người từ Yémen trở về. Thủ đô Le Caire vẫn còn ở trong tình trạng phòng thủ. Đảng duy nhất của Ai-Cập là đảng Liên-Hiệp Ả-Rập, Xã-hội đang tuyển dân quân. Tổng thống Nasser đã bắt cấm trại các đơn-vị quân-sự từ ngoài mặt trận trở về để họ không thể kể cho dân chúng nghe thực-trạng của cuộc chiến-tranh vừa qua được. Tổng-thống Nasser cải-tổ chính phủ và kiêm luôn chức vụ Thủ-tướng để tổ-chức cuộc phục-thù.

Chủ-tịch Nga Podgorny cũng sang Ai-cập để an ủi Nasser và cũng để can Nasser đừng hiếu chiến quá ; Tuy ông

Podgorny hứa sẽ giúp Ai-Cập, nhưng Nga-sô tỏ ý rất bất mãn trước năng lực quân-sự kém cỏi của Nasser và trước thái độ cứng rắn của ông này chỉ nhận khí-giới của Nga mà không chịu nhận một lời khuyên nào.

Các quốc gia Ả-Rập khác cũng đua nhau võ-trang. Syrie bị Do-thái phá 90% không lực cũng mua 25 chiếc Mig của Đông-Âu. Algérie, Irak cũng xin Đông-Âu súng đạn và Jordanie thì sang Arabie-Séoudite tìm khí giới. Các lãnh tụ Ả-Rập tăng cường quân đội không phải là chỉ muốn trả thù Do-Thái, mà còn để duy-trì địa-vị của mình tại quốc nội nữa. Thật vậy, họ ngại rằng khi dân chúng hết xúc động trước chiến thắng của Do-Thái thì tất sẽ quay lại thanh toán kẻ cầm quyền.

Dân Ả-Rập tỵ nạn chạy từ Palestine sang khiến cho Jordanie phải tốn kém nhiều để giúp đỡ họ. Ngoài ra bại trận còn làm cho Ả-Rập hao hụt tiền nong. Jordanie không còn thu hoạch được tiền của du khách nữa, vì Cồ-thành Jérusalem đã bị Do-Thái chiếm. Kinh Suez đóng cửa khiến Ai-Cập thiệt mỗi tuần 1,5 triệu Mỹ-kim. Các khách-sạn ở Liban đều vắng khách.

Những khó khăn chung không làm cho các quốc gia Ả-Rập bớt được chia rẽ. Tổng-trưởng ngoại-giao của 13 Quốc-gia Ả-Rập họp tại Koweit mà không tìm được một đường lối chung nào. Các quốc-gia khuynh tả như Ai-Cập, Syrie,

Irak, và Yemen muốn không bán dầu hỏa cho Tây - phương nữa. Nhưng các quốc - gia sản - xuất dầu hỏa như Arabie Seoudite, Koweit và Libye, ôn hòa hơn, chỉ muốn ngừng bán cho Anh Mỹ mà thôi.

Ngoài ra Đại Tá Boumedienne, vị Tổng thống trẻ tuổi (41 tuổi) của Algérie và tướng Abasi không kém trẻ trung, Tổng thống Syrie (37 tuổi), có hoài vọng thay thế Nasser trong vai trò lãnh tụ khối Ả Rập, đang hoạt động mạnh khiến Nasser cũng hơi e ngại. Trong khi các quốc vương Hussein (xứ Jordanie) và Fayçal (xứ Arabie Séoudite) ôn hòa hơn, công nhận rằng việc tố cáo Anh - Mỹ tham chiến bên cạnh Do-Thái là vô căn cứ và trách Nasser đã chạy theo Nga để biến chiến tranh giữa Ả-Rập — Do-Thái thành một chiến tranh lạnh giữa Đông-Tây, sẽ do Nga Mỹ giải quyết. Đề bảo vệ Ả-Rập, Hussein tới Liên-Hiệp-Quốc để vận động vì chính tại Liên-Hiệp-Quốc mà tấn tuồng Trung-Đông được tiếp diễn màn thứ nhì.

Liên - Hiệp - Quốc : mạnh ai người ấy tố cáo :

Tại Đại hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, người ta được chứng kiến nhiều cuộc tranh luận sôi nổi và hào hứng. Các phái đoàn mạnh ai người ấy tố cáo. Theo đại-diện Pháp thì nếu có chiến tranh Trung Đông giữa Ả-Rập và Do-Thái là tại vì ... Mỹ tham chiến ở Việt-Nam (!) Theo đại-diện Mauritanie thì sức bành trướng của Do-Thái là tại chính sách kỳ-thị chủng-tộc (Apartheid) của Nam-Phi gây ra. Theo đại diện Ai-Cập thì Do-Thái sẽ gây hấn khắp trên thế-giới từ Á-Châu tới Phi-Châu qua Mỹ-Châu... Nga thì ví Do-Thái như nước Đức dưới thời Hitler. Ngoại-trưởng Do-Thái đã lớn tiếng bác bỏ những luận cứ của đối phương và chủ trương thương-thuyết

trực tiếp giữa Ả-Rập và Do-Thái, và đòi ký một hòa-ước bảo đảm biên giới Do-Thái trước đe dọa Ả-Rập. Ngược lại, Do-Thái sẽ sẵn sàng giúp Ả-Rập phát triển kinh-tế và cho Jordanie thông thương tới Địa Trung-Hải.

Các quốc-gia Ả-Rập nhất định dùng ngoại giao để lấy lại những tổn-thất trên chiến trường. Nga và các nước cộng-sản — trừ Roumanie — đều có thâm ý không muốn cho vấn đề Trung - Đông chóng được giải quyết để tiện đục nước thả câu và phá không cho Mỹ có dầu hỏa.

Mỹ còn đang tìm cách ủng-hộ Do-Thái để nước này có thể bảo đảm được tương-lai. Tại Liên-Hiệp-Quốc, người ta khó tìm thấy giải pháp nào khả dĩ dung hòa được đôi bên. Nhưng ở bên lề Liên-Hiệp-Quốc người ta thấy vài viễn ảnh hòa bình. Thật vậy Thủ tướng Nga, Kossyguine, tham dự khóa bất thường của Đại-Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc đã nhân cơ-hội đến gặp Tổng-thống Mỹ Johnson ở Glassboro; Tại tư thất của ông Hiệu trưởng trường Trung-học tỉnh Glassboro, hai ông Kossyguine và Johnson đã gặp nhau hai lần trong bầu không khí thân hữu và thẳng thắn. Tuy những bất đồng ý-kiến của hai bên về Việt-Nam, Trung-Đông vẫn còn, nhưng ta thấy Nga và Mỹ đều tỏ thiện-chí và không muốn chiến-tranh. Hội-nghị thượng đỉnh Kossyguine-Johnson tuy không có những kết quả lớn lao trong hiện tại, nhưng nó đã có một kết quả là xiết chặt giây liên lạc Nga-Mỹ để tăng cường cuộc sống chung hòa-bình giữa hai khối tự-do và cộng-sản.

Cuộc sống chung hòa bình có lẽ cũng còn là mục-tiêu của Tây Đức nữa.

Âu-châu : Tây-Đức đang thay đổi chính sách đối ngoại :

Cuối năm ngoái khi Thủ-tướng Erhard bị bắt buộc từ chức, một chính-phủ Liên-hiệp Dân-Chủ Thiên-Chúa-Giáo và

Xã-Hội do ông Kiesinger lãnh đạo được thành lập. Khi đưa ông Kiesinger ra, các chính khách thuộc đảng Dân-Chủ Thiên-Chúa-giáo hy vọng rằng ông chỉ là một vị Thủ-tướng tạm thời trong khi họ sửa soạn lấy lại uy tín của đảng và đưa người khác ra. Đảng Xã hội chịu tham gia chính-phủ liên-hiệp cũng là vì thấy ông Kiesinger là một nhân vật không có gì xuất sắc. Với một vị Thủ tướng mềm yếu, đảng Xã-Hội hy vọng sẽ lấn át ông và tăng cường thêm uy tín cho đảng.

Sự thật đã khác hẳn mọi dự đoán. Ông Kiesinger đã tỏ ra là một vị Thủ tướng lỗi lạc và sáng suốt. Những thành quả tốt đẹp của chính phủ liên-hiệp được người ta coi là công của riêng đảng Dân-Chủ Thiên-Chúa-Giáo, và dân chúng hầu như quên rằng đảng Xã-Hội cũng ở trong chính-phủ. Cuộc bầu cử Nghị-viện của tiểu-bang Basse Saxe tháng 6-1967 vừa qua đã là một thắng lợi vẻ vang của đảng Dân-Chủ Thiên-Chúa-Giáo vì đảng này lấy thêm được 2 ghế và cũng là một thất bại nặng nề cho đảng Xã-Hội vì đảng này mất 7 ghế.

Với uy tín được tăng cường, ông Kiesinger được tự-do hoạt động. Để thực-hiện thống nhất giữa hai nước Đông và Tây Đức, ông Kiesinger đã làm một điều mà trước ông, ông Adenauer và Erhard không dám làm, là viết thư cho Chủ-tịch Hội-đồng Tổng-trưởng Đông Đức đề-nghị hai bên cử đại-diện để bàn về cách giao-thiệp giữa hai miền: Việc này chứng tỏ Tây-Đức đang thay đổi chính sách đối ngoại, và trở nên mềm dẻo hơn trong thái độ chống Cộng. Như ta đã tiên đoán nhiều lần trên mục này, Tây-Đức càng ngày càng tỏ ra độc-lập đối với Mỹ.

Á-Châu: Tình trạng rối loạn ở Trung-Cộng và ở Đại-Hàn

Tại Á-Châu, Trung - Cộng tiếp tục sống trong rối loạn. Trong tháng 6 vừa qua tại Côn-Minh, hàng ngàn quân nhân biểu tình chống Mao-Trạch-Đông khiến 266 người bị chết và 1500 bị thương. Lực lượng chống Mao do Thiếu tá Ủy-viên chính-trị Chang-Tsé Minh, trước thân Mao, hướng dẫn. Quân đội còn nổi loạn trên 21 tỉnh ở Hoa-lục nữa. Sở dĩ nhiều sự lộn xộn đã xảy ra trong hàng ngũ Quân đội là vì chỉ thị của Trung-Uơng thường mâu thuẫn. Quân đội nhận được lệnh dẹp phe chống Mao, nhưng đồng thời cũng được lệnh không được hành động hấp tấp. Lãnh thổ quá rộng, ngôn ngữ bất đồng khiến quân đội không đi sát với dân địa phương. Quân đội được lệnh bảo vệ sản xuất kinh-tế, nhưng khi thi hành nhiệm vụ lại đụng độ với Vệ-binh Đỏ của Mao chủ trương phá hoại.

Mao thanh trừng các tướng lãnh đạo khiến các người này trở nên những mầm chống đối: Thống-chế Ho Lung ở Tây Nam, Thống-chế Peng Teh ở miền Bắc và những lộn sộn ở Tân - Cương là những đe dọa cho chính phủ Bắc-Kinh. Để cứu vãn uy tín, chính phủ cho nổ quả bom khinh khí đầu tiên khiến cả Mỹ và Nga đều hết sức lo âu.

Nhưng đồng thời hàng ngũ bộ hạ của Mao, cũng bị chia rẽ không không kém Họ tranh đấu chống lại nhau: Chính Mao Phu-Nhân, như danh, Chiang cũng phải công nhận rằng có những sự tranh chấp trong hàng ngũ tả phái.

Tại Đại-Hàn, giờ đây tình hình cũng rối loạn không kém. Nếu Tổng-thống Phác-Chánh Hy được tái cử một cách vẻ vang thì các nghị sĩ của đảng ông đã vigian lặn mà được đắc cử. Cũng vì vậy mà họ đã chiếm được đại đa số tại Quốc-hội (130 ghế trên 170 ghế). Các đảng đối lập và sinh viên đang rầm rộ biểu tình phản đối cuộc bầu cử «bất hợp-lệ» nói trên.

ĐÔI NGẢ

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

*Chia con sầu rỏ huyết
Trang huyền-sử còn ghi
Lòng mẹ xuống Nam-hải
Lòng cha lên Ba-vì.
Chia duyên sầu bất tuyệt
Lòng đôi lứa mê si
Trai cứu-trùng hạ tứ
Thơ vọng tiếng Bằng-phi
Gái lâu Tây cắt chén
Ngọc đọng hồn Trương-Chi
Mồ xanh cỏ như áo
Người khuất núi như mi
Tình-sử dệt thương nhớ
Bao Quỳnh-Như Chiêu-Lý.*

*Tình sử với huyền-sử
Chia duyên cùng chia con
Sầu bất-tuyệt làm giấy
Sầu rỏ huyết làm son
Viết giòng thiên-cổ-hận :
« Chia Nòi-giống Nước-non. »
Ngòi bút này sắt đúc
Từng ngựa Gióng bon bon
Cây bút này bằng trúc
Phá giặc Ân chữa mòn.
Hãy rạch nát thân phận
Bấy lâu rồi héo-hon !
Giống-nòi chẳng một giận
Non-nước dễ đâu còn !*

Nam-dô Xuân Đình Mùi

(1967)

DANG HA

Thơ CÔNG-TRÚC

★ Đạ

*Gió thổi-thúc lá giã-từ
Vàng gieo nuôi tiếc ngậm-ngùi nẻo xanh
Âm-ba xào-xạc lá cành
Cõi xưa hồn cũ ngày xanh gọi về*

★ Suối

*Suối bon giọng mật vào trưa
Nước nhoi đầu bạc vọng đưa về ngàn
Gập-gheñh chiếc lá lang-thang
Đó tâm-thư biền chữa-chan tình nguồn !*

★ Chim

*Con gù ẩn hạ trong xanh
Trốn đầu cánh ngủ trĩu cành giấc say
Dơi con tiếc rẻ của ngày
Tìm soạn trái rụng phủ dày cội khô*

★ Em

*Nắng hong má chín em hồng
Mát trưa nhẹ thoảng bẽn-bồng tóc bay
So tay trên chốn xanh này,
Em mang nguồn lạnh thấm say đất mùa*

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Một khung cảnh đề sáng tác

Djilas lãnh đạo cộng sản Nam tư, trò chuyện với Staline, rồi chống chánh sách Staline, thân Tito rồi chống Tito, rút khỏi đảng cộng sản, Djilas bị bỏ tù, rồi Djilas được phóng thích v.v.. Những việc ấy năm châu bốn bề đều nghe.

Miro Traïkovitch, một nhà báo, vừa tìm đến Djilas để nghe thêm vài điều khác về ông, nhất là về hoạt động văn nghệ của ông gần đây :

— Djilas cho rằng văn chương luôn luôn có liên quan đến cuộc sống : «Không có những ý tưởng lớn về định mệnh con người thì sẽ không có văn chương». Tuy vậy, ông chống lại thứ quan-niệm dẫn thân quá đơn giản của hiện thực xã hội chủ nghĩa và của Jean Paul Sartre.

— Hồi còn ở tù, Djilas không được phép viết. Ông dùng giấy vệ sinh và đôi dao cạo của mình lấy một cây bút máy của một bạn tù để viết trộm. Viết hai năm xong cuốn *Les batailles perdues*, gồm một nghìn tám trăm sáu mươi bảy tờ giấy.

— Xong cuốn ấy, lại viết luôn cuốn khác : *Les mondes et les ponts*, lại cũng hai năm nữa. Được hai nghìn trang bản thảo.

Đời danh nhân

Mấy bộ *Proust* của Painter vừa qua Sài Gòn là bán hết sạch. Năm ngoái cuốn *Balzac* của A. Maurois, cuốn *Tolstoi* của H. Troyat cũng bán mạnh, cũng nổi tiếng. Nhiều cuốn lịch sử danh nhân gần đây đều gặp thành công như thế; *Dickens* của J. Forster, *Voltaire* của J. Orieux...

Jean François Revel đã chú ý đến điều ấy. Ông cho rằng loại tiểu sử danh nhân, nó vừa có ít nhiều tính cách của lịch sử vừa có ít nhiều đặc điểm của tiểu thuyết. Bởi vậy trong khi lịch sử với tiểu thuyết dần dần muốn từ chối vai trò kể chuyện cho quần chúng nghe thì quần chúng quay ra tìm những câu chuyện có đầu có đuôi trong loại này.

Chuyện có đầu có đuôi lại cũng có sự thực chính xác để thỏa mãn khiêu yêu chuộng chân lý mà cũng có điều ly kỳ (vì cuộc đời ngoại hạng nào chẳng có chỗ ly kỳ ?) để thỏa mãn óc tưởng tượng. Do đó nó thành công.

Lão văn hào phái tả

Gần đến tận cùng tuổi già một văn thi sĩ vừa siêu thực vừa hiện-thực (xã-hội chủ-nghĩa) là Aragon có vài cử chỉ thích thú. Cuốn *Những người cộng sản*ⁿ (*Les communistes*) đã ra đời từ lâu, bây giờ ông mang ra viết lại hết từ đầu tới cuối. (Theo quan điểm mới, dĩ nhiên). Quan điểm mới ấy được phát biểu như sau : « Dù là vẽ dù là viết, là nghệ thuật hay là xã-hội chủ-nghĩa, trong bất cứ địa hạt nào cũng luôn luôn phải đặt lại vấn đề, phải có chuyển dịch, có biến đổi.»

Quả nhiên, trong cuốn *Những người cộng sản* có biến đổi thực. Chẳng hạn trong bản cũ có những đảng viên lúc sắp tắt hơi còn kháo với nhau về cuốn *Lịch sử đảng cộng sản* của Staline : « Có một cuốn sách như thế người ta hiểu tất cả những điều xảy ra ! » Aragon cho rằng đó là một trong những thảm trạng bi đát của thời hiện đại. Khi viết lại bản mới, tác giả bèn « đặt lại vấn đề » bèn « biến đổi ». Nghĩa là tác giả thêm vào một câu, tiếp theo đoạn cũ : « Lòng tin tưởng mới đẹp đẽ làm sao ! »

Ừa, đẹp một cách bi thảm ?

Lão-văn hào phái hữu.

Nhân kỳ tranh cử vừa rồi ở Pháp, François Mauriac theo dõi các chính khách xuất hiện trên vô tuyến truyền hình. Ông điem mặt từng người.

Về lãnh tụ cộng sản, Waldeck Rochet, ông cho rằng chủ nghĩa mác-xít lê-nin-nít đã lau chùi sạch sẽ hết trơn mọi dấu vết cá tính trên khuôn mặt ấy. (Ông còn

nhấn mạnh rằng chưa bao giờ sự tẩy xóa của chủ nghĩa mác-xít lê-nin-nít thành công tới bậc đó trên một khuôn mặt con người. Vậy thì W. Rochet đúng là con người điển hình). F. Mauriac tự hỏi một công dân như thế ngoài những đường lối và huấn thị của đảng, có thể có một sở thích nào riêng chẳng, giữa hành với họ chẳng hạn, có thể ưa món nào hơn món nào chẳng ?

Nói chung thì các chính khách phe tả, F. Mauriac cho là mặ: dù già hay trẻ, họ đều có vẻ cổ kính cả, họ tiếp tục kể lại một câu chuyện đã... chấm dứt từ khuya. Thử so sánh Mitterand và Pompidou, cùng một lứa tuổi, kể tả người hữu. Mitterand lại nhai mãi một chính sách từ thời kỳ giải phóng nước Pháp cho tới giờ, một chính sách chẳng đi tới đâu.

Trái lại, Pompidou thì tươi tắn như một con mắt ! Ông ta mới vừa bước chân vào chính trường, bước thong thả khoan thai, bình tĩnh chầm một điệu xi-gà. Ông ta là người trí thức, kiến văn rộng rãi hơn bao nhiêu là kẻ khác, có uy tín trong giới đại-học mà cũng biết giới phong lưu nhiều. Tay ấy chuyện gì cũng sành.

Gần đây ra đời một tác phẩm biên khảo về những hoạt động chính trị của phái Hiện-sinh (*Les existentialistes et la politique*). Hiện sinh thì dẫn thân mạnh, và dĩ nhiên là vào phe tả. Nhưng cứ xem F. Mauriac thì văn thi sĩ cực hữu cũng dẫn thân khiếp chứ phải chơi đâu.

Cuộc bầu cử Tổng thống và Thượng nghị viện tại Việt-Nam đã ở ngay trước mắt : Giới văn nghệ cả tả lẫn hữu ở ta có ai chịu chơi đến bậc ấy không nhỉ ?

Cái nhục làm thơ

Eugenio Montale, theo sự nhận định của nhiều nhà phê bình, là thi hào bậc nhất của Ý hiện đại. Năm nay đã 71 tuổi, ông mới vừa được nhà Gallimard in một loạt ba thi phẩm dịch ra tiếng Pháp. Văn học Pháp khám phá đôi khi cũng muộn màng.

E. Montale nói rằng tới 52 tuổi ông tập viết báo hàng ngày. Hỏi : có phải ông thấy

hồ thẹn về chuyện làm thi sĩ ? Ông đáp : «Có thể chút ít, có cái gì hồ thẹn mờ mờ. Tôi không cho rằng một nhà thơ có quyền đứng trên một người thường sống, một cách chân thực. Nghệ thuật là hình thức sống của những kẻ không biết sống... Một thi sĩ không nên rời bỏ cuộc sống. Chính cuộc sống tự nó trốn thoát thi sĩ». Lại nói thêm rằng : «Thi ca là một thứ an ủi của cá nhân. Điều tai hại là người ta đem nó ra xuất bản.»

Sự tai hại xuất bản đưa tới tai hại cuối cùng : E. Montale thành ra đại thi-hào.

TRANG-THIÊN



Người giết Tần Cối

Vở kịch : « Người giết Tần Cối » của Phan từng Mai, một trong những nhà văn đoạt giải văn chương toàn quốc năm 1966, sẽ được trình diễn tại rạp Thống Nhất trong hai ngày 29 và 30 tháng 7-1967. Kịch dài ba màn. Nhân vật chính : người giết Tần Cối vắng mặt hoàn toàn. Anh ta đã hạ sát một anh kép hát đang đóng vai Tần Cối trên sân khấu cải lương. Vở kịch xoay quanh vụ án mạng đó.

Kiều Hạnh, Mi Tín, Duy Trác, La thoại Tân, Văn Thiệt, Đỗ Anh, Diễm Kiều đảm nhiệm các vai chính. Mỗi buổi chiều, trong một căn phòng nhỏ tại trường Quốc-gia âm nhạc những

diễn viên nhà nghề này đã ráo riết tập rượt. Đạo diễn Thiếu Lang cho biết tất cả đã liên tiếp làm việc từ hai tháng nay với hy vọng mở màn phong trào phục hồi phong độ cho nền thoại kịch.

Thoại kịch đã ngủ say sưa hàng chục năm. Dần dần người ta có thể làm tưởng kịch chỉ được viết ra để đọc, không hề diễn. Đánh thức bộ môn này là một việc khó khăn, đáng khuyến khích

Kịch tác gia Phan từng Mai còn hy vọng rằng, sau « Người giết Tần Cối » ông sẽ đưa lên sân khấu vở « Nhà độc tài mến yêu ». Minh đăng Khánh và ban kịch Gió Khơi đã đảm nhận vở kịch mang nhiều tính chất thời sự này.

LỜI KÊU GỌI CỦA NHÓM CHỦ TRƯỞNG TẬP-SAN SỬ-ĐỊA

Tập San Sử Địa hiện đang sửa soạn Số 7, đặc khảo về kỷ niệm 100 năm Phan Thanh Giản và sự thất thủ Ba tỉnh Miền Tây.

Nhóm chủ trương kêu gọi quý độc giả xa gần đóng góp các tài liệu liên hệ cho số đặc khảo này thật phong phú — đánh dấu 100 năm tìm hiểu người xưa. Địa chỉ liên lạc : 221, Cộng Hòa Sài Gòn.

Cáo Lỗi

Tác phẩm *NĂM THÁNG HOÀI MONG*, trước đây chúng tôi dự định cho phát hành vào đầu tháng 7-1967.

Nhưng vì lý do ngoài ý muốn, *NĂM THÁNG HOÀI MONG* chưa đến tay bạn đọc như đã quảng cáo.

Chúng tôi chân thành cáo lỗi, cảm ơn các bạn đọc có lòng yêu đã gửi thư, gọi giây nói hỏi han tin tức..., các văn hữu và xuất bản đã khuyến-khích đề án hành tác phẩm trên, và xin cố gắng sẽ gửi tới tay bạn đọc khi có cơ hội.

NGUYỄN - THỊ - XINH
MAI - QUANG - TIỆP

Đã phát hành :

HÀNH TRÌNH SANG ĐÔNG PHƯƠNG của Hermann Hesse
André Gide đề tựa, Hoài Khanh dịch

Đây là tác phẩm kinh nghiệm tâm linh kỳ bí của Hermann Hesse mà trong lời tựa André Gide đã viết : «... tôi nhận thấy cuốn sách đã bộc lộ nhiều sự lạ lùng» và H. Hesse đã viết.

Sắp phát hành :

CON ĐƯỜNG THUỐC LÁ của Erskine Caldwell
NHỮNG NGÀY THƯƠNG NHAU của Hermann Hesse
(Narziss und Goldmund)

CA DAO xuất bản
Coi sóc : Hoài Khanh

Du khách thăm Dalat nên dùng :
áo len đẹp, rẻ, bền, và hợp thời trang

của **TRANG NHÀ**

32, Duy Tân — DALAT

SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được những sách sau đây do nhà sách Khai-Tri gửi tặng :

Tư-tưởng chính-trị Đông-Tây khái-luận của Nguyễn-phút-Tấn do nhà sách Khai-Tri xuất bản. Sách dày trên 300 trang gồm 5 chương, từ Thời Thượng-cổ đến thế-kỷ 20 với 8 bản đồ. Giá 120đ.

Tinh thần Khoa-học Đại-học (Khái-niệm con đường văn-hóa Việt-Nam) của Nguyễn-dăng-Tỷ học, do nhà sách Khai-Tri xuất bản. Sách dày 234 trang. Giá 120đ.

Thực-trạng của giới nông-dân Việt-Nam dưới thời Pháp thuộc của Phạm-cao-Dương do nhà sách Khai-Tri xuất bản. Sách dày : 252 trang.

Lá thư Bắc-Kinh nguyên tác của Pearl S. Buck, bản dịch của Vũ-Minh Thiều do « Gió bốn phương » xuất bản. Sách dày 174 trang. Giá 80đ.

Người hùng nguyên tác của Wilhelmine von Hillern bản dịch của Nguyễn-khoa-Huân, do « Gió bốn phương » xuất bản. Sách dày 296 trang. Giá 80đ.

Cậu hoàng con nguyên tác của Antoine de Saint Exupery, bản dịch của Trần Thiện Đạo, do nhà sách Khai-Tri xuất bản. Sách dày 128 trang. Giá 60đ.

Xin cảm ơn Ông Giám đốc nhà sách Khai-Tri và trân trọng giới thiệu cùng quý vị độc giả Bách Khoa.

oOo

— **Giọt thời gian** tập thơ của Bà Mộng-Trung, do Xây Dựng xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 110 trang, in trên giấy tốt, gồm trên 40 bài thơ ; « Lời giới thiệu » của Hoàng-Xuân-Hân. Giá 100đ.

— **Đêm da vàng** tập thơ của Từ-Băng do Chinh-Nguyên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm trên 40 bài thơ. Giá 65đ.

— **Tình dân** (Xuân thời khói lửa) tập thơ của Xuân-Phong Nguyễn-ngọc-Cầm do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 58 trang gồm 65 bài, vừa thơ cảm-tác vừa thơ dịch. Ấn-bản Tình Dân-tộc. Giá 200đ.

Thuốc mới :

Viên thuốc bọc đường ALGAN

(KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v.v .,

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

K.N số 2080-BYT/QGD?

75, Nguyễn-bình-Khiêm — SAIGON